

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

TECHCOM CAPITAL 

BẢN CÁO BẠCH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM (TCBF)

**CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ
TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG**



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM (TCBF)

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số: 29/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/06/2015

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ thương - TechcomCapital (“TCC”)

Địa chỉ : Tầng 10, tòa nhà Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84-4) 39446368 **Fax:** (84-4) 39446583

Website : www.techcomcapital.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Ông : Đặng Lưu Dũng – Giám đốc

Địa chỉ : Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ thương

Tầng 10, tòa nhà Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84-4) 39446368 **Fax:** (84-4) 39446583

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày / /2017.

THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Các nhà đầu tư nên nghiên cứu Bản Cáo Bạch này một cách cẩn trọng và toàn diện và không nên coi nội dung hoặc các tóm tắt ở đây là các tư vấn liên quan đến pháp lý, thuế, hoặc tài chính/đầu tư và nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của mình về các yêu cầu pháp lý hoặc các điều kiện hoặc bất kỳ các hạn chế nào khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (chuyển nhượng; chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ, việc xử lý khoản thu nhập (nếu có), lợi nhuận đầu tư, hoặc các khoản phân phối lợi nhuận, các khoản thuế khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (bán, chuyển giao, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ trong phạm vi lãnh thổ tài phán áp dụng đối với quốc tịch, nơi cư trú của mình hoặc theo luật pháp của bất kỳ quốc gia hay lãnh thổ nào áp dụng cho Nhà Đầu Tư hoặc bất kỳ quỹ được quản lý nào được sử dụng để mua Đơn Vị Quỹ, và xác định các vấn đề có thể phát sinh liên quan đến pháp lý, thuế, tài chính hay các vấn đề khác từ việc mua và nắm giữ Đơn Vị Quỹ trước khi quyết định đăng ký mua Đơn Vị Quỹ.

Bản Cáo Bạch này và Các Đơn Vị Quỹ chưa được đăng ký ở bất kỳ lãnh thổ tài phán nào ngoài Việt Nam. Việc công bố Bản Cáo Bạch này tại một số lãnh thổ tài phán có thể bị hạn chế hoặc phải tuân thủ các yêu cầu về đăng ký. Theo đó ở một số nước, người đọc Bản Cáo Bạch cần phải hiểu và phải tuân thủ các hạn chế đó. Người nhận được Bản Cáo Bạch này hoặc bất kỳ Đơn Đăng Ký nào tại lãnh thổ tài phán nói trên không được coi Bản Cáo Bạch này hay Đơn Đăng Ký cấu thành bản chào mua Đơn Vị Quỹ hay sử dụng Đơn Đăng Ký trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi tại lãnh thổ tài phán đó bản chào như thế tới họ có thể được coi là hợp pháp và Đơn Đăng Ký có thể được sử dụng một cách hợp pháp mà không cần phải tuân thủ bất kỳ yêu cầu đăng ký hoặc yêu cầu pháp lý nào khác.

Không người nào được ủy quyền để cung cấp bất kỳ thông tin hoặc đưa ra bất kỳ tuyên bố nào không được xác nhận trong Bản Cáo Bạch này liên quan đến đợt phát hành này hay việc phát hành các Đơn Vị Quỹ, và bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không có trong Bản Cáo Bạch này không được dựa vào như là đã được phê duyệt bởi TechcomCapital. Nhà Đầu Tư được yêu cầu phải kiểm tra các thông tin về uy tín của cá nhân/công ty mà mình ủy thác Đơn Đăng Ký và ủy thác thanh toán cho bất kỳ giao dịch nào với Quỹ. Quỹ hoặc TechcomCapital không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hành vi được thực hiện bởi các tổ chức trung gian đại diện cho hoặc được cho là đại diện cho Nhà Đầu Tư đó.

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1.	Công ty quản lý quỹ	5
2.	Ngân hàng giám sát	5
II.	CÁC ĐỊNH NGHĨA	5
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ	9
1.	Lợi thế của quỹ mở	9
2.	Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô	9
3.	Thị trường trái phiếu Việt Nam	12
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TECHCOMCAPITAL	15
1.	Các thông tin chung về TechcomCapital	15
2.	Hội đồng thành viên TechcomCapital	15
3.	Ban điều hành TechcomCapital	16
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	16
VI.	CÔNG TY KIỂM TOÁN	16
VII.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	17
VIII.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	17
1.	Ủy quyền đại lý chuyển nhượng	17
2.	Ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ đầu tư	17
IX.	THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM (TCBF)	17
1.	Thông tin chung về Quỹ	17
2.	Điều lệ Quỹ tóm tắt	17
3.	Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ	20
4.	Các loại phí và chi phí	27
5.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	30
6.	Phân phối lợi nhuận và chính sách thuế	31
7.	Đại hội Nhà đầu tư	32
8.	Ban Đại diện Quỹ dự kiến	32
9.	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	33
X.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ LẦN ĐẦU	34
1.	Cơ sở pháp lý	34
2.	Thông tin về đợt phát hành lần đầu ra công chúng	35
XI.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	36
XII.	BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
1.	Báo cáo cho Nhà Đầu Tư	37
2.	Báo cáo Quỹ	37
3.	Báo cáo bất thường	37
4.	Gửi báo cáo tới Nhà Đầu Tư	37
5.	Báo cáo gửi tới cơ quan có thẩm quyền	37
XIII.	THÔNG TIN LIÊN LẠC	37
XIV.	CAM KẾT	38
XV.	PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	38
	PHỤ LỤC	39

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

Ông Hồ Hùng Anh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Đặng Lưu Dũng

Chức vụ: Giám đốc

Bà Phan Thị Thu Hằng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Tuy vậy, thông tin trong Bản Cáo Bạch này chưa được thẩm định bởi bất kỳ bên nào khác ngoại trừ như được đề cập tại Bản Cáo Bạch này.

2. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Đại diện theo pháp luật: NIRUKT NARAIN SAPRU

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ thương (Techcom Capital – “TCC”) lập. Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng Giám sát của Quỹ Đầu tư trái phiếu Techcom (TCBF) sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ được ký kết giữa chúng tôi với Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ thương, là công ty quản lý Quỹ Đầu tư trái phiếu Techcom và theo quy định của pháp luật. Chúng tôi tin rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng bởi TCC và các bên khác có trách nhiệm theo luật định.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“AML”	nghĩa là phòng chống rửa tiền.
“Bản Cáo Bạch”	là tài liệu này, các phụ lục kèm theo và những hiệu chỉnh hợp lệ (nếu có) sau đó bởi TCC, cung cấp và công khai chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ TCBF và các thông tin liên quan đến việc chào bán, phát hành và giao dịch Chứng Chỉ Quỹ TCBF.
“Ban Đại Diện Quỹ”	là một ban được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để đại diện cho các Nhà Đầu Tư nhằm mục đích giám sát hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Chứng Chỉ Quỹ”	là chứng khoán do TCC đại diện Quỹ TCBF phát hành dưới dạng ghi sổ hoặc bút toán, là bằng chứng về quyền hợp pháp của Nhà Đầu Tư đối với tài sản hay vốn của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ do Nhà Đầu Tư nắm giữ.
“Cổ Tức của Quỹ”	là các khoản lợi nhuận còn lại của mà Quỹ sau khi trừ đi các chi phí/giá dịch vụ hợp lệ và được phân phối cho Nhà Đầu Tư tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ, và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
“Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương”	là công ty được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008 và Giấy phép điều chỉnh người đại diện số 48/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/09/2012 hoặc bất kỳ Công ty quản lý quỹ nào khác được chỉ định thay thế. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom.
“Công Ty Quản Lý Quỹ”	là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương như mô tả ở mục IV.1. của Bản Cáo Bạch này.
“Công Ty Kiểm Toán”	là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định.

“Đại lý Chuyển Nợ”	có nghĩa là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam như mô tả tại mục VIII.1. của Bản Cáo Bạch này do Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nợ cho Quỹ.
Đại Lý Ký Danh	là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sở phụ. Chi tiết hoạt động của Đại Lý Ký Danh được quy định tại điều 45 của Điều Lệ
“Đại Lý Phân Phối”	là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở và được Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối..
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là cuộc họp của những Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết của Quỹ được tổ chức định kỳ hay bất thường để thông qua các vấn đề của Quỹ cần có sự quyết định của những Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư như quy định tại mục VII và Phụ Lục 1 của Bản Cáo Bạch này.
“Điều Lệ”	là điều lệ, các phụ lục kèm theo quy định cơ chế và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) quy định quy chế quản lý cho Quỹ TCBF.
“Đơn Đăng Ký”	là đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn Vị Quỹ.
“Đơn Vị Quỹ”	là vốn Điều Lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau khi kết thúc đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ và có một quyền biểu quyết.
“VNĐ”	là tiền tệ hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
“DPP”	là lựa chọn nhận cổ tức bằng tiền như được mô tả chi tiết tại mục IX.6.1.
“DRIP”	là lựa chọn tái đầu tư cổ tức như được mô tả chi tiết tại mục IX.6.1.
“Đầu Tư Định Kỳ”	là kế hoạch đầu tư định kỳ tức là kế hoạch đầu tư vào Quỹ theo một chu kỳ đều đặn như được mô tả chi tiết ở mục IX.3.9. của Bản Cáo Bạch này
“NAV”	là giá trị tài sản ròng, được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ được tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
“HNX”	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HNX Index”	là chỉ số chứng khoán của HNX.
“HSX”	là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Hệ Thống Kế Toán Việt Nam”	là hệ thống kế toán quy định bởi Bộ Tài Chính của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định áp dụng cho các công ty được thành lập tại Việt Nam.
“Hợp Đồng Giám Sát”	là hợp đồng được ký kết giữa TCC và Ngân Hàng Giám Sát.
“IPO”	là phát hành lần đầu ra công chúng tức là khi Đơn Vị Quỹ được chào bán công khai ra công chúng lần đầu tiên.
“KYC”	là nhận biết và tìm hiểu khách hàng.
“Lệnh Bán”	là lệnh của Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ mua lại một phần hay tất cả Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư sở hữu.

“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	là Lệnh Bán được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận sở hữu bởi Nhà Đầu Tư đó.
“Lệnh Mua”	là lệnh của Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ phát hành Đơn Vị Quỹ.
“Lệnh Mua Được Chấp Nhận”	là Lệnh Mua được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
“Lệnh Chuyển Nhượng”	là lệnh của Nhà Đầu Tư chuyển nhượng quyền sở hữu một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.
“Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận”	là Lệnh Chuyển Nhượng được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ được chuyển nhượng được xác nhận sở hữu bởi Nhà Đầu Tư đó.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ”	là lệnh của Nhà Đầu Tư yêu cầu bán một phần hay tất cả các Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận”	Là Lệnh Chuyển Đổi Quỹ được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ bán được xác nhận sở hữu bởi Nhà Đầu Tư đó.
“Lệnh Được Chấp Nhận”	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các lệnh trên trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
“Luật” hay “Pháp Luật”	là luật hay pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
“Năm Tài Chính”	là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày SSC cấp giấy phép thành lập của Quỹ đó đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó, trừ khi thời gian còn lại của năm đầu tiên ít hơn 3 (ba) tháng, trong trường hợp đó, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31/12 của năm sau.
“Ngày Làm Việc”	là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Ngày định giá là: - Ngày giao dịch (để phục vụ cho việc tính giá phát hành và giá mua lại); và - Ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.
“Ngày Giao Dịch”	là ngày định giá mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ mở.
“Ngân Hàng Giám Sát”	là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng thương mại được thành lập theo Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015, thực hiện các nghiệp vụ (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 35 của Điều lệ.

“Nhà Đầu Tư”	là cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ và được đăng ký tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.
“Ngày Chốt Danh Sách”	là ngày mà các Nhà Đầu Tư được ghi nhận trên Sổ Đăng Ký được xem là đủ điều kiện tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư, nhận cổ tức và các hoạt động khác của Quỹ.
“Quỹ”	là Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Techcom (TCBF) được mô tả trong Bản Cáo Bạch này.
“Sổ Đăng Ký”	là tài liệu ghi nhận thông tin về mỗi Nhà Đầu Tư.
“SSC” hay “UBCKNN”	là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước của Việt Nam.
“Thời Điểm Đóng sổ Lệnh”	là thời điểm cuối cùng các lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ nhận được tại Đại Lý Phân Phối được thực hiện tại Ngày Giao Dịch, như quy định chi tiết tại mục IX.3.2. của Bản Cáo Bạch này.
“Vốn Điều Lệ”	là tổng số vốn bằng tiền do các Nhà Đầu Tư thực góp trong đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ
“VN Index”	là chỉ số chứng khoán của HSX.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như mô tả trong Luật áp dụng theo từng hoàn cảnh sử dụng của Điều Lệ hoặc của Bản Cáo Bạch này.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Lợi thế của quỹ mở

Quỹ mở là một kênh đầu tư tương đối mới mẻ đối với các nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam nhưng được dự báo sẽ trở thành một xu thế trong tương lai gần. Đầu tư vào quỹ mở có nhiều ưu điểm so với đầu tư chứng khoán riêng lẻ hay đầu tư vào các loại hình quỹ khác như quỹ đóng, quỹ ETFs hay quỹ tín thác:

- *Đa dạng hóa danh mục đầu tư:* Nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ mở nghĩa là đang đầu tư vào một danh mục bao gồm các loại chứng khoán không tương quan, qua đó góp phần đa dạng hóa rủi ro với chi phí thấp hơn so với đầu tư riêng lẻ vào từng loại chứng khoán.
- *Quản lý tài sản chuyên nghiệp:* Nhà đầu tư được tiếp cận với dịch vụ quản lý tài sản chuyên nghiệp bởi các chuyên gia nhiều kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn cao về đầu tư và quản trị danh mục đầu tư. Nhờ đó, nhà đầu tư có thể đạt được hiệu quả đầu tư cao hơn mà không tốn nhiều thời gian.
- *Tính thanh khoản cao:* Lợi thế của quỹ mở so với quỹ đóng là định kỳ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ. Do đó, nhà đầu tư có thể linh hoạt bỏ tiền vào hoặc rút tiền ra bằng cách giao dịch với quỹ vào ngày được quy định.
- *Giá mua/bán chứng chỉ quỹ không biến động ngoài giá trị tài sản ròng như quỹ đóng niêm yết:* Quỹ mở cho phép nhà đầu tư được mua/bán chứng chỉ quỹ với giá mua/bán chính bằng giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày giao dịch cộng với giá dịch vụ phát hành/trừ đi giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển tiền và thuế (nếu có).
- *Tính linh hoạt của “gia đình quỹ”:* Thông thường, quỹ mở là một phần của “gia đình quỹ” mà công ty quản lý quỹ sở hữu. Do đó, nhà đầu tư có thể dễ dàng chuyển từ quỹ này sang quỹ khác khi mục tiêu đầu tư thay đổi với chi phí thấp hơn so với việc chuyển đổi đầu tư chứng khoán riêng lẻ.

2. Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

Nền kinh tế Việt Nam nhìn chung đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất kể từ thời kỳ hậu khủng hoảng kinh tế thế giới 2008. GDP tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong năm 2014, lạm phát được kiểm chế ở mức thấp, tỷ giá ổn định và mặt bằng lãi suất giảm mạnh là những dấu hiệu rõ nét cho thấy kinh tế đang phục hồi và mở ra triển vọng của một chu kỳ tăng trưởng mới.

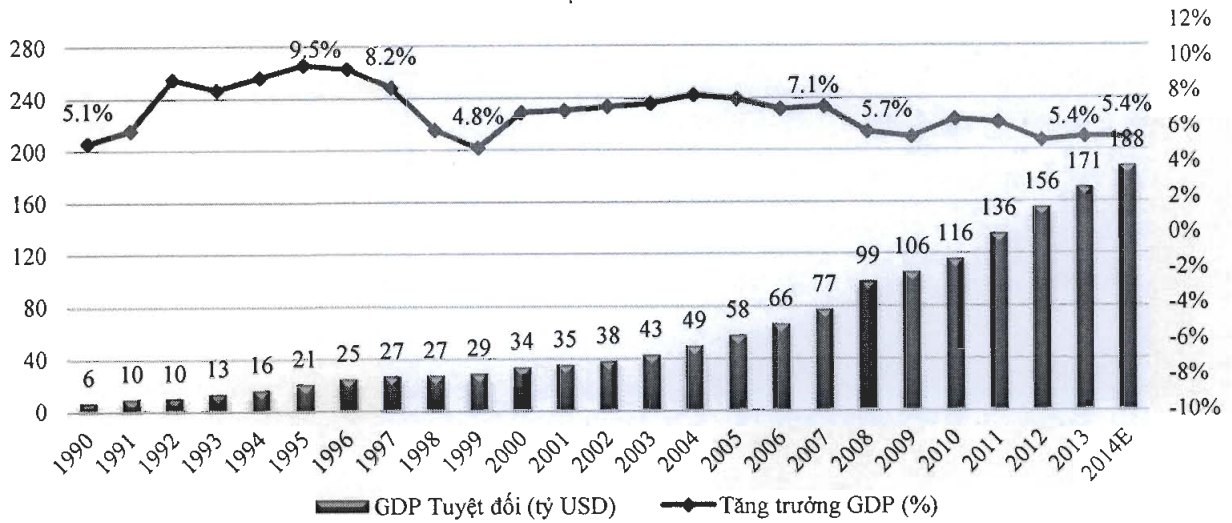
Tăng trưởng GDP có xu hướng phục hồi trở lại.

Giai đoạn 2008 – 2012, nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trưởng chậm, số doanh nghiệp giải thể phá sản tăng mạnh, hàng tồn kho lớn, tỷ lệ nợ xấu cao, lãi suất cho vay tăng mạnh vượt mức sinh lợi của doanh nghiệp.

Nhờ vào những nỗ lực điều hành kinh tế vĩ mô thông qua các chính sách tiền tệ thắt chặt, kích cầu và tái cơ cấu nền kinh tế của Chính phủ, những tín hiệu hồi phục đã xuất hiện từ cuối năm 2013, tăng trưởng GDP cả năm tăng lên mức 5,4% so với mức 5,2% của năm 2012. Mức tăng này chủ yếu đến từ khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ với mức đóng góp lần lượt là 2,09 và 2,85 điểm phần trăm.

Qua 9 tháng đầu năm 2014, tăng trưởng GDP tiếp tục giữ được xu hướng phục hồi, tăng 5,62% so với cùng kỳ 9T2013. Trong đó, khu vực Công nghiệp và xây dựng đóng góp nhiều nhất (tăng 6,42%, đóng góp 2,46 điểm phần trăm), khu vực Dịch vụ đóng góp 2,62 điểm phần trăm, còn lại là khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản.

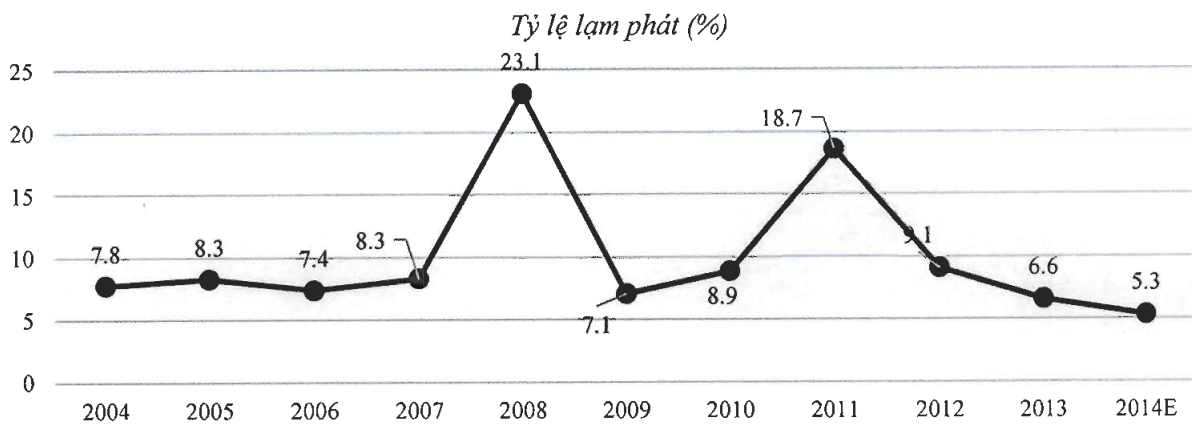
GDP Việt Nam 1990 - 2014E



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, TechcomCapital

Tỷ lệ lạm phát ở mức thấp nhất trong 10 năm qua.

Việt Nam đã trải qua giai đoạn khó khăn trong 6 năm qua, khi lạm phát phi mã và từng lên đến mức 2 con số vào năm 2008 và 2011, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, cùng những bất cập trong nội tại nền kinh tế.



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, TechcomCapital

Chính phủ đã thực hiện các bước đi mạnh mẽ để nhằm mục tiêu kiềm chế lạm phát, bao gồm chính sách tiền tệ linh hoạt, chính sách tài khóa chặt chẽ, điều hành lãi suất phù hợp, kiểm soát dư nợ tín dụng và bảo đảm chất lượng tín dụng, điều hành hiệu quả tỷ giá, thị trường ngoại hối, thị trường vàng, bảo đảm giá trị đồng tiền Việt Nam, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, tăng dự trữ ngoại hối, thúc đẩy phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán,... lạm phát đã có dấu hiệu giảm tốc rõ rệt, chỉ số CPI năm 2012 chỉ còn tăng 9,09% so với năm 2011 và trở về mức 6,59% vào cuối năm 2013.

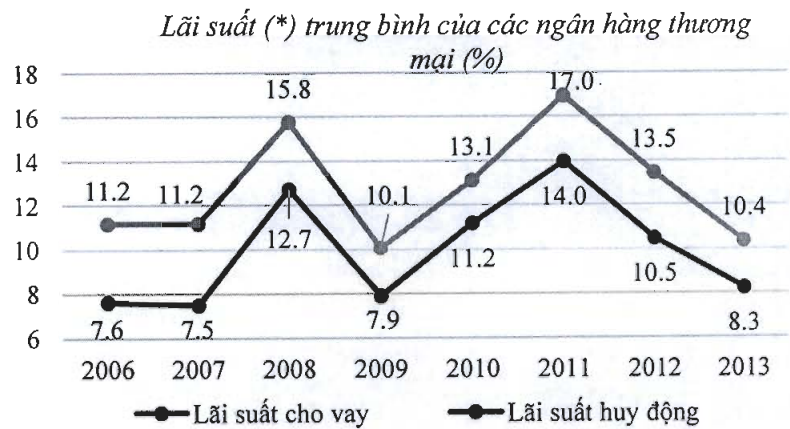
Tháng 10/2014, CPI chỉ tăng 3,23% so với cùng kỳ 2013 và tăng 2,36% so với đầu năm (là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua).

Mặt bằng lãi suất trở về mức ổn định.

Lãi suất ngân hàng đã từng có thời điểm bị đẩy lên rất cao trong giai đoạn 2008 – 2011 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế đến từ lạm phát cao và hiệu quả đầu tư thấp.

Năm 2013, mặt bằng lãi suất đã trở lại mức ổn định như năm 2007. Cuối tháng 10/2014, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục hạ trần huy động lãi suất các kỳ hạn ngắn từ 6% xuống còn 5,5%, tạo cơ hội giảm lãi vay và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.

Lạm phát thấp đi kèm với lãi suất ổn định là bằng chứng cho sự thành công trong việc điều hành chính sách tiền tệ của Việt Nam, củng cố niềm tin vào một kỳ tăng trưởng mới.

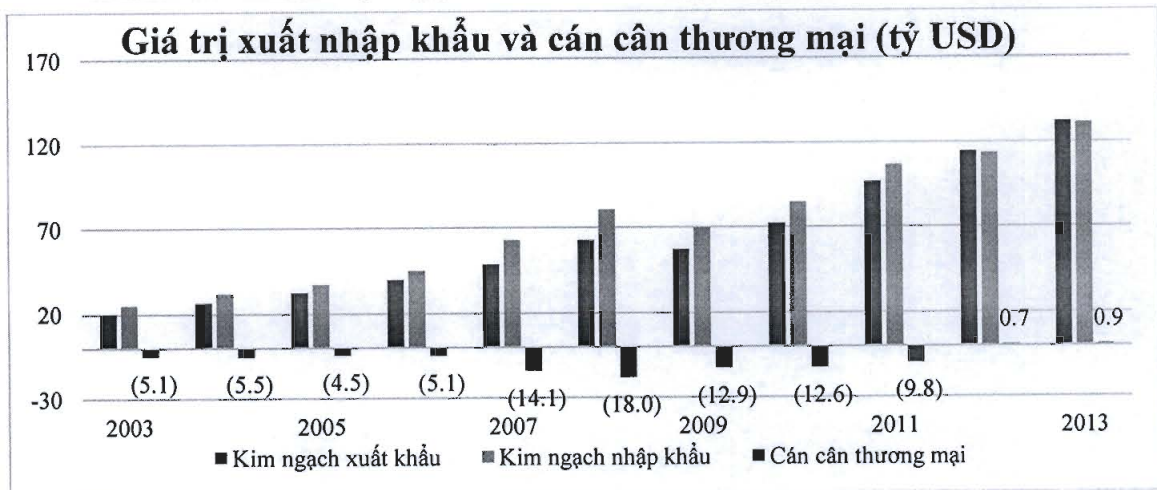


(*) Kỳ hạn một năm
Nguồn: Ngân hàng Thế giới, TechcomCapital

Xuất khẩu tăng mạnh, Việt Nam lần đầu tiên có vị thế xuất siêu.

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, xuất khẩu Việt Nam đã liên tục duy trì mức tăng trưởng cao với mức tăng trung bình là 20,55% trong giai đoạn 2007-2011. Cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch dần từ sản phẩm thô (dầu mỏ, than đá, cao su, gạo) sang sản phẩm công nghiệp chế biến và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

Năm 2013, kim ngạch xuất khẩu tăng 15,4% so với năm 2012. Trong đó, 2 lĩnh vực xuất khẩu lớn nhất là điện thoại & linh kiện đạt kim ngạch 21,5 tỷ USD, tăng 69,2%; hàng dệt may đạt 17,9 tỷ USD, tăng 18,6%. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm vai trò lớn với việc đóng góp 2/3 giá trị xuất khẩu, tăng 26,8% so với năm 2012 trong khi tỷ trọng của các doanh nghiệp trong nước là 33% với mức tăng 3,5%.

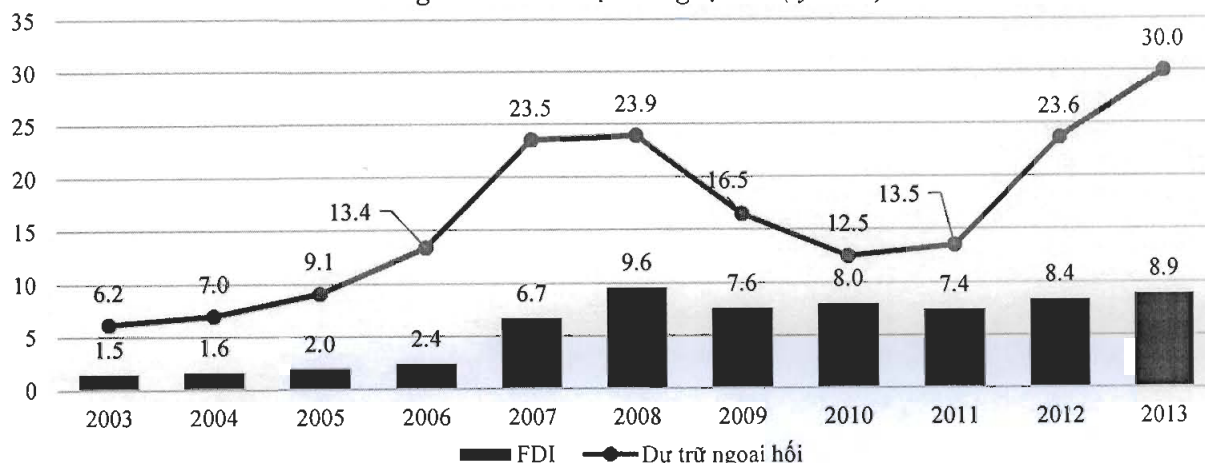


Nguồn: Tổng cục Hải quan, TechcomCapital

Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tăng mạnh. Dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục.

Mức đầu tư nước ngoài tăng lên đáng kể trong suốt 6 năm từ khi Việt Nam gia nhập WTO. Năm 2013, các doanh nghiệp FDI đã có những đóng góp ấn tượng trong tăng trưởng kinh tế và xuất nhập khẩu, đóng góp vào ngân sách nhà nước tăng gấp 9 lần so với năm 2000.

Dòng vốn FDI và dự trữ ngoại hối (tỷ USD)

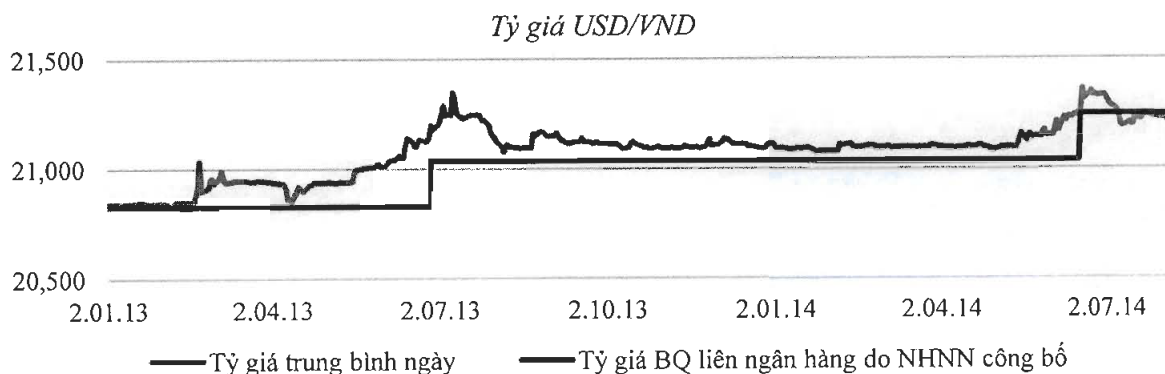


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, TechcomCapital

Cơ cấu FDI đã dịch chuyển từ lĩnh vực bất động sản và giải trí trước đây sang lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Năm 2013, có đến 73% doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực này.

Mức dự trữ ngoại hối của Việt Nam tăng nhanh, từ 6,5 tuần nhập khẩu vào cuối năm 2011 lên 12 tuần nhập khẩu cuối 2013. Đến hết tháng 9/2014, NHNN thông báo dự trữ ngoại hối đạt mức cao nhất từ trước đến nay, ở mức 35 tỷ USD, đóng góp không nhỏ vào công tác điều hành tỷ giá.

Tỷ giá hối đoái được giữ ổn định.



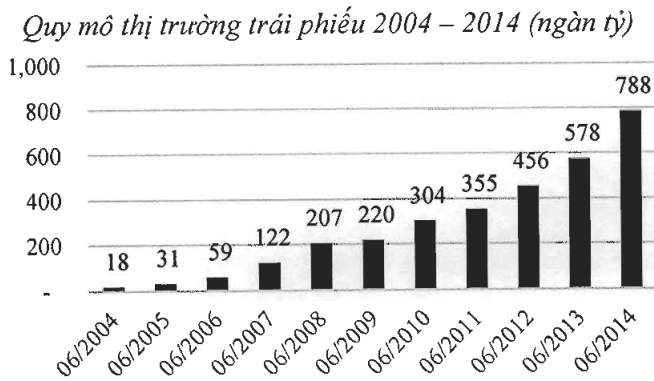
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Cán cân thương mại thặng dư, đi kèm với lượng dự trữ ngoại hối tăng nhanh, đã giúp NHNN duy trì tỷ giá ổn định trong suốt năm 2013 và nửa đầu năm 2014. Sau quyết định điều chỉnh tỉ giá lên 1% để hỗ trợ xuất khẩu của NHNN vào giữa tháng 6/2014, tỷ giá giao dịch trên thị trường liên ngân hàng và tại các ngân hàng thương mại tăng nhẹ, nhưng vẫn thấp hơn mức trần quy định. Tỷ giá VND/USD được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì ổn định trong thời gian tới do được hỗ trợ từ dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục 35 tỷ USD và vốn FDI giải ngân vẫn duy trì xu hướng tăng đạt 8,9 tỷ USD tính tới hết tháng 9/2014.

3. Thị trường trái phiếu Việt Nam

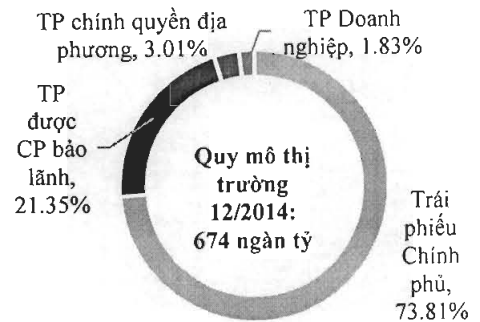
Nhìn chung, quy mô thị trường trái phiếu của Việt Nam còn nhỏ, chủ yếu tập trung ở các sản phẩm trái phiếu Chính phủ, quy mô phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn thấp. Tuy nhiên, trái phiếu và các công cụ nợ có thu nhập cố định là kênh dẫn vốn hiệu quả, giàu tiềm năng phát triển. Tốc độ tăng trưởng về quy mô của thị trường trái phiếu Việt Nam là cao nhất trong khu vực và thanh khoản liên tục tăng nhanh.

Cơ cấu thị trường trái phiếu hiện nay vẫn chủ yếu là các sản phẩm trái phiếu Chính phủ.



Nguồn: ADB

Cơ cấu dư nợ trái phiếu 12/2014



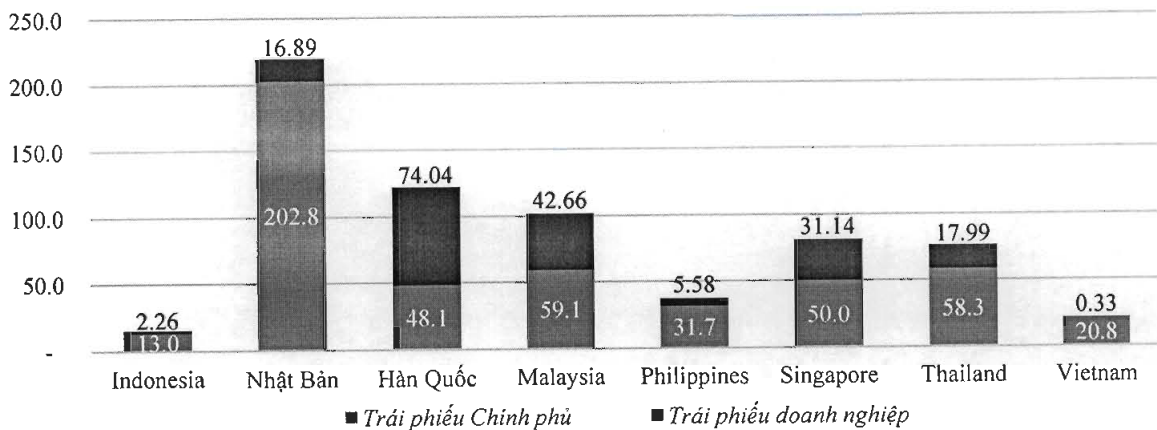
Nguồn: ADB, VBMA

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam tăng nhanh qua từng năm, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2004 – 2014 đạt 52%/năm. Tính tới cuối 2014, tổng dư nợ thị trường trái phiếu đạt 674 ngàn tỷ, trong đó trái phiếu Chính phủ và các trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh chiếm tỷ trọng lên tới 95%.

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam còn tương đối thấp so với các nước trong khu vực

Tỷ trọng dư nợ trái phiếu toàn thị trường/GDP của Việt Nam tính tới 06/2014 ước đạt trên 21%, tương đối thấp so với các nước như Thái Lan 76%, Singapore 81%, Malaysia 102%.

Tỷ trọng dư nợ trái phiếu/GDP tính tới 06/2014 (%)



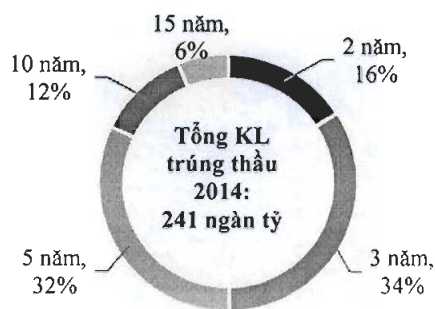
Nguồn: ADB

Mặc dù quy mô phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn thấp, tuy nhiên trái phiếu doanh nghiệp có tiềm năng phát triển lớn do có mức sinh lời thông thường cao hơn tiền gửi, ít rủi ro hơn đầu tư vào cổ phiếu và vàng. Đây là kênh dẫn vốn đang ngày càng được các doanh nghiệp Việt Nam ưa thích lựa chọn do có nhiều lợi thế so với các sản phẩm vay tín dụng ngân hàng truyền thống. Nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp hiện nay chủ yếu vẫn là các tổ chức tài chính tuy nhiên sự ra đời của các quỹ mở trái phiếu sẽ giúp nhà đầu tư cá nhân có thể tiếp cận kênh đầu tư này dễ dàng hơn.

Cấu trúc kỳ hạn của trái phiếu tập trung vào kỳ hạn 2 -5 năm.

Lượng trái phiếu trúng thầu trong những năm gần đây chủ yếu tập trung vào các kỳ hạn 2 năm đến 5 năm, chiếm khoảng 80% lượng tổng khối lượng trúng thầu hàng năm. Nguyên nhân chủ yếu do Nhà nước đẩy mạnh việc phát hành trái phiếu trong năm ở các kỳ hạn dưới 5 năm.

Tỷ lệ trúng thầu ở các kỳ hạn năm 2014



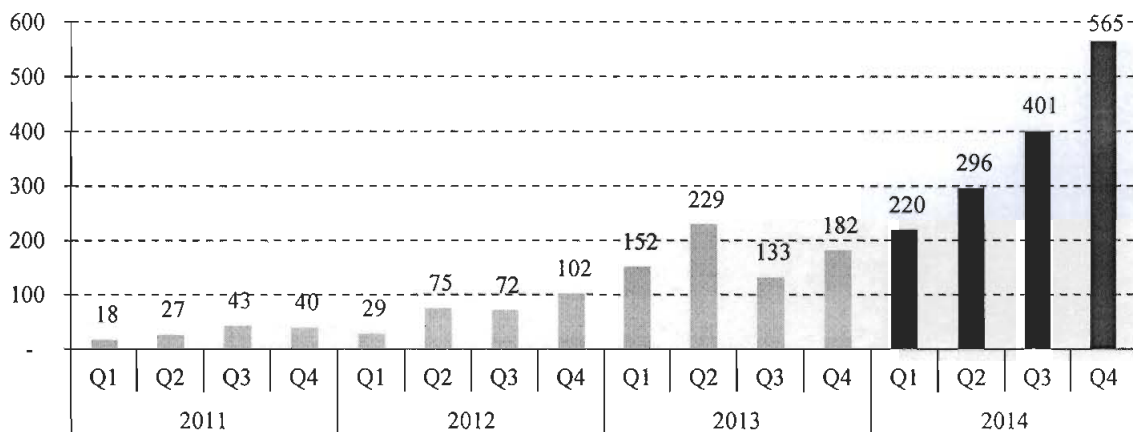
Nguồn: HNX

Thanh khoản thị trường trái phiếu tăng nhanh.

Quy mô giao dịch trái phiếu Chính phủ tăng mạnh, năm 2014 đạt 1.483 ngàn tỷ (tăng 113% so với 2013) một phần là do trong năm 2014 tăng trưởng tín dụng của toàn ngành ngân hàng ở mức thấp, làm cho thanh khoản hệ thống ngân hàng tăng cao dẫn đến dòng vốn lớn chảy vào thị trường trái phiếu và khiến cho nhu cầu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ tăng mạnh.

Tốc độ tăng trưởng quy mô giao dịch trái phiếu Chính phủ bình quân đạt 126%/năm giai đoạn 2011 -2014. Thanh khoản tăng nhanh qua các năm cho thấy thị trường trái phiếu đang trở thành kênh đầu tư ngày càng hấp dẫn.

Thống kê quy mô giao dịch trái phiếu Chính phủ (ngàn tỷ đồng)



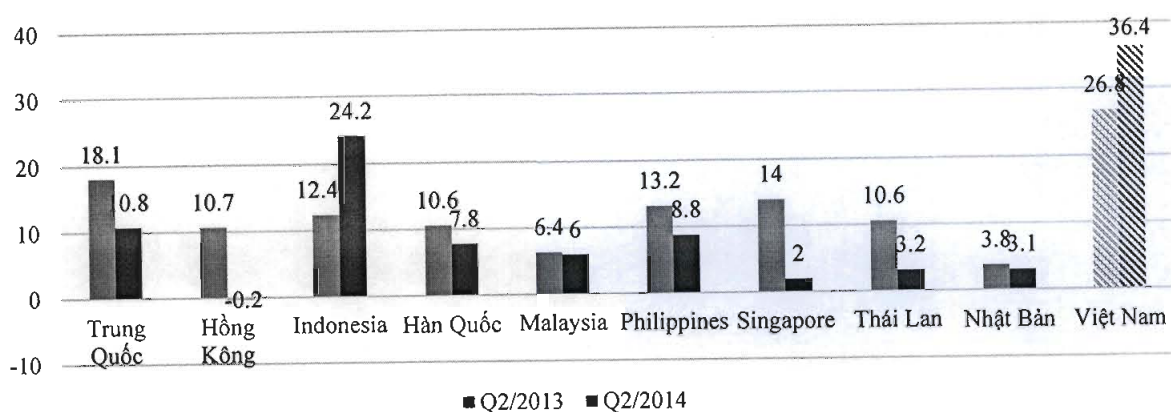
Nguồn: HNX

Tốc độ tăng trưởng của thị trường trái phiếu Việt Nam đạt mức cao nhất trong khu vực.

Nhu cầu vốn đầu tư cho nền kinh tế để đáp ứng tốc độ tăng trưởng kinh tế trong các năm tới cần được duy trì khoảng 40% GDP. Như vậy, xét về nhu cầu và xu hướng, thị trường trái phiếu Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng phát triển.

Theo lộ trình phát triển thị trường trái phiếu của Bộ Tài chính (ban hành theo Quyết định 261/2013), mục tiêu của Chính phủ là đưa tỷ trọng dư nợ trái phiếu/GDP từ 18% năm 2011 lên mức 38% vào năm 2020.

Tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường trái phiếu so với cùng kỳ năm trước (%)



Nguồn: ADB Asia Bond Monitor 9/2014.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

1. Các thông tin chung

- **Tên bằng tiếng Việt:** Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương
- **Tên bằng tiếng Anh:** TechcomCapital Company Limited
- **Tên viết tắt:** TechcomCapital (TCC)
- **Giấy phép thành lập:** Số 40/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 21/10/2008 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 07/GPĐC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 26/03/2013
- **Vốn điều lệ:** 40.000.000.000 đồng (bốn mươi tỷ đồng)
- **Địa chỉ đăng ký:** Tầng 10, số 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- **Điện thoại:** (+84) 4 39446368 **Fax:** (+84) 4 39446583

TechcomCapital thuộc sở hữu 100% của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).

Techcombank được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tp. Hà Nội cấp lần thứ 45 ngày 26/07/2013, đăng ký cấp lại mã số doanh nghiệp lần 1 ngày 03/07/2012 từ ĐKKD số 055697 do Trọng tài kinh tế Nhà nước cấp ngày 07/09/1993.

Vốn điều lệ: 8.848.078.710.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính: 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

2. Hội đồng thành viên

- **Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Ông Hùng Anh có kinh nghiệm quản lý sâu rộng trong lĩnh vực ngân hàng. Ông tham gia ban điều hành của Techcombank từ năm 2004 và nắm giữ nhiều vị trí khác nhau trong Hội Đồng Quản Trị (HĐQT). Ông được bầu làm Chủ tịch HĐQT Techcombank kể từ tháng 5 năm 2008.

Ông Hùng Anh hiện cũng là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, một trong những tập đoàn lớn nhất Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản phẩm tiêu dùng, dịch vụ tài chính và khai thác khoáng sản.

Ông Hùng Anh có bằng Kỹ sư điện tử tại Liên bang Nga.

- **Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thành viên Hội đồng thành viên**

Bà Hiền có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại các tổ chức tài chính lớn như Chinfon bank, Citibank và Techcombank. Hiện Bà là Quyền Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.

Bà Hiền tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính ngân hàng Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính ngân hàng trường Đại học Monash, Melbourne, Úc với học bổng chính phủ của Úc.

▪ **Ông Đặng Lưu Dũng – Thành viên Hội đồng thành viên**

Ông Dũng có trên 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, dự án tài chính, tái cơ cấu cấu trúc tài chính doanh nghiệp, đầu tư, mua bán sáp nhập, thị trường vốn, ngân hàng và quản lý quỹ. Trước khi gia nhập Techcombank vào năm 2012, ông Dũng có 5 năm kinh nghiệm làm việc tại FPT, nơi ông là một trong những người sáng lập Công ty quản lý quỹ FPT Capital và giữ chức vụ Giám đốc đầu tư rồi Tổng Giám đốc. Đáng chú ý trong khoảng thời gian này, ông đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập quỹ liên doanh Vietnam Japan Fund (với tổng tài sản 100 triệu USD) giữa FPT và SBI Holdings, sau đó ông cũng là một trong các thành viên của ban đại diện quỹ.

Trước khi làm việc tại FPT, ông Dũng đã có nhiều năm công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty luật quốc tế Freshfields Bruckhaus Deringer và Ngân Hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu (GP Bank). Trong năm 2006, ông giữ vai trò chỉ đạo trong việc đàm phán mua lại 20% cổ phần GP Bank của Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam .

Ông Dũng tốt nghiệp cử nhân loại ưu chuyên ngành Luật quốc tế tại Đại học Luật Hà Nội và có bằng Thạc sĩ Luật quốc tế và Kinh doanh tại Đại học Kyushu, Nhật Bản.

3. Ban điều hành

▪ **Ông Đặng Lưu Dũng – Giám đốc**

Ông Dũng có trên 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, dự án tài chính, tái cơ cấu cấu trúc tài chính doanh nghiệp, đầu tư, mua bán sáp nhập, thị trường vốn, ngân hàng và quản lý quỹ. Trước khi gia nhập Techcombank vào năm 2012, ông Dũng có 5 năm kinh nghiệm làm việc tại FPT, nơi ông là một trong những người sáng lập Công ty quản lý quỹ FPT Capital và giữ chức vụ Giám đốc đầu tư rồi Tổng Giám đốc. Đáng chú ý trong khoảng thời gian này, ông đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập quỹ liên doanh Vietnam Japan Fund (với tổng tài sản 100 triệu USD) giữa FPT và SBI Holdings, sau đó ông cũng là một trong các thành viên của ban đại diện quỹ.

Trước khi làm việc tại FPT, ông Dũng đã có nhiều năm công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty luật quốc tế Freshfields Bruckhaus Deringer và Ngân Hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu (GP Bank). Trong năm 2006, ông giữ vai trò chỉ đạo trong việc đàm phán mua lại 20% cổ phần GP Bank của Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam .

Ông Dũng tốt nghiệp cử nhân loại ưu chuyên ngành Luật quốc tế tại Đại học Luật Hà Nội và có bằng Thạc sĩ Luật quốc tế và Kinh doanh tại Đại học Kyushu, Nhật Bản.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- **Tên ngân hàng:** Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
- **Giấy phép hoạt động:** Số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008
- **GCNĐK hoạt động lưu ký:** Số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015
- **Trụ sở chính:** P1810-P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6, Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam
- **Điện thoại:** (+84) 4 3936 8000 **Fax:** (+84) 4 3938 6321

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Năm đầu tiên, công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Các năm sau đó, Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện quỹ ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để lựa chọn cho Quỹ.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách Đại lý Phân phối tại thời điểm ban đầu bao gồm:

- Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“TCBS”)
- Địa chỉ: Tầng 4,5 số 9 Tô Hiến Thành, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Giấy phép thành lập và hoạt động: số 98/UBCK- GP ngày 18/09/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Điện thoại: (+84) 4 2220 1039 Fax: (+84) 4 2220 1032

Danh sách Đại Lý Phân phối và các Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi bất kỳ lúc nào sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của Pháp Luật.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Ủy quyền đại lý chuyển nhượng

- Tên đại lý: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Giấy phép hoạt động: Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- GCNĐK hoạt động chuyên nhượng: Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Trụ sở chính: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: +84 4 39747113 Fax: +84 4 39747120

2. Ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ đầu tư

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
- Giấy phép hoạt động: Số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008
- GCNĐK hoạt động lưu ký: Số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015.
- Trụ sở chính: P1810-P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6, Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (+84) 4 3936 8000 Fax: (+84) 4 3938 6321

IX. THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM (TCBF)

1. Thông tin chung về Quỹ

- Tên Quỹ bằng tiếng Việt: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom
- Tên Quỹ bằng tiếng Anh: Techcom Bond Fund
- Tên viết tắt: TCBF
- Giấy đăng ký phát hành:
- Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ:
- Loại hình: Quỹ mở
- Vốn điều lệ ban đầu: 60.653.750.000 (sáu mươi tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)
- Thời hạn của Quỹ: không giới hạn

2. Điều lệ Quỹ tóm tắt

2.1. Các quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách và hạn chế đầu tư

a. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định Phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Điều Lệ Quỹ.

b. Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Ngoài ra, Quỹ có thể xem xét đầu tư một tỷ trọng nhất định vào một danh mục cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX.

Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

Các loại tài sản mà quỹ được đầu tư bao gồm:

- i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- ii. Ngoại tệ, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- iii. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- v. Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành
- vi. Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.
- vii. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

c. Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- i. Quỹ sẽ đầu tư vào các tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác loại trái phiếu, giấy tờ có giá với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên;
- ii. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm i, ii, iv, v và vi mục b Điều này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục 4 Điều lệ Quỹ.
- iii. Không được đầu tư quá 20,0% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- iv. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- v. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm v mục b Điều này;
- vi. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- vii. Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

- viii. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm
ix. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm i và ii điểm b Điều này được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra tại ngoại trừ điểm vi, vii, viii nêu trên nhưng chỉ vì các lý do sau:

- Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với Pháp Luật của Quỹ;
- Thực hiện các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư ;
- Các hoạt động sáp nhập, hợp nhất của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sát nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư kể trên trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh. Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

d. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký quỹ

Công ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm i, mục b, Điều 2.1 nêu trên.

Công ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

Công ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

e. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống (top-down approach), trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành.

Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên (bottom-up approach) trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

2.2. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ TCBF

a. Nhà Đầu Tư – Quyền & Nghĩa vụ

Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ.

Quyền và Nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư được quy định chi tiết tại Điều 14 của Điều Lệ Quỹ.

b. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ có liên quan lập Sổ Chính và đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư phụ (“Sổ Phụ”) để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.

Sổ Chính và Sổ Phụ phải có các thông tin chi tiết theo quy định của Điều 15 của Điều Lệ Quỹ.

c. Quyền biểu quyết của Nhà Đầu Tư

Tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Quyền biểu quyết của Nhà Đầu Tư được quy định cụ thể tại điều 21 Điều Lệ Quỹ

d. Trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ

Việc hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể Quỹ chỉ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và quy định tại điều 59 và điều 60 Điều Lệ Quỹ.

3. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà Đầu Tư có thể liên tục giao dịch các Đơn Vị Quỹ kể từ Ngày Giao Dịch đầu tiên.

Nhà Đầu Tư nên tham khảo ý kiến của chuyên gia tư vấn riêng của mình để đảm bảo Nhà Đầu Tư đủ điều kiện để đầu tư vào Quỹ theo các quy định pháp luật áp dụng cho họ và liệu Quỹ có phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của họ hay không.

3.1. Ngày giao dịch

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch được xác định như sau:

Ngày thứ Ba và ngày thứ Năm hàng tuần (tần suất giao dịch 2 lần /tuần).

Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật.

Việc tăng tần suất sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai và công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật. Việc tăng tần suất sẽ được báo cáo Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.

3.2. Thời điểm đóng sổ lệnh

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các lệnh mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng để thực hiện trong Ngày Giao Dịch và cho việc thanh toán các lệnh mua được quy định chi tiết như sau:

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch 'T'

	Giờ đóng sổ lệnh
	Hồ sơ ⁽²⁾
Mua	14h45 T-1
Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng, Hủy Lệnh	14h45 T-1

(1) Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền thanh toán mua Đơn Vị Quỹ tại Tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát trước 14h45 ngày T - 1.

(2) Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh áp dụng cho việc nộp đầy đủ hồ sơ với Đại Lý Phân Phối.

Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ Nhà Đầu Tư nộp hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh. Với những lệnh giao dịch hợp lệ nộp cho Đại Lý Phân Phối trước 14h45 (mười bốn giờ bốn lăm) chiều, NAV của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng.

Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi các dịp lễ tết xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

3.3. Giao dịch muợn và chọn thời điểm giao dịch

a. Giao Dịch Muợn

Các lệnh giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch không được phép thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó. Các giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch tiếp theo.

b. Chọn Thời Điểm Giao Dịch

Chúng Chi Quỹ cũng như Quỹ không được coi là công cụ phục vụ việc giao dịch thường xuyên để tận dụng các biến động ngắn hạn của thị trường. Loại giao dịch này thường được gọi là “chọn thời điểm giao dịch” và có thể gây ra các thiệt hại tiềm tàng hoặc thiệt hại thực tế cho Nhà Đầu Tư.

3.4. Quy trình mua chứng chỉ quỹ

a. Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản

Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ vào Đơn Đăng Ký để mua Đơn Vị Quỹ. Đơn Đăng Ký được cung cấp tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào. Đơn Đăng Ký phải kèm theo các bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Đơn Đăng Ký (bao gồm Xác nhận đăng ký mở tài khoản góp vốn của ngân hàng thương mại đối với trường hợp Nhà Đầu Tư nước ngoài) đối với mỗi cá nhân/tổ chức hay các bên đồng sở hữu hay người được hưởng lợi hay người được ủy quyền.

Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Đơn Đăng Ký và cập nhật các thông tin cung cấp trong Đơn Đăng Ký. Thông tin này sẽ được lưu lại trong Sổ Đăng Ký của Quỹ và luôn chứa đựng thông tin về địa chỉ hiện tại địa chỉ thư điện tử, nơi đăng ký thuế, và chi tiết tài khoản ngân hàng của từng Nhà Đầu Tư nhằm đảm bảo Nhà Đầu Tư nhận được đầy đủ các thông báo, báo cáo và thanh toán liên quan đến Quỹ.

Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ tại các lần tiếp theo cần điền đầy đủ vào phiếu Lệnh Mua được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hay có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh.

Nhà Đầu Tư có thể mở nhiều tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để cùng giao dịch một loại Chứng chỉ Quỹ, Nhà Đầu Tư cần nộp Đơn Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại Lý Phân Phối mà Nhà Đầu Tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại Lý Phân Phối khác nhau của cùng một Nhà Đầu Tư được quản lý độc lập. Do đó, Lệnh Mua lần đầu tối thiểu cũng như số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại Lý Phân Phối. Nhà Đầu Tư chỉ có thể nộp các Phiếu Lệnh Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng, Hủy Lệnh hay thay đổi thông tin tài khoản của tài khoản mở tại một Đại Lý Phân Phối ở bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào của Đại Lý Phân Phối đó.

Tất cả các Điểm Nhận Lệnh bất kỳ được đề cập trong hướng dẫn về giao dịch Đơn Vị Quỹ ở các phần tiếp sau đây được hiểu là Điểm Nhận Lệnh bất kỳ của Đại Lý Phân Phối cụ thể mà Nhà Đầu Tư muốn thực hiện giao dịch trên tài khoản mở tại Đại Lý Phân Phối đó.

b. Xử Lý Đơn Đăng Ký

Nhà Đầu Tư có thể nộp Đơn Đăng Ký hoặc Phiếu Lệnh Mua sau khi điền đầy đủ thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu vào bất kỳ Ngày Làm Việc nào tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh của bất kỳ Đại Lý Phân Phối nào. Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được cung cấp ở Phụ lục 1 cuối Bản Cáo Bạch này.

Các Đại Lý Phân Phối sẽ tập hợp các Yêu cầu mở tài khoản của Nhà Đầu Tư và gửi Chi thị mở tài khoản cho Đại Lý Chuyển Nhượng, là tổ chức sẽ đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành xử lý yêu cầu. Các yêu cầu không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối và có thể làm trì hoãn việc hoàn tất quá trình xử lý yêu cầu. Trong một số trường hợp, việc bổ sung thêm thông tin yêu cầu cũng có thể làm chậm việc hoàn tất quá trình xử lý. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền từ chối yêu cầu trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong quá trình xử lý yêu cầu đăng ký.

Nhà Đầu Tư có thể thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quỹ từ tài khoản ngân hàng của mình vào tài khoản của Quỹ để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng hạn và Đại Lý Phân Phối hoàn thành xử lý việc đăng ký với Đại Lý Chuyển Nhượng. Mọi khoản đầu tư vào Đơn Vị Quỹ đều thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.

Trong trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi.

c. *Tuân Thủ*

Đơn Đăng Ký mua Đơn Vị Quỹ được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho Các Công Ty Quản Lý Quỹ nhằm tuân thủ các quy định về Nhận Biết Khách Hàng (“KYC”) và các quy định Phòng Chống Rửa Tiền (“AML”). Vì vậy việc tất cả các giấy tờ và khai báo trong Đơn Đăng Ký cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo pháp luật Việt Nam, tất cả nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Đơn Đăng Ký không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối.

Nhà Đầu Tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm Pháp Luật cũng như không vi phạm các điều khoản của Luật áp dụng đối với thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác ban hành bởi chính phủ Việt Nam hay chính phủ sở tại của nhà đầu tư ở các thời điểm khác nhau.

Nhà Đầu Tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua Đơn Vị Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà Đầu Tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán. Theo quy định hiện tại của Việt Nam, Nhà Đầu Tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại ở Việt Nam (Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA)). Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức (bao gồm chuyển tiền đăng ký mua chứng chỉ quỹ và nhận tiền thanh toán bán/nhận cổ tức từ chứng chỉ quỹ), mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà Đầu Tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

d. *Chấp Nhận Đơn Đăng Ký*

Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Đơn Đăng Ký nào theo các điều khoản của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và các quy định về KYC và AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho nhà đầu tư. Các Lệnh Mua sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp.

Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ từ chối Lệnh Mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) cho Nhà Đầu Tư hoặc bên chuyển tiền không hợp lệ trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ kỳ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ áp dụng.

Trong trường hợp số tiền mua Quỹ nhận được nhiều hơn lệnh đăng ký mua, số tiền dư nếu không nhận được yêu cầu chuyển trả từ khách hàng sẽ tiếp tục được giữ lại để chờ yêu cầu giao dịch tiếp theo từ khách hàng.

Trong trường hợp Quỹ nhận được số tiền mua thấp hơn lệnh đăng ký mua và không nhận được yêu cầu chuyển trả từ khách hàng, số tiền mua sẽ tiếp tục được giữ lại để chờ yêu cầu giao dịch tiếp theo từ khách hàng.

Trong trường hợp Nhà Đầu Tư có nhiều lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ cùng một lúc, Lệnh Mua Chứng Chỉ Quỹ sẽ được ưu tiên theo:

- ✓ Chương trình ĐTDK (khi vẫn trong thời hạn của chương trình) được ưu tiên trước Lệnh thường.
- ✓ Ưu tiên theo thâm niên tham gia của Chương trình đầu tư.
- ✓ Ưu tiên theo thứ tự đặt lệnh.

Phí/giá dịch vụ chuyển tiền (nếu có) được trừ vào số tiền hoàn trả cho Nhà Đầu Tư. Đơn Vị Quỹ sẽ chỉ được ghi nhận vào tài khoản của Nhà Đầu Tư hay của Đại Lý Ký Danh sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ.

Lệnh Mua thành công của Nhà Đầu Tư hay Đại Lý Ký Danh sẽ được thông báo trong vòng 03 (ba) ngày làm việc từ Ngày Giao Dịch, số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai số thập phân sau dấu phẩy. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư.

e. *Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Mua*

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp các Lệnh Mua của Nhà Đầu Tư cùng với tất cả các Lệnh Mua khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được liệt kê trong mục IX.3.8. dưới đây.

Trong trường hợp các giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng, Lệnh Mua sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

f. Các Mức Đầu Tư Tối Thiểu

Mức đầu tư tối thiểu (tính theo giá trị Lệnh Mua) là 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng)

Không có mức giới hạn đầu tư tối đa cho Nhà Đầu Tư. Công Ty Quản Lý Quỹ bảo lưu quyền thay đổi các giới hạn đầu tư trên trong từng thời điểm và sẽ thông báo về các thay đổi này.

3.5. Quy trình bán chứng chỉ quỹ

a. Phiếu Lệnh Bán

Nhà Đầu Tư có thể bán Đơn Vị Quỹ vào bất kỳ Ngày Giao Dịch nào bằng cách nộp Lệnh Bán tới một Điểm Nhận Lệnh bất kỳ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch đó. Phiếu Lệnh Bán được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hoặc có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh. Tất cả các Phiếu Lệnh Bán phải được ký tên đầy đủ.

b. Quy Trình Xử lý Lệnh Bán

Nhà Đầu Tư có thể đặt Lệnh Bán số Đơn Vị Quỹ muốn bán, lên đến 2 số thập phân và vẫn đảm bảo số lượng duy trì tài khoản tối thiểu, trừ trường hợp đăng ký bán toàn bộ.

Đại Lý Phân Phối sẽ xử lý tất cả các Lệnh Bán nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh và gửi lệnh giao dịch tổng hợp tới Đại lý Chuyển Nhượng để thực hiện giao dịch cho Ngày Giao Dịch kế tiếp, và đảm bảo các thông tin trong Lệnh Bán đầy đủ và nhất quán và Nhà Đầu Tư có đủ số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản để bán. Nhà Đầu tư có thể đặt bán số Chứng Chỉ Quỹ tối đa bằng số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Khoản tiền bán ròng sẽ được chuyển trả cho Nhà Đầu Tư. Lệnh Bán không thuộc trường hợp được thực hiện một phần bởi các điều kiện liên quan đến Lệnh Bán một phần như đề trong các mục dưới đây sẽ được giao dịch tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ đi Giá dịch vụ Mua lại, giá dịch vụ chuyển tiền và thuế (nếu có), dựa trên ngày giờ nhận Lệnh Bán tại Điểm Nhận Lệnh, theo ngày giờ xác nhận tại Điểm Nhận Lệnh.

Sau khi thực hiện các Lệnh Bán Được Chấp Nhận, số Đơn Vị Quỹ đã bán sẽ được trừ ra từ tổng số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản của Nhà Đầu Tư và bảng kê mới về số Đơn Vị Quỹ nắm giữ sẽ được gửi đến Nhà Đầu Tư.

c. Lệnh Bán Tối Thiểu

Lệnh Bán tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ, ngoại trừ trường hợp Lệnh Bán yêu cầu giảm số Đơn Vị Quỹ nắm giữ về 0 (không).

Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền thay đổi các mức bán tối thiểu trong từng thời điểm.

Nhà Đầu Tư cần lưu ý là trong một số trường hợp Lệnh Bán sẽ không thể thực hiện toàn bộ hoặc Lệnh Bán có thể bị tạm dừng thực hiện.

d. Số Dư Tài Khoản Tối Thiểu

Không áp dụng.

e. Thực Hiện Một Phần Lệnh Bán

Trong các trường hợp sau, Quỹ chỉ có thể thực hiện một phần Lệnh Bán và Chuyển Đổi Quỹ của Nhà Đầu Tư:

- Tổng giá trị của các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn 10,0% (mười phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ; hoặc
- Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư nhỏ hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, số lượng chứng chỉ quỹ này sẽ được ưu tiên tự động bán hết vào kỳ giao dịch tiếp theo.

Đối với việc mua lại phần còn lại của Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi Quỹ đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Cụ thể, phần lệnh chưa thực hiện được ghép cùng với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau.

f. Tạm dừng thực hiện Lệnh Bán

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp, các Lệnh Bán cùng với tất cả các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được quy định chi tiết tại mục IX.3.8.

Trong trường hợp các lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng thực hiện, Lệnh Bán đã nhận sẽ được thực hiện tại NAV tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

3.6. Quy trình chuyển đổi quỹ

a. Phiếu Lệnh Chuyển Đổi Quỹ

Nhà Đầu Tư có thể chuyển đổi sang Quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý bằng Lệnh Chuyển Đổi. Phiếu Lệnh Chuyển Đổi được đính kèm theo Đơn Đăng Ký, hoặc có tại Điểm Nhận Lệnh. Đối với Lệnh Chuyển Đổi, toàn bộ tiền bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này sau khi trừ phí và thuế (nếu có), sẽ dùng để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.

Việc chuyển đổi Quỹ bằng việc bán một Quỹ và mua một Quỹ khác tại ngày giao dịch tương ứng được coi như thực hiện một lệnh bán. Giá dịch vụ Chuyển Đổi Quỹ do đó được áp dụng một lần trên giá trị giao dịch bán và Giá dịch vụ Chuyển Đổi Quỹ được TCC ấn định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ nhưng không quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.

b. Xử lý các Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng như là Lệnh Bán và tiếp theo sau là Lệnh Mua được thực hiện tại Ngày Giao Dịch tương ứng nhưng được bảo lưu thâm niên đã tham gia Quỹ trước chuyển đổi. Thâm niên được bảo lưu theo nguyên tắc:

- i. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ ưu tiên chuyển đổi theo thời gian Nhà Đầu Tư sở hữu Chứng Chỉ Quỹ (nếu là lệnh thường).
- ii. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ ưu tiên chuyển đổi theo nguyện vọng Nhà Đầu Tư hoặc các Chứng Chỉ Quỹ có thời gian đầu tư lâu hơn.

Lệnh Bán và Lệnh Mua được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng theo quy trình mô tả ở trên với Lệnh Bán được thực hiện trước, Lệnh Mua được xử lý sau.

Lệnh Chuyển Đổi được đặt bằng số lượng Đơn Vị Quỹ.

c. Mức Tối Thiểu Cho Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ hoặc toàn bộ Số dư trong tài khoản (nếu trong Tài khoản có dưới 100 Đơn Vị Quỹ). Lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện khi thỏa mãn điều kiện số lượng duy trì tối thiểu tại Quỹ mục tiêu.

d. Thực Hiện Một Phần Lệnh Chuyển Đổi

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng Lệnh Chuyển Đổi có thể chỉ được thực hiện một phần nếu Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi chỉ được thực hiện một phần. Các trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần được quy định chi tiết tại mục IX.3.5.d. Phần chưa được thực hiện của Lệnh Chuyển Đổi được thực hiện một phần sẽ bị hủy.

e. Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Chuyển Đổi

Trong một vài trường hợp Lệnh Chuyển Đổi cùng các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp được nêu tại mục IX.3.8.

Trong các trường hợp tạm dừng thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ, Lệnh Chuyển Đổi đã nhận sẽ được thực hiện tại NAV tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

3.7. Quy trình chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

a. Đơn Chuyển Nhượng

Nhà Đầu Tư có thể Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ cho nhà đầu tư khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của toà án. Chuyển Nhượng chỉ được thực hiện dưới dạng số lượng Đơn Vị Quỹ, bao gồm cả phần lẻ của Đơn Vị Quỹ. Nhà Đầu Tư chuyển nhượng cần điền Lệnh Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ với điều kiện là số lượng Chuyển Nhượng phải bằng hoặc lớn hơn số dư tối thiểu khi mở tài khoản nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Nhà Đầu Tư.

b. Xử Lý Các Đơn Chuyển Nhượng

Nhà Đầu Tư muốn thực hiện Chuyển Nhượng hoặc người thừa hưởng thừa kế trong trường hợp thừa kế có thể nộp Lệnh Chuyển Nhượng tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào. Lệnh Chuyển Nhượng được kèm theo các tài liệu hỗ trợ theo quy định của Công Ty Quản Lý Quỹ tại các Điểm Nhận Lệnh. Nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Nhà Đầu Tư, người nhận chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ sẽ phải nộp thêm các giấy tờ khác như quy định cho người mua Đơn Vị Quỹ lần đầu và trong trường hợp thừa kế, người thừa kế sẽ phải nộp các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu.

c. Tuân thủ

Để tuân thủ các quy định về KYC và AML, người nhận chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ sẽ phải tuân theo các thủ tục như khi mở tài khoản mới quy định chi tiết tại mục IX.3.4.c.

d. Xác Nhận Lệnh Chuyển Nhượng

Các Lệnh Chuyển Nhượng được thực hiện bởi Đại Lý Chuyển Nhượng tại Ngày Giao Dịch.

3.8. Các trường hợp hủy, tạm dừng lệnh giao dịch

a. Hủy lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ

Nhà Đầu Tư có thể hủy các lệnh giao dịch bằng cách điền và nộp Phiếu Hủy Lệnh cho các Điểm Nhận Lệnh của Đại Lý Phân Phối của họ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh áp dụng cho các giao dịch đó.

b. Tạm dừng thực hiện các lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ

Nhà Đầu Tư cần lưu ý là việc thực hiện các lệnh giao dịch - Mua, Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ có thể sẽ bị tạm dừng một hoặc nhiều Ngày Giao Dịch vì tình hình vượt ngoài tầm kiểm soát của Công Ty Quản Lý Quỹ. Tất cả Điểm Nhận Lệnh sẽ được thông báo trong các trường hợp giao dịch bị tạm dừng.

Việc thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ có thể bị tạm dừng do một trong các sự kiện sau:

- Các điều kiện bất khả kháng;
- Không thể xác định được NAV của Quỹ tại Ngày Giao Dịch do các Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc do các sở giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch; hoặc
- Các trường hợp khác theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt, các giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ được thực hiện trở lại vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Theo luật, thời gian tạm dừng thực hiện các Lệnh Mua và Bán Đơn Vị Quỹ sẽ không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Giao Dịch gần nhất. Trong trường hợp giao dịch không thể tiếp tục trong khoảng thời gian tạm dừng tối đa nêu trên, thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư để xin ý kiến Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, tách Quỹ hoặc kéo dài thời gian tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

3.9. Chương trình Đầu tư Định kỳ

Đầu Tư Định Kỳ (ĐTĐK) là một chương trình đầu tư tiết kiệm có hệ thống cho phép Nhà Đầu Tư có thể tiết kiệm một khoản tiền cố định một cách thường xuyên - định kỳ mỗi tháng hoặc mỗi quý bằng cách mua định kỳ các Đơn Vị Quỹ.

Nhà Đầu Tư sử dụng các lệnh tự động hoặc lệnh chờ để thực hiện chương trình Đầu Tư Định Kỳ.

Các Nhà Đầu Tư lựa chọn chương trình ĐTDK có thể đầu tư một khoản cố định hàng tháng hoặc hàng quý. Đại Lý Phân Phối có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc đưa ra một chương trình ĐTDK và tần suất thanh toán phù hợp. ĐTDK cho phép thực hiện các chương trình tiết kiệm theo kế hoạch đã đề ra. Nhà Đầu Tư có thể thay đổi mức đầu tư và/hoặc tần suất thanh toán bất cứ lúc nào (nhưng không dưới mức đầu tư tối thiểu) bằng cách thay đổi lệnh thực hiện ĐTDK với Đại Lý Phân Phối và các lệnh thanh toán với ngân hàng của mình.

Nhiều ngân hàng tại Việt Nam cung cấp dịch vụ cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp giúp Nhà Đầu Tư có thể thực hiện một chương trình ĐTDK. Techcombank, chủ sở hữu 100% vốn điều lệ TechcomCapital, cung cấp các dịch vụ này thông qua dịch vụ Ngân hàng trực tuyến của mình cũng như thông qua mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch rộng khắp. Lệnh chờ thanh toán tại các ngân hàng cho phép các Nhà Đầu Tư thực hiện một chương trình ĐTDK với một số tiền và tần suất thanh toán cố định mà không cần phải nộp thêm các ủy nhiệm chi cho ngân hàng.

Lệnh chờ thanh toán thực hiện chương trình ĐTDK cần được nộp tại ngân hàng mà Nhà Đầu Tư có tài khoản.

a. Khoản Đầu Tư Tối Thiểu Cho Chương Trình ĐTDK

Mức đầu tư tối thiểu định kỳ cho chương trình ĐTDK là 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng).

Các chương trình ĐTDK có các mức thời hạn tối thiểu sau:

- Thời hạn tối thiểu 12 (mười hai) tháng.
- Thời hạn tối thiểu 24 (hai tư) tháng.
- Thời hạn tối thiểu 36 (ba sáu) tháng.
- Thời hạn tối thiểu 48 (bốn tám) tháng.
- Thời hạn tối thiểu từ 60 (sáu mươi) tháng.

b. Ngày Thanh Toán và Thời Điểm Đóng Sở Lệnh cho các khoản đầu tư ĐTDK

Ngày ĐTDK được xác định như sau:

- (i) Đối với ĐTDK thanh toán theo chu kỳ hàng tháng là ngày thứ mười lăm hàng tháng;
- (ii) Đối với ĐTDK thanh toán theo chu kỳ hàng quý là ngày thứ mười lăm hàng tháng của tháng thứ nhất kể từ ngày đăng ký trên phiếu đề nghị đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở và ngày thứ 15 hàng tháng của mỗi 3 tháng sau đó.

Riêng đối với kỳ giao dịch đầu tiên, Nhà Đầu Tư có thể lựa chọn ngày ĐTDK là ngày bất kỳ.

Nhà Đầu Tư cần thanh toán cho khoản ĐTDK hoặc cung cấp cho ngân hàng của họ lệnh chờ thanh toán ĐTDK để Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền mua trước khi hết giờ làm việc của ngày ĐTDK. Thời điểm giao dịch Chứng chỉ Quỹ đối với khoản đầu tư ĐTDK sẽ là ngày giao dịch gần nhất sau ngày mà Ngân hàng giám sát nhận được khoản tiền mua trước khi hết giờ làm việc.

Trong trường hợp Nhà Đầu Tư không nộp đủ tiền mua vào tài khoản của quỹ trước khi kết thúc giờ làm việc của ngày ĐTDK thì chương trình ĐTDK được coi là tạm dừng với Nhà Đầu Tư.

- Nếu đến ngày ĐTDK kế tiếp Nhà Đầu Tư nộp đủ tiền mua vào tài khoản của Quỹ trước khi kết thúc giờ làm việc của ngày ĐTDK thì chương trình ĐTDK được tiếp tục.
- Nếu vào ngày ĐTDK kế tiếp Nhà Đầu Tư không nộp đủ tiền mua vào tài khoản của Quỹ trước khi kết thúc giờ làm việc của ngày ĐTDK thì chương trình ĐTDK tự động chấm dứt.

Trong trường hợp đến ngày giao dịch nhưng trên tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của khách hàng không có đủ tiền tại 05 kỳ liên tiếp, lệnh mua của kỳ đó sẽ được tự động hủy bỏ.

c. Phí áp dụng cho Chương Trình ĐTDK

Phí áp dụng cho chương trình ĐTDK được quy định chi tiết tại mục IX.4.1 của Bản Cáo Bạch này.

d. Ví dụ minh họa Chương trình ĐTDK

Các phí phải thanh toán và lợi tức của Nhà Đầu Tư tham gia ĐTDK được mô phỏng như trong ví dụ sau đây.

Giả định Nhà Đầu Tư tham gia ĐTDK với các điều khoản sau:

- Kỳ hạn: 60 tháng
- Định kỳ: 1 tháng/lần
- Giá trị lệnh mua định kỳ: 5 triệu đồng/lần
- Tổng giá trị hợp đồng: 60 x 5 triệu = 300 triệu
- Tốc độ tăng trưởng NAV giả định: 10%/năm

Phí Phát hành, Phí Mua lại và lợi nhuận của Nhà Đầu Tư nếu tất toán tại từng thời điểm khác nhau được mô phỏng như trong bảng dưới đây:

Đơn vị: Nghìn đồng

Thời điểm (tháng)	Mua CCQ			Bán CCQ			Lỗ/Lãi		
	Tổng tiền đầu tư	Giá CCQ	Số lượng CCQ năm giữ	Tiền thu được từ bán CCQ	Phí Mua lại ⁽ⁱ⁾	Thuế TNCN ⁽ⁱⁱ⁾	Tổng tiền NĐT nhận được	Phí Phát hành ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Lợi nhuận
	(1)	(2)	(3)	(4 = 3x2)	(5)	(6)	(7 = 4-5-6)	(8)	(9=7-1-8)
12	60.000	10,91	5.746	62.703	627	63	62.013	5.400	(3.387)
24	120.000	12,00	10.970	131.676	988	132	130.556	5.400	5.156
36	180.000	13,20	15.718	207.546	1.038	208	206.301	5.400	20.901
48	240.000	14,53	20.034	291.003	-	291	290.712	5.400	45.312
60	300.000	15,98	23.959	382.806	-	383	382.423	5.400	77.023
72 ^(iv)	360.000	17,58	27.526	483.789	-	484	483.306	5.400	117.906
84 ^(iv)	420.000	19,33	30.770	594.871	-	595	594.276	5.400	168.876
96 ^(iv)	480.000	21,27	33.718	717.061	-	717	716.344	5.400	230.944
108 ^(iv)	540.000	23,39	36.399	851.470	-	851	850.618	5.400	305.218
120 ^(iv)	600.000	25,73	38.835	999.319	-	999	998.320	5.400	392.920

Ghi chú:

- (i): Phí Mua lại được thu khi Nhà Đầu Tư bán Chứng Chỉ Quỹ
- (ii): Thuế TNCN bằng 0,1% trên tổng giá trị lệnh bán Chứng Chỉ Quỹ và được khấu trừ tại nguồn
- (iii): Phí Phát hành được thu 1 lần ngay khi Nhà Đầu Tư đăng ký tham gia ĐTDK
- (iv): Giả định sau khi hết kỳ hạn 60 tháng Nhà Đầu Tư vẫn tiếp tục tham gia ĐTDK

4. Các loại phí/dịch vụ và chi phí/giá dịch vụ

4.1. Giá dịch vụ giao dịch

Các loại phí/dịch vụ và chi phí/giá dịch vụ liên quan trực tiếp đến việc giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do Nhà Đầu Tư trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ bảo lưu quyền thay đổi biểu phí/giá dịch vụ này.

Các khoản giá dịch vụ giao dịch như sau:

a. Giá dịch vụ Phát hành

Giá dịch vụ Phát hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh Mua. Tùy thuộc vào giá trị mua của từng Lệnh Mua, hình thức mua một lần hay mua theo chương trình ĐTDK, Giá dịch vụ Phát hành được tính theo các biểu giá dịch vụ sau:

- Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho lệnh mua được TCC ấn định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ nhưng không quá 5,0% (năm phần trăm) giá trị Lệnh Mua. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

b. Giá dịch vụ Mua lại

Nhà Đầu Tư được khuyến khích nắm giữ các Đơn Vị Quỹ như một phần của các khoản đầu tư dài hạn và chương trình tiết kiệm hưu trí. Quỹ mở không được thiết kế cho mục đích mua bán ngắn hạn. Việc Nhà Đầu Tư thường xuyên mua đi và bán lại Đơn Vị Quỹ, vốn được thiết kế để đạt được lợi nhuận dài hạn sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu lợi nhuận của Nhà Đầu Tư khi đầu tư vào Quỹ cũng như lợi nhuận của Quỹ.

Giá dịch vụ Mua lại và các khoản giá dịch vụ ngân hàng và thuế khác (nếu có) sẽ được trừ vào khoản tiền thu được từ bán Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư. Khoản tiền này sẽ được hoàn trả trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch.

Giá dịch vụ Mua lại cho tất cả các Chương trình được TCC ấn định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ nhưng không quá 3,0% (ba phần trăm) giá trị của Lệnh Bán. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trường hợp Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ nhiều lần, mua theo chương trình ĐTĐK hoặc dưới hình thức tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu Giá dịch vụ phát hành, ưu tiên bán được thực hiện theo nguyên tắc các Chứng Chỉ Quỹ mua trước sẽ được bán trước, các Chứng Chỉ Quỹ mua theo lệnh thường sẽ được ưu tiên bán trước các Chứng Chỉ Quỹ mua theo chương trình ĐTĐK.

Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền thay đổi Giá dịch vụ Mua lại nhưng không được vượt quá mức quy định của pháp luật. Mức Giá dịch vụ Mua lại mới sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo chi tiết tại trang thông tin điện tử của Quỹ và tại các địa điểm phân phối của các Đại Lý Phân Phối.

Giá dịch vụ Mua lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các Nhà Đầu Tư khi thực hiện các Lệnh Bán và được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

c. Giá dịch vụ Chuyển Đổi Quỹ

Giá dịch vụ Chuyển Đổi là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi đầu tư giữa các Quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Việc chuyển đổi Quỹ bằng việc bán một Quỹ và mua một Quỹ khác tại ngày giao dịch tương ứng được coi như thực hiện một lệnh bán. Giá dịch vụ Chuyển Đổi Quỹ do đó được áp dụng một lần trên giá trị chuyển đổi với mức giá dịch vụ được TCC ấn định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ nhưng không quá 3,0% (ba phần trăm) giá trị thực hiện chuyển đổi. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Khi thực hiện chuyển đổi, Nhà Đầu Tư chỉ thanh toán Giá dịch vụ Chuyển Đổi trên giá trị đăng ký chuyển đổi, mà không phải thanh toán Giá dịch vụ Mua Lại đối với Quỹ hiện tại và Giá dịch vụ Phát Hành đối với Quỹ mục tiêu.

Các khoản thuế giao dịch, giá dịch vụ chuyển tiền ngân hàng, nếu có, sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ của Quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày Lệnh Chuyển Đổi Quỹ được thực hiện.

Giá dịch vụ Chuyển Đổi Quỹ sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

d. Phí Chuyển Nhượng

Nhà Đầu Tư phải trả một mức Giá dịch vụ Chuyển Nhượng duy nhất là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ. Giá dịch vụ Chuyển Nhượng do người thực hiện chuyển nhượng thanh toán.

Giá dịch vụ Chuyển Nhượng sẽ không áp dụng trong trường hợp Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển nhượng số Chứng Chỉ Quỹ từ tài khoản này sang tài khoản khác cùng đứng tên Nhà Đầu Tư tại hai Đại Lý Phân Phối khác nhau.

Giá dịch vụ Chuyển Nhượng sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

4.2. Chi phí/giá dịch vụ điều hành và quản lý Quỹ

Chỉ có các loại phí/dịch vụ và các chi phí/giá dịch vụ liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí/giá dịch vụ hoạt động của Quỹ. Xin lưu ý các phí/giá dịch

vụ dưới đây là các mức đang áp dụng và các phí/giá dịch vụ này có thể sẽ thay đổi trong tương lai. Các chi phí/dịch vụ này bao gồm:

a. Giá dịch vụ Quản Lý

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản Lý Quỹ. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Quỹ	Phí Quản lý (% của NAV/năm)
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom	1,5%/năm

Giá dịch vụ Quản Lý sẽ là 1,5% NAV/năm và có thể thay đổi khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt

Phù hợp với quy định của pháp luật, trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý như nêu tại đây, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng như nêu trong Bản Cáo Bạch này sẽ tuân thủ mức tối đa theo yêu cầu của pháp luật.

b. Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ Giám sát quỹ sẽ là 0,05% NAV/năm và thấp nhất là 20.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT).

c. Giá dịch vụ Lưu Ký

Giá dịch vụ Lưu Ký sẽ là 0,03% NAV/năm và thấp nhất là 12.000.000 đồng/ tháng.

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán: 150.000 VNĐ/giao dịch.

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các dịch vụ ngoài thông thường như giá dịch vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....

d. Giá dịch vụ Quản Trị Quỹ

Giá dịch vụ Quản trị quỹ sẽ là 0,04% NAV/năm và thấp nhất là 18.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT).

e. Giá dịch vụ Đại Lý Chuyên Nhượng

STT	Giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ (Chưa bao gồm thuế VAT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Giá dịch vụ giao dịch (mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản)	
	- Đối với 400 giao dịch đầu tiên:	Miễn phí
	- Đối với giao dịch từ số 401 trở đi:	0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng Chứng Chỉ Quỹ giao dịch x NAV/Chứng Chỉ Quỹ mà TCC công bố tại ngày giao dịch liền trước)
3	Giá dịch vụ thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

f. Chi phí Kiểm Toán

Phí Kiểm Toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công Ty Kiểm Toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

g. Phụ Cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Để dễ hiểu, chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện đã được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

h. Chi Phí Khác

- Giá dịch vụ môi giới cho các giao dịch của quỹ;
- Chi phí in ấn, ví dụ in các tài liệu cho Nhà Đầu Tư theo quy định Pháp Luật;
- Giá dịch vụ định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
- Chi phí phát sinh cho bất kỳ Đại Hội Nhà Đầu Tư hay cuộc họp nào của Ban Đại Diện Quỹ;
- Phí/giá dịch vụ pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí/dịch vụ khác theo Luật cho phép;
- Thuế và các loại phí/dịch vụ bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
- Các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.

5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

5.1. Ngày định giá

Ngày Định Giá là ngày xác định NAV của Quỹ. Ngày Định Giá là ngày giao dịch (để phục vụ cho việc tính giá phát hành và giá mua lại); và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.

5.2. Xác định giá trị tài sản ròng NAV

Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) cho mỗi Đơn Vị Quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.

NAV là tổng giá trị thị trường của các tài sản của Quỹ trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.

$$\text{NAV/Đơn Vị Quỹ} = \frac{(\text{Tổng giá trị thị trường của tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ của Quỹ})}{\text{Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ}}$$

NAV được tính cho mỗi Ngày Giao Dịch của Quỹ và sẽ được tính làm tròn xuống đến 02 (hai) chữ số thập phân.

Ví dụ sau đây minh họa cho cách tính NAV của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá (T-1) cụ thể theo các giá định được đưa ra:

Khoản mục	Đơn vị	Giá trị
Thị giá của tất cả chứng khoán tại ngày T-1	VNĐ	80.000.000.000
Tiền và tương đương tiền tại ngày T-1	VNĐ	6.000.000.000
Tài sản khác tại ngày T-1	VNĐ	2.000.000.000
Nợ của Quỹ tại ngày T-1	VNĐ	10.000.000.000
Số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại T-1	Đơn vị	7.000.000
Tổng tài sản tại ngày T-1		88.000.000.000
Trừ nợ của Quỹ tại ngày T-1		10.000.000.000
NAV của Quỹ tại Ngày Định Giá T	=	78.000.000.000
NAV trên một Đơn Vị Quỹ:	=	78.000.000.000 / 7.000.000

		= 11.142,85 VNĐ/đơn vị
--	--	------------------------

NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và sẽ được công bố tại Trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, và trên các trang web hoặc các phương tiện truyền thông khác theo yêu cầu của Luật trong vòng 02 (hai) ngày kể từ Ngày Định Giá với điều kiện các trang điện tử này hoạt động bình thường. Trường hợp NAV bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

Việc định giá tài sản của Quỹ, bao gồm cả các quyền, và việc tính toán NAV của Quỹ sẽ phải theo các quy tắc và quy định áp dụng cho từng thời điểm, được quy định trong Điều Lệ và sẽ được kiểm toán hằng năm. Chính sách kế toán phải phù hợp với các quy định hiện hành. Chính sách định giá tài sản của Quỹ được quy định tại Sổ Tay Định Giá, được phê chuẩn bởi Ban Đại Diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát với các nội dung được quy định trong Điều Lệ Quỹ.

6. Phân phối lợi nhuận và chính sách thuế

6.1. Chính sách cổ tức Quỹ

Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

Nhà Đầu Tư có thể nhận cổ tức bằng tiền hoặc dùng để tái đầu tư:

- Lựa chọn Nhận Cổ Tức Bằng Tiền ("DPP"): Nhà Đầu Tư muốn nhận cổ tức bằng tiền cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong Đơn Đăng Ký mở tài khoản giao dịch.
- Lựa chọn Tái Đầu tư Cổ tức ("DRIP"): Nhà Đầu Tư muốn dùng cổ tức để tái đầu tư sẽ nhận được thêm các Đơn Vị Quỹ. Cổ tức được trả cho Nhà Đầu Tư sẽ được tự động tái đầu tư tại NAV của Quỹ trong Ngày Giao Dịch liền sau ngày trả cổ tức. Số lượng các Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư do đó sẽ tăng bằng với số cổ tức phải trả chia cho NAV vào Ngày Giao Dịch đó. Cổ tức được dùng để tái đầu tư giống như việc Nhà Đầu Tư nhận được cổ tức bằng tiền mặt và dùng số tiền đã nhận được để tái đầu tư và đồng thời:
 - Các khoản đầu tư dưới hình thức DRIP sẽ không phải trả Giá dịch vụ Phát hành.
 - Không phải trả Giá dịch vụ Mua lại hoặc Giá dịch vụ Chuyển Đổi đối với khoản đầu tư từ DRIP.

Nhà Đầu Tư cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong hai lựa chọn trên, DPP hoặc DRIP, được ghi trong Đơn Đăng Ký. Nếu Nhà Đầu Tư không có sự lựa chọn, lựa chọn DRIP được tự động áp dụng.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể phê duyệt cổ tức tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ tần suất thanh toán nào (hàng quý, nửa năm, hàng năm) khi phù hợp. Tuy nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào về giá trị, tần suất, cũng như sự đều đặn của việc phân phối cổ tức. Việc phân phối cổ tức sẽ tùy thuộc vào lợi nhuận có thể phân phối và sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền).

Nhà Đầu Tư có trong danh sách chốt trong sổ Đăng Ký tại Ngày Giao Dịch được công bố bởi TCC cho việc chia cổ tức ("Ngày Chốt Danh Sách") được xem là đủ điều kiện để nhận cổ tức.

Cổ tức sẽ được chi trả trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được công bố và được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Nhà Đầu Tư theo đăng ký trong Sổ Đăng Ký vào ngày thanh toán cổ tức, sau khi được khấu trừ các loại thuế có liên quan.

Cổ tức được chi trả sẽ phải chịu thuế tùy thuộc vào nguồn gốc của thu nhập của Quỹ cũng như các loại thuế áp dụng cho Nhà Đầu Tư.

6.2. Chính sách thuế

Do các quy định về thuế áp dụng cho từng cá nhân cụ thể, từng Nhà Đầu Tư nên tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp của mình đối với các nghĩa vụ thuế cụ thể và những vấn đề về tài chính của việc đầu tư vào Quỹ.

7. Đại hội Nhà đầu tư

Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà Đầu Tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của cuộc họp 10 (mười) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội và Công ty Quản Lý Quỹ phải gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan cho UBCKNN ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày tiến hành đại hội.

Các quy định khác về Đại Hội Nhà Đầu Tư, bao gồm cả quyền và nhiệm vụ, được quy định tại Chương IV của Điều Lệ Quỹ.

8. Ban Đại diện Quỹ dự kiến

Ông Nguyễn Xuân Minh, CFA	<p>Hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản lý quỹ;</p> <p>Là thành viên sáng lập Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Asset Management – VAM, giữ chức vụ Giám đốc điều hành và Chủ tịch Hội Đồng Đầu tư;</p> <p>10 năm kinh nghiệp tại Công ty Franklin Templeton Investments (chức vụ: trưởng đại diện tại Việt Nam; Phó Chủ tịch cao cấp tại Singapore);</p> <p>Hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương;</p> <p>Thạc sĩ chuyên ngành Dầu khí – Liên Bang Nga;</p> <p>Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính ứng dụng và Đầu tư – ĐH Chứng khoán Úc;</p> <p>Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;</p> <p>Chứng chỉ CFA từ năm 2003.</p>
Ông Đặng Thế Đức	<p>Hơn 18 năm kinh nghiệm hành nghề luật kinh doanh tại Việt Nam, trong đó tập trung vào đầu tư trong nước, giao dịch doanh nghiệp, cổ phần tư nhân, M&A, chứng khoán, giao dịch thị trường vốn và tài trợ dự án.</p> <p>Ông Đức đã tư vấn cho một số quỹ đầu tư nước ngoài và địa phương lớn và nhà quản lý quỹ liên quan đến cơ cấu kinh doanh, các giao dịch M&A tại Việt Nam.</p> <p>Hiện là Giám đốc điều hành (Managing Partner) tại Cty Tư vấn luật Indochine Counsel; nhà phân tích thường xuyên cho các tạp chí kinh doanh hàng đầu tại Việt Nam (Kinh tế Sài Gòn, Nhịp cầu đầu tư, Đầu tư chứng khoán).</p>
Bà Nguyễn Thị Vinh Hà, CPA, FCCA, CFA	<p>Bà Hà có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.</p> <p>Gia nhập Công ty Kiểm toán Grant Thornton (Việt Nam) từ năm 1996, bà Hà đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng: Chủ nhiệm kiểm toán, Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp, Giám đốc Kiểm toán và hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).</p> <p>Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Kế toán; Đại học Ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh, bà Hà đã có chứng chỉ Kiểm toán viên, chứng chỉ Thẩm định giá của Bộ Tài Chính đồng thời đạt các chứng chỉ kiểm toán và tài chính cấp quốc tế: ACCA của Hiệp hội kế toán công chứng Anh và CFA của học viện CFA Hoa Kỳ từ năm 2012.</p>

Tại Đại hội Nhà Đầu tư năm tài chính 2016 lần thứ hai của Quỹ tổ chức ngày 13/05/2017, Đại hội đã thông qua việc từ nhiệm đối với thành viên Ban Đại diện Quỹ Ông Phan Lê Hoà căn cứ trên thư từ nhiệm của thành viên Ban Đại diện tại ngày 28/03/2017.

9. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Mục tiêu của Công Ty Quản Lý Quỹ là quản lý các rủi ro đầu tư, và nếu có thể, hạn chế tác động của các rủi ro này bằng việc áp dụng các phương pháp quản lý đầu tư theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Nhà Đầu Tư cần lưu ý các điểm quan trọng sau đây:

- Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Hội đồng thành viên, ban điều hành và nhân viên Công Ty Quản Lý Quỹ không có bất kỳ sự đảm bảo nào đối với vốn đầu tư ban đầu cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư của Quỹ;
- Không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức được thanh toán trong tương lai;
- Kết quả hoạt động trong quá khứ của một Quỹ, của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của các chủ sở hữu của Công Ty Quản Lý Quỹ không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai;
- Tên của Quỹ không hàm ý về chất lượng hoạt động cũng như triển vọng và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai;
- Công Ty Quản Lý Quỹ không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và các chủ sở hữu, thành viên Hội đồng thành viên, ban điều hành và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ này.

Giống như các hình thức đầu tư khác, Quỹ mở có những rủi ro như Nhà Đầu Tư có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu, rủi ro không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận đạt được thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn so với lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác được đầu tư cùng thời điểm và có cùng thời gian nắm giữ. Nhà Đầu Tư cần nhận thức được những rủi ro này tại thời điểm thực hiện đầu tư cũng như hiểu được khả năng chấp nhận của họ đối với rủi ro mất vốn đầu tư ban đầu hoặc lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng. Rủi ro trong đầu tư chứng khoán thông thường được phân thành những loại rủi ro sau đây:

9.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với phần vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán. Rủi ro này chủ yếu liên quan đến các chứng khoán có thu nhập cố định như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, và hoặc trái phiếu doanh nghiệp. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét cẩn trọng và thường xuyên đánh giá chất lượng tín dụng trong quá trình lựa chọn đầu tư vào trái phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định khác.

9.2. Rủi ro lãi suất

Là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của chứng khoán có thu nhập cố định bị biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, dẫn tới giá thị trường của chứng khoán thay đổi. Thông thường, giá thị trường của trái phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định biến động ngược chiều với lãi suất. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lãi suất, cụ thể là nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm.

9.3. Rủi ro lạm phát

Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát. Ví dụ trong môi trường lạm phát tăng, sức mua hay giá trị thực của các dòng tiền trong tương lai (mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ) sẽ giảm. Khi đó lợi suất kỳ vọng của trái phiếu tăng lên dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Rủi ro lạm phát đối với danh mục trái phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng trong dài hạn.

9.4. Rủi ro tỷ giá

Do tài sản và nợ phải trả của Quỹ đều được trình bày bằng đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ sử dụng của Quỹ. Vì vậy, mặc dù rủi ro tỷ giá trong trung hạn tại Việt Nam trong thời điểm hiện nay được chúng tôi đánh giá là tương đối thấp do tình hình kinh tế vĩ mô được giữ ổn định, cán cân thương mại thặng dư và Chính phủ thể hiện quyết tâm duy trì sự ổn định của đồng Việt Nam, các Nhà Đầu Tư nước ngoài thực tế sẽ phải chịu rủi ro tỷ giá trong thời gian đầu tư tại Việt Nam. Việc bảo vệ Nhà Đầu Tư nước ngoài tránh

khỏi rủi ro này nằm ngoài khả năng của Quỹ và vì vậy, các Nhà Đầu Tư nước ngoài, nếu cần thiết, cần phải tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

9.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà nhà đầu tư không bán lại được chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ do các chứng khoán trong danh mục của quỹ không thanh khoản được, hoặc do việc nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ thuộc các trường hợp thực hiện một phần lệnh bán hoặc tạm dừng lệnh bán theo quy định của Điều Lệ Quỹ.

Đối với các chứng khoán trong danh mục của Quỹ, rủi ro thanh khoản sẽ được theo dõi trên cơ sở số ngày cần thiết để bán mỗi chứng khoán trong danh mục dựa trên dữ liệu giao dịch bình quân của chứng khoán đó trong năm liền trước. Các phương pháp cần thiết khác sẽ được tiến hành để giữ thời gian thoái vốn bình quân nằm trong các khoảng thời gian mục tiêu theo nguyên tắc cân trọng giới hạn trong quy định nội bộ.

9.6. Rủi ro về biến động giá

Rủi ro về biến động giá của Quỹ phát sinh khi một hay một số Nhà Đầu Tư đang nắm giữ một số lượng lớn Đơn Vị Quỹ quyết định thực hiện Lệnh Bán các Đơn Vị Quỹ này cùng lúc. Điều này có thể ảnh hưởng bất lợi tới giá của Đơn Vị Quỹ nếu các Lệnh Bán này đòi hỏi Công Ty Quản Lý Quỹ phải thoái vốn các khoản đầu tư tại mức giá thấp. Các quy định về thực hiện một phần lệnh bán và tạm dừng lệnh bán có thể giảm thiểu rủi ro biến động giá của Quỹ.

9.7. Rủi ro tái đầu tư

Rủi ro tái đầu tư là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu với dòng tiền từ lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ và gốc trái phiếu nhận được vào thời điểm đáo hạn được đem đi tái đầu tư nhằm thu lợi nhuận (lãi-trên-lãi). Rủi ro tái đầu tư phát sinh khi mặt bằng lãi suất tại thời điểm tái đầu tư thấp hơn so với lãi suất kỳ vọng trước đó. Ngoài ra, một số chứng khoán có thu nhập cố định được phát hành kèm theo quyền cho phép người phát hành mua lại chứng khoán đó trước hạn, thường là khi lãi suất thị trường có xu hướng giảm. Điều này khiến Quỹ có thể phải đối mặt với rủi ro tái đầu tư phần tiền thu hồi tại mức sinh lợi thấp hơn, do đó làm giảm thu nhập từ lãi của Quỹ. Rủi ro tái đầu tư của danh mục đầu tư trái phiếu được quản trị thông qua việc theo dõi kỳ vọng lãi suất thể hiện trên đường cong lợi suất và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu.

9.8. Rủi ro pháp lý

Đây là rủi ro có thể phát sinh khi Luật hoặc các quy định pháp lý thay đổi hoặc sự diễn giải và thi hành Luật và các quy định pháp lý này thay đổi khiến cho Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ bị ảnh hưởng. Những thay đổi về Luật hay các quy định pháp lý thường được thông báo trước khi có hiệu lực. Mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục sẽ được đánh giá, và nếu cần thiết và khả thi, Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư hoặc đối tượng các công ty được đầu tư.

9.9. Rủi ro bất khả kháng

Đây là rủi ro khi những sự kiện bất thường phát sinh có ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ. Những sự kiện này - dù là có thật hay tin đồn, có thể bao gồm:

- Thảm họa thiên nhiên như động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
- Khủng hoảng hệ thống ngân hàng, các nhà lãnh đạo chủ chốt mất khả năng điều hành;
- Rủi ro hệ thống như trục trặc trong hệ thống máy tính hoặc thông tin.

Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro bất khả kháng có mức độ ảnh hưởng lớn do bản chất của những hiện tượng này. Đa dạng hoá danh mục đầu tư vào các ngành, lĩnh vực khác nhau góp phần giảm thiểu rủi ro này. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tổn thất do thảm họa có thể giúp giới hạn tác động của một số rủi ro bất khả kháng.

X. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ LẦN ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của Quỹ là các văn bản pháp lý sau:

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 108/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán ngày 23 tháng 9 năm 2013;
- Thông tư số 183/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ mở ngày 16 tháng 12 năm 2011;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ mở ngày 16 tháng 12 năm 2011;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ ngày 5 tháng 9 năm 2011;
- Thông tư 212/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty Quản lý Quỹ ngày 05 tháng 12 năm 2012;
- Thông tư 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 18 tháng 8 năm 2015;
- Thông tư 198/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ mở ngày 15 tháng 11 năm 2012;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 6 tháng 10 năm 2015;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác.

2. Thông tin về đợt phát hành lần đầu ra công chúng

Quỹ phát hành lần đầu ra công chúng (IPO) từ ngày 05/07/2015 đến 10/08/2015.

Nhà Đầu Tư nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn tài chính riêng của mình để đảm bảo Nhà Đầu Tư đủ điều kiện để đầu tư vào Quỹ theo các quy định pháp luật áp dụng và liệu Quỹ có phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của Nhà Đầu Tư.

Số lượng đơn vị quỹ dự kiến phát hành:	6.000.000 Đơn Vị Quỹ
Thời gian phát hành:	Được đề cập trong thông báo phát hành lần đầu ra công chúng
Mệnh giá:	10.000 đồng một Đơn Vị Quỹ
Đồng tiền sử dụng và trình bày:	Đồng (VNĐ)
Giá phát hành:	Mệnh giá cộng với Giá dịch vụ Phát hành áp dụng cho giai đoạn IPO, được đề cập trong mục IX.4.1.a của Bản Cáo Bạch này

	Giá phát hành = 10.000 VNĐ x (1+Giá dịch vụ Phát hành)
--	--

Các Nhà Đầu Tư muốn đầu tư vào Quỹ phải hoàn thành và nộp Đơn Đăng Ký cho Đại Lý Phân Phối theo các quy trình và hướng dẫn trong mục IX.3.4. của Bản Cáo Bạch này. Nhà Đầu Tư thanh toán tiền mua Đơn Vị Quỹ vào một tài khoản phong tỏa của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát. Thông tin chi tiết của tài khoản này sẽ được cung cấp bởi các Đại Lý Phân Phối và được đề cập trong Đơn Đăng Ký. Ngân Hàng Giám Sát sẽ thanh toán lãi phát sinh (nếu có) trên các khoản tiền gửi trong tài khoản ký quỹ với mức lãi suất không thấp hơn lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đang được áp dụng của Ngân Hàng Giám Sát trong suốt quá trình IPO. Nếu IPO thành công, số lãi này sẽ cấu thành một phần tài sản Quỹ.

Sau khi hoàn thành đợt IPO, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đăng ký xin giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ với UBCKNN nếu có ít nhất 100 (một trăm) Nhà Đầu Tư không chuyên nghiệp đầu tư vào Quỹ và tổng vốn đầu tư vào Quỹ đạt tối thiểu 60.000.000.000 VNĐ (sáu mươi tỷ đồng). Khi nhận Giấy phép đăng ký, Ngân Hàng Giám Sát sẽ giải toả tài khoản ký quỹ của Quỹ đó để Quỹ có thể bắt đầu đầu tư. Dự kiến Ngày Giao Dịch đầu tiên sẽ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.

Xác nhận đầu tư sẽ được gửi cho Nhà Đầu Tư trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Quỹ có được Giấy chứng nhận đăng ký thành lập từ UBCKNN.

Theo quy định hiện hành, nếu Quỹ không thể huy động được ít nhất là 60.000.000.000 VNĐ (sáu mươi tỷ đồng) hoặc có ít hơn 100 (một trăm) Nhà Đầu Tư không chuyên nghiệp vào thời điểm kết thúc IPO hoặc thời gian được gia hạn (nếu có), UBCKNN sẽ không cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ. Trong trường hợp này, tất cả số tiền nhận được từ các Nhà Đầu Tư trong thời gian IPO cùng với lãi phát sinh nếu có sẽ được hoàn trả vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu Tư trong vòng 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày kết thúc đợt IPO. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chịu tất cả các chi phí dịch vụ phát sinh từ đợt IPO trong trường hợp này.

Quỹ không quy định quy mô tối đa trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Vì vậy, nếu giá trị phát hành được vượt 60.000.000.000 VNĐ (sáu mươi tỷ đồng), các Nhà Đầu Tư sẽ được phân bổ số lượng Đơn Vị Quỹ bằng với số đã đặt mua.

XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ, theo Điều lệ và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của Nhà Đầu Tư và quản lý một cách công bằng, minh bạch đối với tất cả các quỹ do Công ty quản lý. Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công Ty sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát các xung đột lợi ích thực tế hoặc có khả năng xảy ra. Trong trường hợp xung đột lợi ích phát sinh, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại Diện Quỹ để thống nhất phương án khắc phục nhằm giảm thiểu hoặc quản lý các xung đột đó.

Giao dịch với người có liên quan của TCC sẽ cấu thành xung đột lợi ích tiềm tàng. Người Có Liên Quan của TCC bao gồm Techcombank, thành viên Hội Đồng Thành viên của TCC, thành viên Ban Điều Hành (Giám đốc, Phó giám đốc) của TCC và các tổ chức, cá nhân khác được coi là người có liên quan của TCC theo quy định của Pháp Luật. Quỹ có thể có một số giao dịch với các bên được coi là người có liên quan của TCC như sau:

Tên của người có liên quan trong giao dịch	Bản chất giao dịch	Bản chất quan hệ
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương Việt Nam ("TCBS")	Giao dịch chứng khoán Phân phối chứng chỉ quỹ Đầu tư vào Quỹ	TCBS là Đại Lý Phân Phối 100% thuộc quyền sở hữu của Techcombank và Techcombank sở hữu 100% vốn của TCC
Techcombank ("TCB")	Gửi tiền có kỳ hạn	Techcombank sở hữu 100% vốn của TCC

Trong tất cả các trường hợp, các giao dịch phải là giao dịch công bằng và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Tất cả các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích tiềm tàng phải được tư vấn và chấp thuận bởi TCC và phải được công bố cho Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên TCC sẽ cố gắng hết sức để tránh các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích mà không thể quản lý được một cách thích đáng.

Người có liên quan của TCC được phép giao dịch Đơn Vị Quỹ theo phương thức giống như các Nhà Đầu Tư khác như quy định tại mục IX.3.

Theo Pháp Luật, tất cả các giao dịch Đơn Vị Quỹ của Ban Điều Hành và nhân viên phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi thực hiện giao dịch.

XII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Năm Tài Chính của Quỹ kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1. Báo cáo cho Nhà Đầu Tư

Hàng tháng, quý, năm Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, tài khoản phụ, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các báo cáo khác theo luật định cho Nhà Đầu Tư.

Đối với Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức được ủy quyền bởi Công Ty Quản Lý Quỹ (trong phạm vi pháp luật hiện hành cho phép) sẽ gửi thông kê giao dịch và sao kê tài khoản phụ nếu Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản. Thời hạn cung cấp thông tin là trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư.

2. Báo cáo Quỹ

TCC sẽ công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu Tư các thông tin sau:

- Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
- Báo cáo hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do SSC quy định;
- Báo cáo thông kê giá dịch vụ giao dịch của hoạt động đầu tư của quỹ hàng năm và bán niên;
- Báo cáo tài chính của Quỹ theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu SSC quy định;
- Báo cáo hoạt động của quỹ và thông kê giá dịch vụ giao dịch cũng sẽ được bổ sung vào Bản Cáo Bạch cập nhật sau một năm hoạt động và sẽ được cập nhật ít nhất một lần một năm.

3. Báo cáo bất thường

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho Nhà Đầu Tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quỹ phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sáp nhập quỹ hay sau các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ.

4. Gửi báo cáo tới Nhà Đầu Tư

Các báo cáo sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư thông qua trang thông tin điện tử của TCC, hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử của Nhà Đầu Tư hoặc được cung cấp tới các Đại Lý Phân Phối. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên; và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà Đầu Tư có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

5. Báo cáo gửi tới cơ quan có thẩm quyền

TCC sẽ tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ tới các cơ quan có thẩm quyền.

XIII. THÔNG TIN LIÊN LẠC

Để biết thêm thông tin chung, xin liên hệ:

Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương (TechcomCapital)

Địa chỉ: Tầng 10, Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 4 39446368

Fax: (+84) 4 39446583

XIV. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ở đây và các tài liệu đính kèm.

XV. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

Phụ lục 01: Danh sách các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn.

Phụ lục 02: Các mẫu biểu đăng ký mở tài khoản giao dịch, phiếu đăng ký mua/bán chứng chỉ quỹ của các lần giao dịch.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG



ĐẶNG LƯU DŨNG

Giám đốc

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“TCBS”)

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 98/UBCK- GP ngày 18/09/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Địa chỉ nhận lệnh: Tầng 4, 5, số 9 Tô Hiến Thành, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội



PHỤ LỤC 2. CÁC MẪU ĐƠN GIAO DỊCH ĐÍNH KÈM

STT	Tên mẫu biểu
1	Phiếu đề nghị đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở
2	Phiếu đề nghị giao dịch chứng chỉ quỹ mở
3	Thông báo thay đổi thông tin đầu tư
4	Giấy đăng ký mã số giao dịch (áp dụng cho cá nhân)
5	Giấy đăng ký mã số giao dịch (áp dụng cho tổ chức)
6	Giấy ủy quyền
7	Yêu cầu thanh toán tự động TCBF
8	Yêu cầu thanh toán tự động TCEF
9	Giấy đề nghị phong tỏa chứng chỉ quỹ mở tự nguyện
10	Thỏa thuận về việc phong tỏa chứng chỉ quỹ mở tự nguyện
11	Giấy đề nghị giải tỏa chứng chỉ quỹ mở
12	Văn bản đề nghị chuyển quyền sở hữu do biếu tặng cho
13	Văn bản đề nghị chuyển quyền sở hữu CCQ của bên nhận chuyển quyền sở hữu

Số:...../HĐMTK/TCBS-TCC

HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN

Dành cho giao dịch chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở

Số tài khoản giao dịch:

1	0	5	C						
---	---	---	---	--	--	--	--	--	--

Hợp đồng này được ký ngày tháng năm giữa các bên có tên sau đây:

NHÀ ĐẦU TƯ - KHÁCH HÀNG

Họ và tên: Giới tính:
 Ngày sinh: Nghề nghiệp: Quốc tịch:
 Số CMND/Thẻ CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:
 Email: Di động:
 Địa chỉ liên hệ:
 Địa chỉ thường trú:
 Số tài khoản ngân hàng: Chủ tài khoản:
 Tại ngân hàng: Chi
 nhánh:

CHỮ KÝ MẪU KHÁCH HÀNG

Chữ ký 1	Chữ ký 2

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (TCBS)

Trụ sở: Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: 1800588826 Fax: (84-4) 36331808 Email: cskh@tcbs.com.vn Website: www.tcbs.com.vn
 Giấy phép thành lập và hoạt động số 98/UBCK-GP do UBCKNN Cấp ngày: 18/9/2008
 Người đại diện: Chức vụ:

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG (TCC)

Trụ sở: Tầng 10 Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84.4)39446368 Fax: (84.4)39446583 Email: Website: www.techcomcapital.com.vn
 Giấy phép thành lập và hoạt động số : 40/UBCK-GP do UBCKNN Cấp ngày: 21/10/2008
 Người đại diện: Chức vụ:

CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

1. Khách hàng đã tìm hiểu đầy đủ về các hình thức giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ mở và đồng ý với các "Điều khoản và điều kiện giao dịch chứng khoán", "Điều khoản và điều kiện giao dịch chứng chỉ quỹ mở" đính kèm hợp đồng này (được Công ty Chứng khoán Kỹ thương và Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương công bố trên website chính thức và được sửa đổi, bổ sung và thực hiện trong từng thời kỳ).
2. Khách hàng hoàn toàn ý thức được những rủi ro có thể phát sinh từ việc giao dịch chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở và đồng ý chịu mọi rủi ro liên quan đến hình thức đầu tư và giao dịch mà mình lựa chọn.
3. Khách hàng xác nhận rằng các thông tin cung cấp trên là chính xác. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về các thông tin trên, Khách hàng sẽ cập nhật kịp thời trên tài khoản online và /hoặc thông báo bằng văn bản cho các bên.
4. Đồng ý để Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) sử dụng thông tin của khách hàng (nếu có) tại Techcombank để thực hiện việc xác thực thông tin cho TCBS.

Hợp đồng được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

CTY TNHH CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	CTY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	NHÂN VIÊN XÁC THỰC (Ký và ghi rõ họ tên)	KHÁCH HÀNG (Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC: THÔNG TIN DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ VÀ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

THÔNG TIN DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN LỰA CHỌN

- Giao dịch chứng khoán bao gồm: giao dịch mua bán chứng khoán, chứng chỉ quỹ, giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán, bán chứng khoán lô lẻ, lưu ký và thực hiện quyền.
- Loại chứng khoán giao dịch: Chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch và chứng khoán chưa niêm yết, chứng chỉ quỹ mở.
- Phương thức giao dịch: sàn giao dịch, điện thoại và trực tuyến.
- Phương thức giao dịch được thay đổi và cập nhật theo thời kỳ trên website của TCBS
- Nhận kết quả giao dịch qua tin nhắn điện thoại, email đã đăng ký.
- Nhận sao kê thông qua email đã đăng ký.
- Thuế thu nhập được khấu trừ tại TCBS, trừ trường hợp đã được khấu trừ tại tổ chức phát hành.

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH QUỸ MỞ

Quý tham gia TCBF TCEF

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG VÀ KIẾN THỨC ĐẦU TƯ

Trình độ học vấn: Ngành nghề:
Nơi công tác: Chức vụ:
Tình trạng hôn nhân: Họ tên vợ/chồng:

Hiểu biết về đầu tư Chưa có Còn hạn chế Tốt Rất tốt
Kinh nghiệm đầu tư Chưa có Cổ phiếu Trái phiếu Khác
Mục tiêu đầu tư Dài hạn Trung hạn Ngắn hạn Khác
Mức độ chấp nhận rủi ro Thấp Trung bình Cao Khác

Các tài khoản đã mở tại các công ty chứng khoán khác

STT	Số tài khoản	Tại công ty

Tên công ty đại chúng mà Khách hàng đang nắm giữ chức danh quản lý:
Tên công ty đại chúng mà khách hàng sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên:
Tên công ty đại chúng mà khách hàng là cổ đông nội bộ, người có liên quan:

THÔNG TIN NGƯỜI THỤ HƯỞNG (NẾU CÓ)

Họ và tên: Giới tính:
Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:
Số CMND/Thẻ CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Email:
Điện thoại: Di động:
Địa chỉ liên hệ:
Số tài khoản ngân hàng: Chủ tài khoản:
Tại ngân hàng: Chi nhánh:
Giấy tờ kèm theo: CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu còn hiệu lực (Bản công chứng)

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO DỊCH (NẾU CÓ)

Họ và tên: Giới tính:
Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:
Số CMND/Thẻ CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Email:
Điện thoại: Di động:
Địa chỉ liên hệ:

XÁC THỰC VÀ NHẬN BIẾT DẤU HIỆU HOA KỲ THEO FATCA

DẤU HIỆU HOA KỲ
 Có Không

FATCA là Đạo luật Tuân thủ về Thuế đối với Tài khoản nước ngoài được Chính phủ Hoa Kỳ thông qua vào ngày 18/03/2010. FATCA nhằm vào việc ngăn chặn người đóng thuế Hoa Kỳ sử dụng tài khoản mở ở ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ để trốn thuế. Bất kỳ tổ chức tài chính nào không tuân thủ FATCA sẽ có thể bị khấu trừ 30% thuế trên các khoản thanh toán có nguồn gốc từ khách hàng tại Hoa Kỳ. Theo luật thuế Liên bang Hoa Kỳ, TCBS được yêu cầu cung cấp thông tin người nộp thuế là các cá nhân đang duy trì tài khoản tại TCBS (dù cá nhân đó là người Hoa Kỳ hay không phải người Hoa Kỳ). Thông tin được thu thập sẽ được sử dụng duy nhất theo yêu cầu của Luật thuế liên bang Hoa Kỳ và sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Để đáp ứng yêu cầu này, TCBS cần phải nhận được mẫu W9 hoặc W8 được điền đầy đủ và/hoặc các mẫu biểu và chứng từ khác chứng minh tình trạng của quý khách hàng (cho dù quý khách hàng là người Hoa Kỳ hay không phải người Hoa Kỳ), nêu rõ tình trạng thuế của quý khách hàng. Xin quý khách hàng lưu ý, việc không nộp mẫu kê khai thuế này có thể khiến TCBS bắt buộc phải khấu trừ (giữ lại) 30% của bất kỳ giao dịch nào có nguồn gốc từ Hoa Kỳ được chuyển tới/chuyển về tài khoản của quý khách hàng tháng cho IRS và/hoặc đóng tài khoản của quý khách. Quy trình này sẽ tiếp tục cho đến khi TCBS nhận được form W9 hoặc W8 hoặc các chứng từ khác để xác minh tình trạng của quý khách, nếu có thể áp dụng.

Xin vui lòng xác nhận tình trạng FATCA của quý khách bằng cách điền vào các ô thích hợp:

Nội dung kê khai	Chủ tài khoản	Người được ủy quyền sử dụng tài khoản (nếu có)	Diễn giải
Quý khách là công dân Hoa Kỳ hoặc là thường trú nhân hợp pháp tại Hoa Kỳ (có thể xanh)?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền form W-9.
Quý khách có sinh ra tại Hoa Kỳ không (Nơi sinh tại Hoa Kỳ)?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9 hoặc Form W-8BEN cùng các giải trình hợp lý bằng văn bản về việc không có quốc tịch Mỹ bao gồm nhưng không giới hạn việc: cung cấp hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ hoặc giấy tờ tương tự chứng thực tình trạng công dân nước ngoài và văn bản chứng nhận về việc từ bỏ quyền công dân Hoa Kỳ của chủ tài khoản hay lý do chủ tài khoản không có quốc tịch Mỹ khi sinh ra.
Quý khách có thư ủy quyền hoặc ủy quyền cho một cá nhân/tổ chức có địa chỉ tại Hoa Kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9; hoặc Form W-8BEN cùng với hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ; hoặc giấy tờ chứng nhận nơi ở.
Quý khách có lệnh chuyển tiền tới tài khoản tại Hoa Kỳ hoặc khoản tiền nhận được thường xuyên từ một địa chỉ Hoa Kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9; hoặc Form W-8BEN cùng với hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ; hoặc giấy tờ chứng nhận nơi ở.
Quý khách có địa chỉ trên hồ sơ "có liên quan" hoặc "gửi thư" hoặc có địa chỉ P.O. Box Hoa Kỳ hoặc/và số điện thoại Hoa Kỳ?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9; hoặc Form W-8BEN cùng với hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ; hoặc giấy tờ chứng nhận nơi ở.

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(kèm theo và không tách rời Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán)

Các Điều khoản và Điều kiện (sau đây gọi tắt là "Các Điều khoản và Điều kiện") được áp dụng cho tất cả các tài khoản giao dịch được mở tại Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (sau đây gọi tắt là "Công ty chứng khoán"). Theo đó, Khách hàng thừa nhận rằng, trước khi ký Giấy yêu cầu mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ chứng khoán tại Công ty chứng khoán, Khách hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ, đồng ý tuân thủ và chịu sự ràng buộc của Các Điều khoản và Điều kiện của Công ty chứng khoán áp dụng cho tất cả các Chủ tài khoản (và các sửa đổi, bổ sung của Các Điều khoản và Điều kiện này được Công ty chứng khoán thực hiện trong từng thời kỳ), bao gồm: Các Điều khoản và Điều kiện Chung của Hợp đồng, Các Điều khoản và Điều kiện khác liên quan đến Tài khoản giao dịch chứng khoán và các dịch vụ cụ thể do Công ty chứng khoán cung cấp. Khách hàng đồng ý rằng, Giấy yêu cầu mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ chứng khoán, Các Điều khoản và Điều kiện cùng với các văn bản khác nhằm mở, sử dụng tài khoản và sử dụng dịch vụ do Công ty Chứng khoán cung cấp sẽ có hiệu lực ràng buộc như một hợp đồng giữa Khách hàng và Công ty chứng khoán.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 1: Mở tài khoản và sử dụng dịch vụ

- 1) Theo hợp đồng này, Khách hàng đề nghị Công ty chứng khoán mở tài khoản giao dịch đứng tên Khách hàng tại Công ty chứng khoán.
- 2) Tài khoản giao dịch (TKGD) được mở tại Công ty chứng khoán theo hợp đồng này gồm: tài khoản giao dịch chứng khoán (TKGDCK) và tài khoản giao dịch ký quỹ (TKGDQK) (trừ các trường hợp pháp luật không cho phép mở TKGDQK). Trong trường hợp pháp luật cho phép mở thêm các tài khoản khác, Công ty chứng khoán sẽ tự động mở tài khoản cho Khách hàng trên cơ sở Khách hàng đã có TKGD tại Công ty chứng khoán.
- 3) Công ty chứng khoán cung cấp các dịch vụ theo hợp đồng này bao gồm:
 - (i) Mở tài khoản giao dịch chứng khoán; hướng dẫn Khách hàng thực hiện ký quỹ tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán tại Công ty chứng khoán /tại ngân hàng chỉ định thanh toán;
 - (ii) Quản lý tiền /chứng khoán của Khách hàng và phối hợp với Ngân hàng chỉ định thanh toán quản lý tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của Khách hàng (đối với trường hợp Khách hàng thanh toán thông qua ngân hàng chỉ định);
 - (iii) Thực hiện giao dịch theo lệnh của Khách hàng và cung cấp kết quả giao dịch cho Khách hàng;
 - (iv) Thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Khách hàng thông qua Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán theo ủy quyền của Khách hàng;
 - (v) Thay mặt Khách hàng, thực hiện các quyền lợi hợp pháp gắn liền với chứng khoán thuộc sở hữu của Khách hàng, theo ủy quyền của Khách hàng bằng hợp đồng này;
 - (vi) Khách hàng ủy quyền cho Công ty chứng khoán thay mặt Khách hàng thực hiện các nội dung sau:
 - Phong tỏa/ hủy phong tỏa tiền trên TKTG theo lệnh giao dịch chứng khoán của Khách hàng, phối hợp với ngân hàng chỉ định thanh toán phong tỏa /hủy phong tỏa (trong trường hợp Khách hàng thanh toán thông qua ngân hàng chỉ định);
 - Thanh toán tiền, thanh toán phí theo kết quả giao dịch mua bán chứng khoán của Khách hàng;
 - Thanh toán các nghĩa vụ nợ khác phát sinh đối với tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán;
 - Nhận tiền bán chứng khoán, cổ tức và các quyền khác bằng tiền phát sinh từ tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán.
 - (vii) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được Công ty chứng khoán cung cấp theo từng thời điểm và được công bố trên website chính thức của Công ty chứng khoán.

Điều 2: Cách thức nhận lệnh

- 1) Đặt lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch của Công ty chứng khoán bằng cách nộp phiếu lệnh tại quầy giao dịch:
 - Khi muốn giao dịch mua bán chứng khoán, Khách hàng sẽ lập phiếu lệnh (theo mẫu của Công ty chứng khoán) ghi đầy đủ thông tin và nộp cho Công ty chứng khoán tại quầy giao dịch của Công ty chứng khoán.
 - Phiếu lệnh chỉ được coi là chấp nhận khi đã được điền đầy đủ thông tin, nộp tại quầy và có xác nhận của Công ty chứng khoán trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hình thức đặt lệnh khác.
- 2) Đặt lệnh qua các phương thức giao dịch điện tử theo Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử.

Điều 3: Tỷ lệ ký quỹ đặt mua/bán chứng khoán được áp dụng

Khách hàng phải bảo đảm tỷ lệ ký quỹ bằng tiền và chứng khoán trong giao dịch theo quy định của Công ty chứng khoán, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4: Lãi suất trên số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán

Đối với số dư tiền mặt trong TKGDCK, Khách hàng được hưởng lãi suất không kỳ hạn do Công ty chứng khoán công bố vào từng thời điểm

Điều 5: Cách thức xử lý tài sản trong trường hợp khách hàng không có khả năng thanh toán đúng hạn

Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho Công ty chứng khoán được quyền tự động trích và/hoặc yêu cầu ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký sử dụng tiền trong tài khoản thanh toán của khách hàng, chon và bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán trong tài khoản của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định tại hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại thuế áp dụng, phí giao dịch, các loại phí khác có liên quan và tiền phạt (tương đương với lãi chậm trả) theo quy định của Công ty chứng khoán khi Khách hàng vi phạm thời hạn thanh toán theo quy định của Công ty chứng khoán. Trong trường hợp số dư tiền và /hoặc chứng khoán của Khách hàng không đủ để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh, Công ty chứng khoán có quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

Điều 6: Quyền của Khách hàng

- 1) Sở hữu hợp pháp số tiền và chứng khoán đã ủy thác cho Công ty chứng khoán lưu giữ;
- 2) Đặt lệnh mua bán chứng khoán theo đúng qui định hiện hành;
- 3) Được hưởng các khoản lợi nhuận hợp pháp phát sinh từ số chứng khoán của mình lưu giữ tại Công ty chứng khoán bao gồm: cổ tức, lãi trái phiếu, cổ phiếu thưởng...theo qui định của pháp luật;
- 4) Được yêu cầu Công ty chứng khoán sửa lệnh, hủy lệnh đối với những lệnh giao dịch chưa khớp hoặc phần chưa khớp của lệnh theo đúng qui định hiện hành của mỗi Sở giao dịch chứng khoán.
- 5) Thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo qui định của pháp luật và các qui định khác được áp dụng;
- 6) Được Công ty chứng khoán thông báo đầy đủ về kết quả thực hiện các giao dịch chứng khoán mà Khách hàng ủy quyền;
- 7) Yêu cầu rút một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi tài khoản giao dịch khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt hợp đồng này.

Điều 7: Nghĩa vụ của Khách hàng

- 1) Cam kết những thông tin được liệt kê tại hợp đồng này và bất kỳ hợp đồng cũng như các giấy tờ ký kết khác với Công ty chứng khoán và/hoặc bất kỳ thông tin nào khác cung cấp cho Công ty chứng khoán là trung thực và đúng sự thật và phải thông báo cho Công ty chứng khoán khi phát sinh những thay đổi có liên quan. Việc thông báo này phải được tiến hành trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh những thay đổi đó. Trường hợp thông tin sai sự thật Khách hàng phải chịu phạt, bồi thường hoàn toàn thiệt hại phát sinh và/hoặc đình chỉ thực hiện hợp đồng;
- 2) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính xác thực của thông tin, tài liệu cần thiết để Công ty chứng khoán thực hiện công việc ủy quyền.
Nếu Khách hàng là người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của người nội bộ thì Khách hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin theo hướng dẫn và mẫu biểu cho công ty chứng khoán áp dụng cho từng thời kỳ (được đăng tải trên website của Công ty chứng khoán) mỗi khi phát sinh thay đổi thông tin.
- 3) Thanh toán các khoản phí môi giới và các khoản phí phát sinh khác theo qui định của Công ty chứng khoán tùy từng thời kỳ đối với các giao dịch do Công ty chứng khoán thực hiện theo lệnh của Khách hàng;
- 4) Nộp các khoản thuế theo đúng quy định của pháp luật (nếu có) phát sinh từ các giao dịch của Khách hàng;
- 5) Thực hiện ký quỹ tiền và chứng khoán đúng hạn để bảo đảm cho Công ty chứng khoán thực hiện các giao dịch cho Khách hàng;
- 6) Bảo đảm tính hợp pháp số tiền và chứng khoán mà Khách hàng đang sở hữu;
- 7) Tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và các hướng dẫn của Công ty chứng khoán liên quan đến việc sử dụng TKGD.
- 8) Tự chịu trách nhiệm công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán, chuyển nhượng chứng khoán trên TKGD của Khách hàng mà theo quy định của pháp luật Khách hàng có nghĩa vụ công bố thông tin, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách hàng tự bán chứng khoán, Công ty chứng khoán thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố.

Điều 8: Quyền của Công ty chứng khoán

- 1) Hưởng phí môi giới và các khoản phí khác do Công ty chứng khoán áp dụng từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2) Bằng hợp đồng này, Khách hàng ủy quyền cho Công ty chứng khoán yêu cầu ngân hàng quản lý tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng thực hiện thanh toán phí giao dịch, các khoản phí, các nghĩa vụ nợ phát sinh khác và thuế (nếu có) cho Công ty chứng khoán.
- 3) Được quyền từ chối thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán của Khách hàng khi lệnh không phù hợp với qui định của Công ty chứng khoán và qui định luật pháp hiện hành.
- 4) Thanh toán tiền, chứng khoán trên tài khoản của Khách hàng theo lệnh giao dịch của Khách hàng đã được thực hiện.

- 5) Công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán/chuyển nhượng chứng khoán trên TKGD của Khách hàng mà theo quy định của pháp luật thì Công ty chứng khoán có nghĩa vụ công bố, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách hàng tự bán chứng khoán (nếu pháp luật quy định Công ty chứng khoán phải công bố thông tin), Công ty chứng khoán thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố.
- 6) Trong trường hợp Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong hợp đồng này, quy định của pháp luật, hoặc các quy định khác do Công ty chứng khoán công bố theo từng thời điểm, bằng một văn bản thông báo gửi cho Khách hàng trước ba (03) ngày, Công ty chứng khoán có quyền đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực hoạt động TKGD của Khách hàng theo Hợp đồng này mà không bị xem là vi phạm Hợp đồng, không phải bồi thường cho Khách hàng.

Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

- 1) Thực hiện các giao dịch của Khách hàng phù hợp với quy định của Công ty chứng khoán và nội dung của hợp đồng này.
- 2) Lưu giữ chứng khoán của Khách hàng ủy thác tại tài khoản chứng khoán của người đầu tư đứng tên Công ty chứng khoán tại Trung Tâm Lưu ký Chứng Khoán.
- 3) Giữ bí mật các thông tin về Khách hàng, trừ trường hợp phải cung cấp theo quy định của pháp luật.
- 4) Không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không có lệnh của Khách hàng.
- 5) Thông báo kết quả giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng.
- 6) Không được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trừ trường hợp Khách hàng vi phạm hợp đồng này và/ hoặc Khách hàng thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật.
- 7) Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng theo quy định của pháp luật nếu các thiệt hại đó phát sinh do lỗi của Công ty chứng khoán.

Điều 10: Quan hệ ủy quyền

Trường hợp Khách hàng ủy quyền cho một bên thứ ba điều hành tài khoản của mình, Khách hàng sẽ phải lập Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty chứng khoán và theo đúng với quy định của pháp luật. Khách hàng vẫn cam kết tự chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về việc ủy quyền đồng thời cam kết chấp nhận và không thực hiện bất cứ khiếu nại nào với Công ty chứng khoán đối với mọi hành vi của người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi nội dung đã ủy quyền.

Điều 11: Giải quyết tranh chấp

Tất cả các tranh chấp có thể nảy sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết trước tiên bằng thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng hòa giải, một trong hai bên có thể đưa ra Tòa án có thẩm quyền xét xử theo quy định của pháp luật.

Điều 12: Sửa đổi, bổ sung các điều khoản và điều kiện

Khách hàng đồng ý rằng, Công ty chứng khoán có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc từng phần, bất kỳ các điều khoản và điều kiện nào (kể cả các loại phí dịch vụ) liên quan đến bất kỳ dịch vụ nào do Công ty chứng khoán cung cấp và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận với điều kiện là Công ty chứng khoán sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ cho Khách hàng thông qua một số phương thức do Công ty chứng khoán lựa chọn như: (i) gửi văn bản; hoặc (ii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iii) email; (iv) hoặc công bố trên website chính thức của Công ty chứng khoán, trước khi những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực. Việc sử dụng dịch vụ sau ngày mà các sửa đổi này có hiệu lực (theo thông báo của Công ty chứng khoán) sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của Khách hàng đối với các sửa đổi đó. Nếu Khách hàng không đồng ý với bất kỳ sửa đổi nào, thì Khách hàng phải thông báo cho Công ty chứng khoán bằng văn bản về việc hủy bỏ hoặc chấm dứt sử dụng các dịch vụ với Công ty chứng khoán và/hoặc đóng tài khoản giao dịch chứng khoán.

Điều 13: Hiệu lực của các điều khoản và điều kiện về việc mở và sử dụng tài khoản giao dịch chứng khoán

- 1) Trong trường hợp bất kỳ điều khoản nào của Các Điều khoản và Điều kiện được xác định là không có hiệu lực pháp luật và không khả thi, những điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực và ràng buộc các Bên trong phạm vi pháp luật cho phép.
- 2) Tài khoản của Khách hàng chấm dứt hoạt động và bị đóng trong các trường hợp:
 - Khách hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan và được Công ty chứng khoán đồng ý;
 - Khách hàng vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng này và/hoặc vi phạm pháp luật;
 - Khách hàng bị chết, hoặc mất năng lực hành vi, đồng thời đã hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan đến Công ty chứng khoán, bên thứ ba có liên quan;
 - Công ty chứng khoán giải thể, phá sản, bị đình chỉ hoạt động, bị rút nghiệp vụ môi giới hoặc thu hồi giấy phép hoạt động.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử sau đây được áp dụng cho tất cả các giao dịch được thực hiện bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống của Công ty chứng khoán. Khi đăng ký sử dụng dịch vụ Giao dịch điện tử tại Công ty chứng khoán, Khách hàng thừa nhận đã hiểu và chấp nhận ràng buộc bởi Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử này, và bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào của Các Điều kiện và Điều khoản về Dịch vụ giao dịch điện tử này được Công ty chứng khoán thực hiện tại từng thời điểm.

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- 1.1. **"Giao dịch điện tử"**: là các giao dịch liên quan đến chứng khoán và tiền gửi trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán mà các giao dịch đó (i) được thực hiện phù hợp với các quy định và các dịch vụ do Công ty chứng khoán ban hành hoặc sửa đổi bổ sung trong từng thời kỳ; và (ii) được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điện thoại, fax, internet, tin nhắn SMS, email, web-chat hoặc các phương tiện điện tử khác.
- 1.2. **"Dịch vụ giao dịch điện tử"**: là các dịch vụ do Công ty chứng khoán cung cấp cho Khách hàng tùy từng thời điểm để Khách hàng thực hiện các Giao dịch điện tử.
Tùy từng thời kỳ, Công ty chứng khoán có quyền thay đổi, bổ sung hoặc rút bớt các Dịch vụ giao dịch điện tử mà Công ty chứng khoán triển khai trên cơ sở thông báo công khai cho Khách hàng thông qua website của Công ty chứng khoán.
- 1.3. **"Tên đăng nhập"**: là dãy ký tự do Công ty chứng khoán cung cấp và Khách hàng dùng để sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử.
- 1.4. **"Mật khẩu đăng nhập"**: là mật khẩu để xác định Khách hàng khi truy cập vào Hệ thống của Công ty chứng khoán.
- 1.5. **"Mật khẩu bảo mật"**: là mật khẩu sử dụng một lần (OTP: one-time-password) để Khách hàng thực hiện các Giao dịch điện tử, chỉ có hiệu lực duy nhất đối với một giao dịch tại một thời điểm nhất định của một Khách hàng cụ thể, và sẽ tự động hủy trong một thời gian xác định.
- 1.6. **"Hệ thống của Công ty chứng khoán"** là hệ thống giao dịch điện tử mà Công ty chứng khoán triển khai sử dụng tại từng thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn trong internet, điện thoại fax, email.

Điều 2. Điều kiện giao dịch điện tử

Khi Khách hàng mở TKGD, Khách hàng mặc định được quyền sử dụng tất cả các Dịch vụ giao dịch điện tử Công ty chứng khoán đang hoặc sẽ triển khai. Khách hàng khi thực hiện bất kỳ giao dịch nào theo phương thức Giao dịch điện tử phải tuân thủ các điều kiện sau:

- 2.1 Khách hàng chỉ sử dụng được Dịch vụ Dịch vụ giao dịch điện tử tại Công ty chứng khoán sau khi đã cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để Công ty chứng khoán kích hoạt các Dịch vụ giao dịch điện tử trên TKGD của Khách hàng.
- 2.2 Khách hàng sử dụng Tên đăng nhập và Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) để thực hiện các Giao dịch điện tử.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- 3.1. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Công ty chứng khoán và của pháp luật khi mở TKGD và trong suốt quá trình sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử. Tuân thủ hướng dẫn và quy định của Công ty chứng khoán, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử nói chung và giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng.
- 3.2. Khách hàng xác nhận đã được tạo mọi điều kiện và đã nghiên cứu đầy đủ, chính xác nội dung hướng dẫn của Công ty chứng khoán về việc sử dụng các Dịch vụ giao dịch điện tử, ý thức được đầy đủ các rủi ro có thể phát sinh như quy định tại Điều 6 của Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử này.
- 3.3. Giao dịch của Khách hàng thực hiện được ghi nhận bằng hệ thống của Công ty chứng khoán. Khách hàng có trách nhiệm kiểm tra lại trạng thái lệnh đặt của mình đã được nhập vào hệ thống của Công ty chứng khoán hay chưa thông qua hệ thống giao dịch điện tử hoặc nhân viên nhận lệnh.
- 3.4. Chịu trách nhiệm bảo mật Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) và thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết ở mức độ cao nhất nhằm phòng chống việc sử dụng trái phép Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) của Khách hàng gửi đến Công ty chứng khoán được hiểu là yêu cầu của chính Khách hàng thực hiện. Cho mục đích này, Khách hàng hiểu và thừa nhận rằng Công ty chứng khoán đương nhiên có quyền suy đoán và tin rằng Khách hàng không bao giờ tiết lộ dưới bất kỳ hình thức nào dù có tình hay cố ý cho bất kỳ ai tại bất kỳ nơi nào và vào bất kỳ thời điểm nào, các thông tin về: Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử.
- 3.5. Khách hàng không được sử dụng hoặc cung cấp Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) và các thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ này cho người khác vào các mục đích gây tổn hại cho hệ thống giao dịch điện tử của Công ty chứng khoán. Nếu phát hiện ra, Công ty chứng khoán có quyền đơn phương dừng cung cấp dịch vụ và chuyển hồ sơ cho các cơ quan pháp luật xử lý theo quy định pháp luật.
- 3.6. Khách hàng đồng ý và chấp nhận việc Công ty chứng khoán được tự động trích nợ TKGD của Khách hàng để thanh toán phí dịch vụ và/hoặc chi phí khác theo quy định của Công ty chứng khoán liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử và/hoặc thực hiện Giao dịch điện tử của Khách hàng.
- 3.7. Trong mọi trường hợp, Khách hàng phải chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ thanh toán đối với tất cả các giao dịch đã được thực hiện bằng Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) của Khách hàng mà không được, vì bất cứ lý do gì, hủy, phủ nhận, từ chối, thay đổi, thoái thác giao dịch sau khi các giao dịch này đã được Công ty chứng khoán duyệt và/hoặc thực hiện. Đặc biệt, Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm ngay cả đối với các lệnh được đặt do lỗi đánh máy, do nhập thông tin sai, các lệnh vượt quá các giới hạn giao dịch v.v... Công ty chứng khoán mặc nhiên xác nhận nội dung thông tin trên các lệnh giao dịch mà Công ty chứng khoán nhận được là đúng, chính xác và do chính Khách hàng thực hiện và Công ty chứng khoán không có nghĩa vụ kiểm tra, phát hiện, chỉnh sửa, ngăn chặn, cảnh báo đối với bất kỳ lệnh nào bằng bất kỳ cách nào.
- 3.8. Khách hàng cam kết không thực hiện các giao dịch trái pháp luật.
- 3.9. Thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho Công ty chứng khoán khi phát hiện hoặc nghi ngờ việc truy cập trái phép dịch vụ được Công ty chứng khoán cung cấp cho Khách hàng; hoặc nghi ngờ có người biết mật khẩu của Khách hàng theo số điện thoại đường dây nóng của Công ty chứng khoán tại từng thời điểm. Khách hàng phải xác nhận lại thông báo của mình bằng văn bản gửi cho Công ty chứng khoán (nếu trước đó thông báo bằng các hình thức khác).
- 3.10. Khách hàng có trách nhiệm đăng ký địa chỉ, số điện thoại/email/fax hoặc các phương tiện liên lạc khác để Công ty chứng khoán gửi các thông tin về số dư tiền/chứng khoán và các thông tin khác liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ cho Khách hàng mà Công ty chứng khoán thấy cần thiết (sau đây gọi tắt là **"Thông báo từ Công ty chứng khoán"**). Trường hợp có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, số fax, email và các phương tiện liên lạc đã đăng ký với Công ty chứng khoán thì Khách hàng có trách nhiệm đăng ký lại với Công ty chứng khoán. Công ty chứng khoán không chịu trách nhiệm trong trường hợp Khách hàng không nhận được các Thông báo từ Công ty chứng khoán và các hậu quả kèm theo mà nguyên nhân là do Khách hàng không kiểm tra hoặc không thể kiểm tra Thông báo từ Công ty chứng khoán gửi đến hoặc qua các phương tiện đã đăng ký và/hoặc do Khách hàng không đăng ký lại thông tin liên hệ với Công ty chứng khoán như quy định tại điều khoản này.

3.11. Thanh toán các khoản phí sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử cho Công ty chứng khoán, bao gồm phí SMS, phí mua thiết bị xác thực (nếu có), các loại phí liên quan đến từng Dịch vụ giao dịch điện tử theo quy định của Công ty chứng khoán tùy từng thời kỳ. Có nghĩa vụ nộp thuế (nếu có) đối với các Dịch vụ giao dịch điện tử mà Khách hàng sử dụng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

- 4.1. Cung cấp Dịch vụ giao dịch điện tử một cách tốt nhất và cố gắng giảm thiểu các rủi ro có thể gặp phải về kỹ thuật cho Khách hàng.
- 4.2. Yêu cầu Khách hàng nghiên cứu kỹ và tuân thủ các hướng dẫn sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử.
- 4.3. Công ty chứng khoán có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) kiểm tra độ tin cậy của lệnh giao dịch và người đặt lệnh, mật khẩu giao dịch và mã xác thực và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có).
- 4.4. Chủ động trích chuyển các khoản tiền từ TKGD của Khách hàng phù hợp với quy định tại Điều 3.6 của Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử.
- 4.5. Công ty chứng khoán có quyền tạm ngừng/chấm dứt/từ chối việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử của Khách hàng phù hợp với Các Điều khoản và Điều kiện về Dịch vụ giao dịch điện tử hoặc theo yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 4.6. Phong tỏa trên TKGD của Khách hàng số tiền/chứng khoán mà hai bên tranh chấp và khấu trừ bất kỳ khoản tiền/trách nhiệm/chi phí nào mà theo phán quyết của tòa án có thẩm quyền Khách hàng phải trả cho Công ty chứng khoán.
- 4.7. Công ty chứng khoán không chịu bất cứ trách nhiệm gì đối với những giao dịch không thực hiện được hay bất cứ thiệt hại nào trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi việc Khách hàng không thực hiện đúng những nội dung trong các hướng dẫn sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử và các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử này.
- 4.8. Công ty chứng khoán hoàn toàn không chịu trách nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Bất cứ giao dịch nào thực hiện ngoài ý muốn của Khách hàng do Khách hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch mà mình đã đăng ký với Công ty chứng khoán;
 - b) Bất kỳ khiếu nại nào của Khách hàng về việc giao dịch được thực hiện dưới Tên đăng nhập của Khách hàng không phải do chính Khách hàng thực hiện;
 - c) Giao dịch của Khách hàng bị cản trở, chậm trễ, sai sót, không thể thực hiện gây ra bởi hoặc có liên quan đến việc:
 - i) Hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin của Công ty chứng khoán gặp sự cố kỹ thuật;
 - ii) Hệ thống thông tin hiện tại giữa Công ty chứng khoán và Khách hàng đang bị lỗi;
 - iii) Hệ thống thông tin hiện tại giữa Công ty chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán bị lỗi chưa khắc phục được trong phiên giao dịch;
 - iv) Công ty chứng khoán xét thấy cần kiểm tra tính hợp lệ của việc đặt lệnh và người đặt lệnh;
 - v) Lệnh giao dịch không hợp lệ;
 - vi) Theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - vii) Các lý do bất khả kháng như phá hoại, động đất, cháy nổ, thiên tai, đứt nghẽn mạng, mất điện, hành vi phá hoại từ bên ngoài (bao gồm virus, phần mềm độc hại, v.v.)...
 - d) Bất kỳ khiếu nại, yêu cầu bồi thường nào của Khách hàng về thiệt hại gây ra bởi bất kỳ nguyên nhân nào ngoài tầm kiểm soát của Công ty chứng khoán, bao gồm nhưng không giới hạn trong chiến tranh, sự thay đổi về luật pháp hoặc lệnh, yêu cầu, quy định của cơ quan Nhà nước, hòa hoãn, thiên tai, trực tiếp của các thiết bị cơ khí hoặc điện tử hoặc hệ thống hạ tầng công cộng, do lỗi của các bên thứ ba cung cấp dịch vụ Internet, điện thoại hoặc viễn thông v.v...
- 4.9. Từ chối việc thực hiện các giao dịch có dấu hiệu khả nghi, bất thường hoặc không hợp pháp, hợp lệ theo quy định của Công ty chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, của pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của Công ty chứng khoán và không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về việc từ chối này.
- 4.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử này và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Cam kết chung của hai Bên

- 5.1. Tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, giao dịch điện tử, phòng chống rửa tiền, các quy định pháp luật có liên quan, các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của Công ty chứng khoán liên quan đến dịch vụ này.
- 5.2. Bảo mật các thông tin của Khách hàng liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ này ngoại trừ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 5.3. Các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc cung cấp dịch vụ giữa Công ty chứng khoán và Khách hàng cũng như các số liệu được ghi chép, xác nhận và lưu giữ bởi hệ thống ghi âm, hệ thống máy tính của Công ty chứng khoán sẽ là bằng chứng về việc giao dịch điện tử của Khách hàng với Công ty chứng khoán (sau đây gọi chung là "Chứng từ Điện tử"). Hai bên hiểu rằng các bằng chứng này có đầy đủ tính pháp lý và hiệu lực thi hành đối với Công ty chứng khoán và Khách hàng.
- 5.4. Công ty chứng khoán có trách nhiệm lưu giữ các Chứng từ Điện tử liên quan đến các yêu cầu giao dịch điện tử của Khách hàng theo quy định của pháp luật. Công ty chứng khoán có quyền chuyển chứng từ điện tử sang chứng từ giấy. Khách hàng cam kết hợp tác với Công ty chứng khoán trong việc hoàn thiện tính pháp lý của chứng từ bằng văn bản theo yêu cầu của Công ty chứng khoán/hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 5.5. Thông tin về đề nghị sử dụng dịch vụ từng lần của Khách hàng sẽ được lưu giữ tại Công ty chứng khoán qua hệ thống ghi âm/hệ thống máy tính của Công ty chứng khoán, có giá trị pháp lý và được coi là một chứng từ trong thanh toán, chuyển khoản.
- 5.6. Công ty chứng khoán có thể tạm ngừng/chấm dứt việc cung cấp dịch vụ vì bất kỳ lý do gì mà không cần báo trước khi Công ty chứng khoán thấy là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp (i) Khách hàng vi phạm quy định của Công ty chứng khoán hoặc của pháp luật về việc sử dụng và quản lý TKGD, hoặc (ii) theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc (iii) các trường hợp liên quan đến giả mạo và rủi ro; hoặc (iv) khi lợi ích của Công ty chứng khoán/Khách hàng/Bên thứ ba có thể bị tổn hại hoặc có gian lận; hoặc (v) trường hợp Công ty chứng khoán tạm ngưng dịch vụ để bảo trì, nâng cấp Hệ thống của Công ty chứng khoán, hoặc (vi) khi phát hiện Khách hàng vi phạm bất kỳ nội dung nào của Các Điều khoản và Điều khoản về Giao dịch điện tử, hoặc (vii) TKGD của Khách hàng tạm đình chỉ hoạt động hoặc bị đóng.
- 5.7. Công ty chứng khoán có quyền coi mỗi yêu cầu của Khách hàng là một yêu cầu độc lập, bao gồm cả trường hợp Khách hàng gửi nhiều yêu cầu cùng lúc có nội dung giống nhau. Trường hợp Công ty chứng khoán nghi ngờ đây là bản sao của một yêu cầu giao dịch trước đó, Công ty chứng khoán được lựa chọn (nhưng không có nghĩa vụ) không chấp thuận thực hiện giao dịch và thông báo lại Khách hàng để xử lý.
- 5.8. Bất kỳ lệnh giao dịch nào của Khách hàng đã thực hiện sẽ được Công ty chứng khoán coi là có giá trị và không hủy ngang. Khách hàng cam kết và chấp thuận rằng các giao dịch được thực hiện thông qua Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử là giao dịch chính Khách hàng/người được ủy quyền hợp pháp của Khách hàng thực hiện.
- 5.9. Trường hợp Khách hàng muốn hủy yêu cầu thực hiện giao dịch của mình, Công ty chứng khoán sẽ chỉ xem xét với điều kiện (i) yêu cầu hủy giao dịch được gửi đến Công ty chứng khoán ngay lập tức sau khi Khách hàng gửi lệnh giao dịch, và (ii) Công ty chứng khoán chưa ghi nhận và/hoặc chưa xử lý giao dịch trên hệ thống của mình theo yêu cầu của Khách hàng, và (iii) việc hủy giao dịch không ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty chứng khoán cũng như lợi ích của bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Điều 6. Điều khoản về công bố các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh

- 6.1. Việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ thống của Công ty chứng khoán, của Khách hàng hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Khách hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc bất kỳ thiệt hại nào khác phát sinh khi sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử do lỗi hệ thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành động, thao tác của Khách hàng ảnh hưởng đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử. Khách hàng cam kết đã đọc, ý thức rõ ràng và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về những rủi ro có thể phát sinh từ việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn các rủi ro:
 - a) Lỗi hệ thống phần cứng, phần mềm không hoạt động hoặc hoạt động không đúng chức năng thiết kế do lỗi lưu, hòa hoãn, thiên tai, chập điện, hư hỏng tự nhiên, hành vi phá hoại hoặc gian lận của con người khiến cho lệnh giao dịch không được thực hiện hoặc được thực hiện không đúng với nội dung lệnh ban đầu;
 - b) Rủi ro đường truyền thoại hoặc Internet của nhà cung cấp dịch vụ gặp sự cố kỹ thuật như đứt đường truyền, quá tải hoặc những sự cố tương tự có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các giao dịch trực tuyến của khách hàng như giao dịch trực tuyến của Khách hàng không thể truyền đến hệ thống của Công ty chứng khoán (lệnh giao dịch của khách hàng có thể bị treo/ngưng/trì hoãn hoặc có lỗi dữ liệu) hoặc việc nhận dạng thông tin của Khách hàng bị nhầm lẫn, sai lệch;
 - c) Hệ thống thông tin hiện tại giữa Công ty chứng khoán và Sở giao dịch Chứng khoán bị lỗi trong phiên giao dịch; Bảng giá chứng khoán và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi/sai, lệch hoặc khách hàng không thể truy cập vào hệ thống của Công ty chứng khoán;
 - d) Hệ thống máy tính của Công ty chứng khoán gặp sự cố do bị mất nguồn điện, bị tấn công, nhiễm virus hoặc bị ảnh hưởng của những sự cố ngoài ý muốn dẫn đến việc không thể xử lý hoặc thực hiện các giao dịch trực tuyến của khách hàng;
 - e) Hệ thống máy tính của Khách hàng bị hỏng, bị virus, bị tấn công dẫn đến việc làm lộ hoặc bị đánh cắp các thông tin về giao dịch của khách hàng (tên đăng nhập, mật khẩu, thiết bị xác thực, số điện thoại /điện thoại di động và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có)) hoặc tài khoản của Khách hàng bị sử dụng một cách trái phép bởi một bên thứ ba;
 - f) Bất cứ giao dịch nào thực hiện ngoài ý muốn của Khách hàng do Khách hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch mà mình đã đăng ký với Công ty chứng khoán, do sai sót trong quá trình Khách hàng thao tác với các thiết bị (như nhập sai dữ liệu, dữ kiện, gõ nhầm phím, v.v.);
 - g) Giao dịch trực tuyến do Khách hàng thực hiện sẽ được xử lý và thực hiện một cách tự động hoặc manual ngay khi truyền đến hệ thống của Công ty chứng khoán. Công ty chứng khoán mặc nhiên xác nhận mọi giao dịch trực tuyến của Khách hàng gửi đến Công ty chứng khoán đều do chính Khách hàng thực hiện. Vì vậy, mọi ý kiến cho rằng đó là nhầm lẫn hoặc sai sót liên quan đến giao dịch của Khách hàng đều không được chấp nhận. Mọi thiệt hại phát sinh do Khách hàng chịu trách nhiệm.
- 6.2. Công ty chứng khoán không chịu trách nhiệm nếu Khách hàng để lộ Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có). Trong trường hợp bị lộ hoặc Khách hàng phát hiện có người sử dụng trái phép Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có), Khách hàng phải thông báo ngay lập tức cho Công ty chứng khoán để đình chỉ giao dịch và có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 7. Giao dịch chứng khoán lẻ lẻ trực tuyến

- 7.1. Giao dịch chứng khoán lẻ lẻ trực tuyến là việc Khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán lẻ lẻ thông qua phương thức giao dịch điện tử của Công ty chứng khoán.
- 7.2. Giá chuyển nhượng chứng khoán lẻ lẻ sẽ là mức giá do Công ty chứng khoán quy định đang có hiệu lực tại thời điểm Khách hàng đặt lệnh bán chứng khoán lẻ lẻ và tuân thủ theo quy định của pháp luật và Công ty chứng khoán.
- 7.3. Khi sử dụng dịch vụ Khách hàng đồng ý trả cho Công ty chứng khoán phí dịch vụ cho dịch vụ giao dịch chứng khoán lẻ lẻ trực tuyến được Công ty chứng khoán quy định theo từng thời kỳ.

Điều 8. Thiết bị, phần mềm và truy cập mạng

- 8.1. Khách hàng đơn phương chịu trách nhiệm về việc lắp đặt, duy trì và vận hành máy tính cá nhân, điện thoại của Khách hàng. Công ty chứng khoán không chịu trách nhiệm với việc mất dữ liệu, phần mềm, hỏng hóc máy tính, điện thoại của Khách hàng trong quá trình Khách hàng sử dụng Dịch vụ.
- 8.2. Khách hàng chịu trách nhiệm bảo đảm hệ thống điện thoại, máy tính cá nhân và phần mềm của Khách hàng sử dụng trong việc truy cập các Dịch vụ đáp ứng được các tiêu chí tối thiểu để có thể truy cập được Dịch vụ.

Điều 9. Hiệu lực của Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử

9.1. Các Điều khoản và Điều kiện về Dịch vụ giao dịch điện tử chấm dứt hiệu lực khi:

- Khách hàng yêu cầu chấm dứt sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử phù hợp với quy định của Công ty chứng khoán và pháp luật;
- Theo Điều 5.6 của Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử;

9.2. Công ty chứng khoán có toàn quyền quyết định bổ sung, hủy bỏ hoặc thay đổi phạm vi Dịch vụ giao dịch điện tử và/hoặc bất kỳ điều nào trong Các Điều khoản và Điều kiện này mà Công ty chứng khoán thấy là phù hợp. Công ty chứng khoán sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi đó cho Khách hàng và việc Khách hàng sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử sau ngày mà bất kỳ thay đổi nào đối với các Điều khoản và Điều kiện này có hiệu lực (thông báo của Công ty chứng khoán) sẽ là sự chấp nhận của Khách hàng và không cần Khách hàng xác nhận về sự thay đổi về thay đổi đó sẽ được xem là một phần không tách rời của Các Điều khoản và Điều kiện này. Nếu Khách hàng không chấp nhận bất kỳ đề nghị thay đổi nào, Khách hàng được quyền hủy bỏ Dịch vụ giao dịch điện tử bằng cách thông báo cho Công ty chứng khoán phù hợp với quy định của bản Các Điều khoản và điều kiện.

9.3. Trường hợp Khách hàng muốn hủy bỏ sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử do Công ty chứng khoán cung cấp cho Khách hàng, Khách hàng phải thông báo cho Công ty chứng khoán về việc hủy bỏ đó bằng văn bản trước một khoảng thời gian hợp lý.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ DỊCH VỤ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

Các Điều khoản và Điều kiện về Ứng trước Tiền bán Chứng khoán (sau đây gọi tắt là "**Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK**") được áp dụng cho tất cả các Tài khoản Giao dịch Chứng khoán mở tại Công ty Chứng khoán. Khi sử dụng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán, Khách hàng thừa nhận rằng Khách hàng đã đọc, hiểu và chấp nhận các điều khoản và điều kiện được nêu dưới đây và đồng ý chịu ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện này, và các bản sửa đổi, bổ sung của Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK này do Công ty chứng khoán thực hiện tại từng thời điểm.

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- "Lệnh mua/Lệnh bán chứng khoán": là Lệnh mua/Lệnh bán chứng khoán của Khách hàng, do Khách hàng lập theo mẫu của Công ty chứng khoán đã được Khách hàng xác nhận (bằng chữ ký trên giấy hoặc mặt khẩu đối với các Lệnh mua/Lệnh bán điện tử).
- "Khớp lệnh": là kết quả Lệnh mua/Lệnh bán đã được xác nhận giao dịch thành công.
- "Tiền bán chứng khoán": là số tiền Khách hàng được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh bán chứng khoán của Khách hàng và đã được Công ty chứng khoán xác nhận là giao dịch khớp lệnh thành công.
- "Phi ứng trước": là khoản phí Khách hàng phải trả Công ty chứng khoán do sử dụng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán theo Biểu phí của Công ty chứng khoán từng thời kỳ.
- "Ứng trước tiền bán chứng khoán": là việc Công ty chứng khoán thanh toán ứng trước một khoản tiền cho Khách hàng trên cơ sở Khách hàng chuyển nhượng lại vô điều kiện cho Công ty chứng khoán quyền nhận tiền bán chứng khoán của mình và bảo đảm hoàn trả đầy đủ cho Công ty chứng khoán số tiền ứng trước cộng Phí ứng trước.
- "Ngày T" là ngày giao dịch, "ngày T+1" là ngày giao dịch tiếp ngay sau ngày T; "ngày T+2" là ngày giao dịch tiếp ngay sau ngày giao dịch T+1; "ngày T+3" là ngày giao dịch tiếp ngay sau ngày giao dịch T+2.
- "Ngày ứng trước tiền bán": là ngày mà Khách hàng phát sinh các nhu cầu thanh toán tại các trường hợp nêu tại Điều 2.1 và nhận được số tiền ứng trước trong TKGDCK của Khách hàng (trong khoảng thời gian từ ngày T+0 đến ngày T+2 kể từ ngày khớp Lệnh bán).
- "Số tiền ứng trước" là số tiền Công ty chứng khoán ứng vào TKGD của Khách hàng.
- "Số tiền ứng trước tối đa": là số tiền bán chứng khoán trừ Phí giao dịch, Phí ứng trước và Thuế, phí khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 2. Điều kiện và phương thức thực hiện

- Khi mở TKGD, Khách hàng mặc định đồng ý và chấp nhận sử dụng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán. Công ty chứng khoán sẽ tự động Ứng trước tiền bán chứng khoán trên cơ sở kết quả Khớp lệnh đối với Lệnh bán chứng khoán trong các trường hợp sau:
 - Khách hàng sử dụng bất kỳ giao dịch chứng khoán nào trên TKGD mà không có đủ tiền mặt để thanh toán (rút hoặc chuyển khoản tiền mặt ra khỏi tài khoản, thanh toán nợ gốc và lãi, phí các khế ước vay, thanh toán tiền mua mua chứng khoán, giao dịch ký quỹ và các giao dịch chứng khoán khác); và/hoặc;
 - Khách hàng có những nghĩa vụ tài chính đến hạn với Công ty chứng khoán (bao gồm nhưng không giới hạn trong nghĩa vụ thanh toán tiền mua chứng khoán, các nghĩa vụ tài chính đến hạn khác): Công ty chứng khoán tự động ứng trước tiền bán chứng khoán để thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính đến hạn đó.
- Trong mọi trường hợp, Số tiền ứng trước không vượt quá Số tiền ứng trước tối đa.
- Thanh toán hoàn trả Số tiền ứng trước: Khách hàng đồng ý chuyển nhượng vô điều kiện cho Công ty chứng khoán quyền nhận tiền bán chứng khoán của Khách hàng để hoàn trả cho Công ty chứng khoán đầy đủ số tiền ứng trước cộng phí ứng trước từ Tiền bán chứng khoán đã được Khớp lệnh và thanh toán vào ngày T+3 kể từ ngày khớp Lệnh bán.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK này.
- Khi phát sinh các nghĩa vụ thanh toán như nêu tại Điều 2.1 về điều kiện thực hiện việc Ứng trước tiền bán chứng khoán, Khách hàng được coi là đã chấp thuận các điều kiện về mức Phí ứng trước và các điều kiện khác quy định tại Điều 2 của Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK này.
- Đồng ý để Công ty chứng khoán được tự động khấu trừ tiền từ TKGDCK của Khách hàng để hoàn trả toàn bộ Số tiền ứng trước, Phí ứng trước và cam kết không có bất cứ khiếu nại, khiếu kiện nào về việc trích chuyển từ TKGDCK của Khách hàng để thực hiện các khoản thanh toán này.
- Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán theo thông báo của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam vì bất kỳ lý do gì thì Khách hàng sẽ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty chứng khoán các khoản mà Công ty chứng khoán đã ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của Công ty chứng khoán.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

- Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK.
- Tự động khấu trừ toàn bộ số tiền ứng trước, phí ứng trước từ TKGDCK của Khách hàng khi tiền bán chứng khoán về tài khoản của Khách hàng mà không cần có ý kiến chấp thuận của Khách hàng.
- Công ty chứng khoán có quyền đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu Công ty chứng khoán xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho Công ty chứng khoán hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của Công ty chứng khoán.

Điều 5. Cam kết chung

Các bên thống nhất rằng, tùy từng thời kỳ và trường hợp cụ thể theo quy định của Công ty chứng khoán, việc dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán có thể thực hiện qua nguồn của Công ty chứng khoán hoặc bên thứ ba. Do vậy khi ứng qua nguồn của bên thứ ba, ngoài việc tuân thủ bản Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK này, Khách hàng phải tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc ứng trước tiền bán chứng khoán.

Điều 6. Hiệu lực

Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hai bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc cùng chấm dứt dịch vụ;
- Khi Khách hàng vi phạm tại Điều 2 và Điều 3 và không sửa chữa vi phạm trong thời hạn Công ty chứng khoán thông báo;
- Do quy định của pháp luật hiện hành hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- Khi Công ty chứng khoán dừng cung cấp dịch vụ này;

Không bị ảnh hưởng bởi việc Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK chấm dứt trước thời hạn, tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán theo Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn thành khi Khách hàng thực hiện tất cả các nghĩa vụ đó với Công ty chứng khoán.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ CHỨNG KHOÁN

Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch ký quỹ chứng khoán sau đây được áp dụng cho tất cả các TKGDCK mở tại Công ty chứng khoán. Khi sử dụng dịch vụ do Công ty chứng khoán cung cấp, Khách hàng thừa nhận rằng Khách hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ, đồng ý tuân thủ và chịu sự ràng buộc của Các Điều khoản và Điều kiện được nêu dưới đây và đồng ý chịu ràng buộc bởi các Điều khoản và Điều kiện này, và bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào của Các Điều khoản và Điều kiện này được Công ty chứng khoán thực hiện tại từng thời điểm. Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK, cùng với các yêu cầu giao dịch ký quỹ chứng khoán của Khách hàng và các quy định liên quan khác do Công ty chứng khoán ban hành trong từng thời kỳ tạo thành Hợp đồng giữa Công ty chứng khoán và Khách hàng về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Các Điều khoản và Điều kiện này, các từ ngữ sau được hiểu theo nghĩa thống nhất như sau:

- "Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK" là các điều kiện và điều khoản về giao dịch ký quỹ chứng khoán này và cũng đồng thời được coi là hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ.
- "Danh mục chứng khoán ký quỹ - DMKQ" là danh mục các mã chứng khoán được giao dịch ký quỹ, tỉ lệ ký quỹ, tỉ lệ cho vay được quy định bởi Công ty chứng khoán trong từng thời kỳ.
- "Tài sản quy đổi": là tổng giá trị số lượng chứng khoán quy đổi theo giá cho vay và tỉ lệ cho vay do TCBS quy định từng thời kỳ.
- "Tỷ lệ ký quỹ" là tỷ lệ giữa Tài sản quy đổi trên tổng dư nợ vay.
- "Tỷ lệ ký quỹ ban đầu" là tỷ lệ giữa Tài sản quy đổi (trước khi thực hiện giao dịch) so với tổng dư nợ vay (dự kiến thực hiện).
- "Tỷ lệ ký quỹ duy trì" - MR: là tỷ lệ tối thiểu giữa Tài sản quy đổi so với tổng dư nợ vay trên TKGDCK.
- "Tài sản bảo đảm - TSBĐ" là toàn bộ tài sản có trong TKGDCK của Khách hàng, bao gồm: tiền mặt hiện có, tiền bán chứng khoán đang chờ về, chứng khoán hiện có hoặc đang chờ về được tính theo tỉ lệ do Công ty chứng khoán quy định trong từng thời kỳ, trừ đi tất cả các nghĩa vụ tài chính của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán.
- "Dư nợ ký quỹ" là tổng số tiền (bao gồm gốc, lãi) mà Khách hàng nợ Công ty chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ mua chứng khoán, thể hiện bằng số dư nợ vay trên TKGDCK của Khách hàng.

- 1.9. "Hạn mức – HM" là số tiền cho vay tối đa đối với từng Khách hàng do Công ty chứng khoán quy định trong từng thời kỳ/thời điểm và được áp dụng đối với mỗi Khách hàng khác nhau.
- 1.10. "Số mua – BP" là số tiền mà Khách hàng được phép mua chứng khoán trong ngày do Công ty chứng khoán tính toán và xác định.
- 1.11. "Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung – CM" là lệnh của Công ty chứng khoán gửi đến Khách hàng vào bất kỳ thời điểm nào khi tài sản của Khách hàng sụt giảm do bất kỳ lý do gì hoặc do lệnh mua vượt giá trị được phép vay theo mô hình Giao dịch ký quỹ, theo đó, Khách hàng phải ký quỹ thêm tiền hoặc ký quỹ thêm chứng khoán được phép vay tương đương với số tiền gọi nộp hoặc bán bớt chứng khoán để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ duy trì. Công ty chứng khoán tiến hành bán TSDB trên TKGDQK của Khách hàng khi Khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung. Lệnh gọi ký quỹ bổ sung có thể được thể hiện bằng một trong các hình thức sau: Tin nhắn SMS, email, điện thoại, viber hoặc các phương tiện khác.

1.12. "Lãi vay" là số tiền lãi được cộng dồn theo số ngày vay tính trên số tiền mà Khách hàng đã vay Công ty chứng khoán.

Điều 2. Tài khoản Giao dịch ký quỹ

- 2.1. Ngay sau khi mở TKGDQK của Khách hàng, Công ty chứng khoán sẽ cam kết thay mặt Khách hàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đối với các giao dịch chứng khoán do Khách hàng thực hiện và được Công ty chứng khoán chấp thuận phù hợp với các điều khoản và điều kiện về GDKQCK này. Khách hàng tại đây đồng ý và ủy quyền Công ty chứng khoán thay mặt Khách hàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán này.
- 2.2. Khách hàng được Công ty chứng khoán cấp HM cho TKGDQK để thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán theo đúng các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng HM được cấp theo đúng quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này và quy định pháp luật hiện hành liên quan.
- 2.3. Công ty chứng khoán có quyền đơn phương thay đổi HM cung cấp cho Khách hàng bằng cách thông báo cho Khách hàng. Phương thức thông báo do Công ty chứng khoán toàn quyền quyết định.
- 2.4. Liên quan đến việc quản lý TKGDQK, Khách hàng ủy quyền cho Công ty chứng khoán thực hiện các công việc sau:
- Thay mặt Khách hàng rút tiền/chuyển khoản tiền để thanh toán nợ cho Công ty chứng khoán khi Khách hàng còn dư nợ;
 - Thay mặt Khách hàng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với Công ty chứng khoán theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK, theo các tài liệu khác đã ký giữa Công ty chứng khoán và Khách hàng và quy định của pháp luật hiện hành;
 - Thay mặt Khách hàng trích nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật, giữ lại chứng khoán/tiền của Khách hàng để thực hiện việc bảo đảm nộp thuế;
 - Cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản theo quy định của pháp luật.
- Nội dung ủy quyền nêu trên không được hủy ngang cho đến khi Khách hàng hoàn tất nghĩa vụ tài chính cho Công ty chứng khoán và chính thức thanh lý Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này với Công ty chứng khoán.

Điều 3. Các điều kiện và điều khoản để được phép thực hiện Giao dịch ký quỹ

Khách hàng được phép thực hiện Giao dịch ký quỹ khi đáp ứng các điều kiện, điều khoản sau đây:

- 3.1. Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán ký quỹ, đáp ứng các quy định về vay và nhận TSDB của Công ty chứng khoán trong từng thời kỳ/thời điểm.
- 3.2. Không thuộc các trường hợp chấm dứt, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 3.3. Có khả năng tài chính bảo đảm trả nợ vay thuộc HM một cách đúng hạn và đúng cam kết.
- 3.4. Chứng khoán mà Khách hàng mua nằm trong DMKQ và trong hạn mức của Công ty chứng khoán. Danh mục này có thể thay đổi tại từng thời kỳ/thời điểm theo quyết định đơn phương của Công ty chứng khoán.
- 3.5. Khách hàng chỉ được đặt lệnh với giá trị nhỏ hơn hoặc bằng BP đã được xác định tại thời điểm đặt lệnh đối với từng mã chứng khoán.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay và giải ngân, nguyên tắc rút tiền/chứng khoán

4.1. Các nguyên tắc cho vay và giải ngân khi mua chứng khoán ký quỹ:

- Số tiền cho vay: Số tiền cho vay được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị chứng khoán khớp lệnh bao gồm phí giao dịch và các khoản chi phí khác (nếu có) và số tiền có trên TKGDQK của Khách hàng. Kết quả khớp lệnh mua chứng khoán của Khách hàng (trường hợp TKGDQK của Khách hàng không đủ số dư tiền thanh toán cho tổng giá trị lệnh mua đã khớp) được xem là đề nghị vay vốn của Khách hàng và số tiền giải ngân thực tế của Công ty chứng khoán là căn cứ nhận nợ của Khách hàng.
- Khách hàng có thể được cho vay trong phạm vi hạn mức quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK một hoặc nhiều lần để thực hiện các giao dịch mua/bán chứng khoán của Khách hàng. Trong HM, Khách hàng có thể trả nợ vay và tiếp tục vay lại, nhưng tổng Dư nợ ký quỹ tại mọi thời điểm không vượt quá giá trị HM theo thông báo của Công ty chứng khoán từng thời kỳ tới Khách hàng và theo quy định về HM nêu tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- Cách thức giải ngân: Căn cứ vào kết quả giao dịch ngày T+0 của Khách hàng trên TKGDQK, vào ngày giải ngân theo qui định từng thời kỳ, Công ty chứng khoán sẽ giải ngân số tiền Khách hàng còn thiếu để thanh toán cho số tiền phát sinh mua chứng khoán ký quỹ.
- Trong thời hạn hiệu lực của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK, Khách hàng ủy quyền và yêu cầu Công ty chứng khoán tự động giải ngân tiền vay theo nguyên tắc dưới đây:
 - Căn cứ vào yêu cầu Mua chứng khoán của Khách hàng ghi trên Phiếu lệnh mua chứng khoán giao dịch ký quỹ và/hoặc thông qua các phương tiện giao dịch điện tử khác mà Công ty chứng khoán chấp nhận và giao dịch thành công, Công ty chứng khoán chuyển tiền giải ngân vào TKGDQK của Khách hàng;
 - Khách hàng đồng ý nhận nợ vay các khoản được giải ngân theo quy định trên đây và Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền Công ty chứng khoán đã giải ngân cho Công ty chứng khoán theo quy định tại Điều này.
 - Mỗi yêu cầu vay của Khách hàng để thực hiện một giao dịch ký quỹ mà được Công ty chứng khoán chấp thuận giải ngân là một khoản vay độc lập.
- Khách hàng tuân thủ đúng quy định của Công ty chứng khoán về bảo đảm khoản vay/các tỷ lệ ký quỹ quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.

4.2. Nguyên tắc khi Khách hàng rút tiền/chứng khoán:

Khách hàng chỉ được rút tiền trên TKGDQK sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ với Công ty chứng khoán hoặc khi trên TKGDQK có tiền hoặc/và chứng khoán và sau khi rút vẫn phải bảo đảm tỷ lệ ký quỹ ban đầu và bảo đảm các quy định của Công ty chứng khoán từng thời kỳ. Khách hàng tại đây cam kết đã hiểu, đồng ý và không có bất cứ khiếu nại, tranh chấp nào đối với Công ty chứng khoán về nguyên tắc, phương thức, thủ tục giải ngân và nhận nợ theo quy định tại Điều này.

Điều 5. Quy định về lãi suất; nguyên tắc thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản thuế, phí (nếu có)

5.1. Quy định về lãi suất:

Khách hàng phải trả tiền lãi cho Công ty chứng khoán theo lãi suất do Công ty chứng khoán thông báo theo từng thời kỳ và được niêm yết tại website hoặc các điểm giao dịch của Công ty chứng khoán, được tính trên dư nợ thực tế, lãi sẽ được tạm tính sau khi kết thúc ngày giao dịch và được cộng dồn. Lãi vay được tính từ thời điểm Công ty chứng khoán giải ngân thanh toán giao dịch ký quỹ cho Khách hàng tới khi Khách hàng thực hiện tất toán khoản vay.

Lãi suất cho vay có thể được điều chỉnh theo quyết định đơn phương của Công ty chứng khoán phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty chứng khoán và quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Khách hàng đồng ý với phương thức thay đổi lãi suất này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào đối với Công ty chứng khoán.

5.2. Nguyên tắc thu nợ gốc và lãi vay:

- Thu hồi nợ gốc và lãi khi trên TKGDQK có tiền mặt: khi trên TKGDQK có tiền mặt (do Khách hàng nộp tiền, tiền bán chứng khoán về, ứng trước tiền bán, cổ tức bằng tiền các lợi ích tài chính khác được chi trả bằng tiền mặt, các trường hợp khác làm phát sinh tiền mặt trên TKGDQK của Khách hàng...) Công ty chứng khoán sẽ tự động thu lại gốc và lãi vay mà khách hàng còn nợ Công ty chứng khoán theo nguyên tắc thu hết lãi của món vay sau đó mới thu gốc.
- Thu hồi nợ trong các trường hợp các khoản vay đến hạn: Khách hàng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ gốc và lãi của khoản tiền vay tại ngày hết hạn của khoản vay.
- Thu hồi nợ trong trường hợp phải xử lý TSDB: theo quy định tại Điều 8 của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- Nếu ngày trả nợ gốc và/hoặc lãi trùng với ngày nghỉ (theo quy định chung của pháp luật hoặc ngày nghỉ khác của Công ty chứng khoán) thì ngày trả nợ được tính là ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ, và lãi được tính đến ngày Khách hàng thực tế trả nợ.

5.3. Quy định về thu thuế, phí (nếu có):

Khách hàng có trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của Công ty chứng khoán và cơ quan có thẩm quyền trong từng thời kỳ.

5.4. Chuyển nợ quá hạn:

- Công ty chứng khoán sẽ chuyển khoản nợ gốc không thanh toán đúng hạn thành Nợ quá hạn khi Khách hàng:
 - Không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này; hoặc
 - Không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn quy định bởi Công ty chứng khoán khi được yêu cầu trả nợ trước hạn.
- Khi bị chuyển thành Nợ quá hạn thì sẽ áp dụng lãi suất quá hạn tại thời điểm chuyển quá hạn theo quy định của Công ty chứng khoán.
- Thời điểm chuyển quá hạn là ngày liền sau một (01) ngày làm việc đến hạn thanh toán nợ gốc hoặc ngày Khách hàng phải thanh toán khi được yêu cầu trả nợ trước hạn của Công ty chứng khoán mà Khách hàng không thực hiện thanh toán.

Điều 6. Thời hạn của các khoản vay

6.1. Thời hạn của các khoản vay trong hạn mức được quy định theo chính sách sản phẩm giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán tại từng thời kỳ và được và được niêm yết tại website hoặc các điểm giao dịch của Công ty chứng khoán.

6.2. Công ty chứng khoán có quyền (không phải là nghĩa vụ) xem xét tiếp tục gia hạn cho các khoản vay trong hạn mức trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của khách hàng và phù hợp với Chính sách của Công ty chứng khoán tại từng thời kỳ.

Điều 7. Lệnh gọi ký quỹ bổ sung

7.1. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty chứng khoán sẽ phát hành Lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi đến Khách hàng. Khách hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản thế chấp trong thời hạn theo yêu cầu của Công ty chứng khoán.

7.2. Kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu ký quỹ bổ sung, Khách hàng phải thực hiện bổ sung tài sản thế chấp để tối thiểu bảo đảm tỷ lệ ký quỹ duy trì. Việc bổ sung tài sản thế chấp được thực hiện dưới hình thức sau:

- Bổ sung tài sản thế chấp bằng Nộp tiền.
- Bổ sung tài sản bảo đảm bằng chứng khoán trong DMKQ.

Điều 8. Tài sản bảo đảm và xử lý Tài sản bảo đảm

- 8.1. Khi sử dụng dịch vụ ký quỹ chứng khoán, Khách hàng đã mặc nhiên thế chấp toàn bộ tài sản có trong TKGDQK của Khách hàng, bao gồm: tiền mặt hiện có, tiền bán chứng khoán đang chờ về, chứng khoán hiện có hoặc đang chờ về để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán. Nghĩa vụ thanh toán được quy định trong Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này bao gồm và không giới hạn trong nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả các chi phí khác cũng như các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán trong trường hợp Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu của Khách hàng với Công ty chứng khoán.
- 8.2. Công ty chứng khoán và/hoặc bên thứ ba do Công ty chứng khoán ủy quyền có quyền tính toán, đánh giá và xác định lại giá trị của tài sản bảo đảm này theo giá thị trường như quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này. Khách hàng đồng ý với việc tính toán, đánh giá và xác định lại này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào với Công ty chứng khoán về vấn đề này.
- 8.3. Thời hạn bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán tại Điều 8.1: tính từ khi khách hàng sử dụng dịch vụ ký quỹ chứng khoán cho đến khi Khách hàng hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi, phí, phạt... và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 8.4. Phong tỏa tài sản bảo đảm
- Khách hàng chấp nhận và Công ty chứng khoán đồng ý phong tỏa toàn bộ tài sản bảo đảm của khách hàng tại TKGDQK kể từ ngày sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ.
 - Trong thời hạn bảo đảm nghĩa vụ thanh toán, Khách hàng có thể bán một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm để mua chứng khoán khác với điều kiện số tiền về tài khoản của Khách hàng sẽ phải trả các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty chứng khoán trước.
 - Trong trường hợp Khách hàng đã hoàn thành toàn bộ và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, Công ty chứng khoán sẽ giải tỏa tài sản bảo đảm.
- 8.5. Xử lý tài sản bảo đảm:
- Công ty chứng khoán có quyền xử lý Tài sản bảo đảm của Khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
- Khi đến hạn mà Khách hàng thực hiện không đúng/đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty chứng khoán.
 - Khi Công ty chứng khoán thông báo ký quỹ bổ sung mà khách hàng không thực hiện ký quỹ thêm tiền/ chứng khoán và/hoặc ký quỹ không đủ và/hoặc trả bớt nợ trong thời gian quy định của Công ty chứng khoán.
 - Khách hàng vi phạm các cam kết khác nêu tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
 - Pháp luật quy định TSDB phải được xử lý để thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn hoặc theo các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.
- 8.6. Phương thức xử lý tài sản bảo đảm:
- Ngay khi phát sinh các sự kiện tại Điều 8.5 này, Công ty chứng khoán có toàn quyền trong việc xử lý tài sản bảo đảm, bao gồm nhưng không hạn chế bởi việc quyết định giá bán, phương thức và thời điểm. Khách hàng theo đây cam kết từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp với Công ty chứng khoán liên quan đến vấn đề xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện bởi Công ty chứng khoán hoặc bên thứ ba do Công ty chứng khoán ủy quyền.
 - Khách hàng đồng ý và chấp nhận thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm.
 - Sau khi xử lý TSDB, số tiền thu được sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản phí, chi phí và các khoản thuế liên quan (nếu có) trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm, trả các khoản nợ mà Khách hàng phải trả cho Công ty chứng khoán, gồm cả nợ gốc, lãi, phí, chi phí, nghĩa vụ thuế liên quan đến xử lý TSDB, tiền phạt và tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này; nếu còn dư thì Công ty chứng khoán sẽ hoàn trả lại cho Khách hàng phần tiền còn dư này nếu còn thiếu thì Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Công ty chứng khoán cho đến khi thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính còn tồn đọng cho Công ty chứng khoán.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- 9.1. Nghĩa vụ của Khách hàng
- Cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì khó khăn trở ngại trong trường hợp Công ty chứng khoán phải xử lý TSDB.
 - Nhận nợ vô điều kiện và cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với các khoản tiền vay được Công ty chứng khoán tự động giải ngân trên TKGDQK (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán cho các giao dịch đã thành công tại Công ty chứng khoán.
 - Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung TSDB, trả bớt nợ vay, chủ động hoặc yêu cầu Công ty chứng khoán xử lý một phần hoặc toàn bộ TSDB để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ duy trì.
 - Trong thời gian cầm cố TSDB, không được phép chuyển nhượng, không được cầm cố TSDB cho bên thứ ba, không chuyển giao, không cho tặng chứng khoán, không thực hiện bất cứ quyền nào phát sinh từ TSDB không đúng với các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, không xâm phạm đến TSDB hoặc sử dụng biện pháp khác để rút tiền/chuyển chứng khoán từ TSDB không đúng với các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
 - Thanh toán phí, chi phí, các khoản thuế liên quan tới việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa TSDB, xử lý TSDB, mở, sử dụng và quản lý TKGDQK
 - Bổ sung TSDB theo quy định của Công ty chứng khoán trong trường hợp TSDB của Khách hàng bị giảm sút giá trị theo đánh giá của Công ty chứng khoán.
 - Trả nợ (gốc và lãi), phí, chi phí, các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn cho Công ty chứng khoán. Trường hợp không trả nợ gốc, lãi vay và phí, chi phí đúng hạn, Khách hàng phải trả lãi cho số tiền chậm thanh toán theo tỷ lệ phạt chậm trả được Công ty chứng khoán quy định trong từng thời kỳ;
 - Cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản khác của Khách hàng để trả đủ nợ gốc và tiền lãi vay, phí, chi phí và các khoản nợ đến hạn khác (nếu có) cho Công ty chứng khoán; đồng thời đồng ý để Công ty chứng khoán tự động phong tỏa tài khoản và trích tài khoản của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán để trích tiền thu hồi các khoản nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại cho Công ty chứng khoán;
 - Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 - Tự chịu trách nhiệm công bố thông tin nếu giao dịch mua bán chứng khoán trên TKGDQK của Khách hàng nằm trong diện phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
 - Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 9.2. Quyền của Khách hàng
- Khách hàng chỉ được rút tiền trên TKGDQK sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ với Công ty chứng khoán hoặc khi trên TKGDQK có tiền và sau khi rút vẫn phải bảo đảm tỷ lệ ký quỹ ban đầu và bảo đảm các quy định của Công ty chứng khoán từng thời kỳ.
 - Có quyền được nhận các thông báo về việc thay đổi chính sách của Công ty chứng khoán liên quan tới Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK theo phương thức do Công ty chứng khoán quyết định.
 - Chấm dứt Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK trước thời hạn với điều kiện đã thanh toán mọi khoản nợ cho Công ty chứng khoán.
 - Khiếu nại, khởi kiện Công ty chứng khoán nếu vi phạm quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

- 10.1. Quyền của Công ty chứng khoán
- 10.1.1. Từ chối giải ngân nếu Khách hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSDB, các tỷ lệ ký quỹ và/hoặc các điều kiện khác theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.2. Từ chối giải ngân và không cho phép giao dịch mua chứng khoán kể cả bằng tiền mặt đối với một số trường hợp sau đây theo quy định của UBCKNN khi:
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán;
 - Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán đối với một khách hàng vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán;
 - Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán;
 - Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.
- Trường hợp có sự thay đổi trong quy định của pháp luật về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, các quy định tại Điều này cũng sẽ được tự động sửa đổi tương ứng và Công ty chứng khoán chỉ giải ngân cho Khách hàng vay khi Công ty chứng khoán đáp ứng được các yêu cầu này.
- 10.1.3. Từ chối giải ngân trong trường hợp nằm ngoài khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty chứng khoán.
- 10.1.4. Đơn phương xác định lại, điều chỉnh và chấm dứt HM, BP đã cấp cho Khách hàng.
- 10.1.5. Đơn phương thay đổi mức lãi suất cho vay, thay đổi cách tính lãi quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.6. Đơn phương xác định lại, thay đổi các tỷ lệ cho vay đối với bất kỳ mã chứng khoán nào thuộc DMKQ.
- 10.1.7. Đơn phương thay đổi, quyết định các tỷ lệ liên quan tới quản lý, xử lý TSDB của Khách hàng, ngày xử lý TSDB... quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.8. Tự động ghi nợ, ghi có, chuyển khoản, nộp/trích/rút/chuyển khoản tiền đối với các tài khoản của Khách hàng tại Công ty chứng khoán trong trường hợp chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua/bán, thanh toán phí, thuế và các nghĩa vụ thanh toán khác của Khách hàng tại Công ty chứng khoán để thực hiện các giao dịch theo Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.9. Thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng và/hoặc các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.10. Cung cấp thông tin liên quan đến các tài khoản của Khách hàng theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 10.1.11. Khi các khoản vay của Khách hàng đến hạn trả nợ hoặc phải trả nợ trước hạn theo các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, Công ty chứng khoán được quyền tự động trích tài khoản của Khách hàng tại Công ty chứng khoán (bao gồm TKGDQK và TKGDCK thường của Khách hàng) để bảo đảm các nghĩa vụ thanh toán đó.
- 10.1.12. Được quyền xử lý TSDB theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này khi yêu cầu Khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc đến thời hạn được Công ty chứng khoán yêu cầu trả nợ trước hạn mà Khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Công ty chứng khoán.
- 10.1.13. Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho Bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này bao gồm và không giới hạn quyền đòi các khoản nợ gốc, thụ hưởng tiền lãi phát sinh, nợ quá hạn, nợ lãi quá hạn và chi phí khác (nếu có). Trong trường hợp này, Công ty chứng khoán có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng bằng văn bản.
- 10.1.14. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.2. Nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

- 10.2.1. Giải ngân cho Khách hàng các khoản nằm trong HM khi Khách hàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSDB và các tỷ lệ báo đảm theo đúng quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.2.2. Thông báo cho Khách hàng các thay đổi về danh mục ký quỹ, các tỷ lệ liên quan tới xử lý, quản lý TSDB,... quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, các tài liệu đi kèm và phát sinh (nếu có) theo phương thức do Công ty chứng khoán quyết định;
- 10.2.3. Thực hiện đúng quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, các tài liệu đi kèm và phát sinh (nếu có).
- 10.2.4. Thực hiện lưu trữ hồ sơ Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 11. Cam kết của Khách hàng

- 11.1. Khách hàng đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận các quy định về giao dịch ký quỹ quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này và tại đây cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào về các nguyên tắc, điều kiện, điều khoản, thủ tục giải ngân, nhận nợ, xử lý TSDB, công bố thông tin... với Công ty chứng khoán theo các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 11.2. Khách hàng có đầy đủ năng lực dân sự và thẩm quyền để sử dụng GDKQCK này và tuân thủ các nghĩa vụ được quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 11.3. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và người được ủy quyền hợp pháp của Khách hàng thì Khách hàng và cam kết và báo đảm không yêu cầu Công ty chứng khoán phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu Công ty chứng khoán phải tham gia theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Khách hàng cam kết chịu các phí tổn của Công ty chứng khoán để tham gia.
- 11.4. Khách hàng/người được ủy quyền hợp pháp có trách nhiệm tự mình kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền (bao gồm cả số tiền mà Công ty chứng khoán đã giải ngân cho Khách hàng vay theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này) và chứng khoán trên TKGDQK của Khách hàng. Mọi yêu cầu, thắc mắc của Khách hàng liên quan đến TKGDQK cũng như dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sai sót, gian lận, giao dịch trái thẩm quyền hoặc bất kỳ sự phân đối nào của Khách hàng, phải được gửi đến Công ty chứng khoán trong vòng 03 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch trên TKGDQK của Khách hàng. Sau thời hạn trên, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận tình trạng giao dịch, số dư tiền và chứng khoán trên TKGDQK của mình, và theo đó Công ty chứng khoán được giải phóng khỏi mọi nghĩa vụ đối với bất kỳ giao dịch nào được xác lập trên tài khoản của Khách hàng trừ các giao dịch mà Khách hàng đã thông báo theo đúng quy định tại điều này và đã được xác minh là có sai sót hoặc gian lận hoặc là giao dịch trái thẩm quyền.

Điều 12. Vi phạm Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK

Trường hợp Khách hàng vi phạm bất kỳ quy định nào tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, Công ty chứng khoán có quyền chấm dứt ngay việc cung cấp dịch vụ này. Tuy nhiên, Công ty chứng khoán có thể tùy quyết định của riêng mình lựa chọn phương án gửi thông báo cho Khách hàng về thời hạn thực hiện sửa chữa vi phạm. Thời hạn yêu cầu sửa chữa vi phạm quy định tại Điều này có thể được gia hạn tùy theo quyết định của Công ty chứng khoán.

Điều 13. Hiệu lực Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK

- 13.1. Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này đồng thời được coi là hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên TKGDQK.
- 13.2. Hiệu lực Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này chấm dứt trong các trường hợp sau:
- 13.2.1. Hai bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc ngừng chấm dứt dịch vụ;
- 13.2.2. Khi xảy ra vi phạm tại Điều 12 hoặc Khách hàng không sửa chữa vi phạm trong thời hạn thông báo;
- 13.2.3. Do quy định của pháp luật hiện hành hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- 13.2.4. Công ty chứng khoán ngừng cung cấp dịch vụ cho vay để mua chứng khoán ký quỹ.
- 13.2.5. Khách hàng yêu cầu hủy việc sử dụng dịch vụ theo Điều 11.3 dưới đây.

Khi Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK chấm dứt, mọi khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán sẽ tự động đến hạn vào thời điểm chấm dứt, bao gồm nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí và nghĩa vụ khác của các khoản vay của Khách hàng với Công ty chứng khoán. Khi xảy ra các trường hợp nêu tại Điều 13.2 (b), (c) và (d) Công ty chứng khoán có quyền chủ động chấm dứt cung cấp dịch vụ và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Khách hàng. Công ty chứng khoán có thể tùy quyết định của riêng mình lựa chọn phương án gửi thông báo thông qua một trong các hình thức thông báo do Công ty chứng khoán tự lựa chọn về việc chấm dứt cung cấp dịch vụ nếu Công ty chứng khoán cho rằng việc thông báo là cần thiết. Không bị ảnh hưởng bởi việc Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK chấm dứt trước thời hạn, tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán theo Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn thành khi Khách hàng thực hiện tất cả các nghĩa vụ do với Công ty chứng khoán.

- 13.3. Công ty chứng khoán có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ bất kỳ quy định nào của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này tại từng thời điểm mà Công ty chứng khoán cho là phù hợp và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận các sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó với điều kiện là Công ty chứng khoán sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó cho Khách hàng thông qua một trong các phương thức do Công ty chứng khoán lựa chọn như: (i) gửi văn bản; hoặc (ii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iii) email; hoặc (iv) SMS; hoặc (v) công bố trên website của Công ty chứng khoán, trước khi những thay đổi hoặc bổ sung đó có hiệu lực. Việc sử dụng dịch vụ sau ngày mà các sửa đổi này có hiệu lực (theo thông báo của Công ty chứng khoán) sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của Khách hàng đối với các sửa đổi đó.

Nếu không đồng ý với các điều chỉnh của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK, Khách hàng có quyền yêu cầu chấm dứt Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này bằng việc gửi giấy đề nghị hủy sử dụng dịch vụ. Công ty chứng khoán sẽ chấm dứt việc sử dụng Dịch vụ của Khách hàng kể từ ngày nhận được giấy đề nghị hủy sử dụng Dịch vụ bằng văn bản của Khách hàng.

Điều 14. Thông báo, luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

- 14.1. Thông báo:

Tất cả thông báo và tài liệu giao dịch giữa các Bên được gửi theo một hoặc tất cả các phương thức liên lạc đã đăng ký và được xem như đã được giao và nhận khi:

- a) Chuyển giao trực tiếp và có ký nhận bên nhận/hoặc bộ phận hành chính văn thư của bên nhận;
- b) Nếu gửi bằng đường bưu điện, theo dịch vụ chuyển phát thường thì ngày giao nhận là ngày làm việc thứ tư kể từ ngày gửi theo dấu xác nhận của bưu điện nơi gửi; nếu bằng dịch vụ báo đảm/chuyển phát nhanh, ngày giao nhận là ngày bên cung cấp dịch vụ chuyển phát đã giao tài liệu cho bên nhận;
- c) Trong trường hợp gửi fax, telex trong giờ làm việc đến địa chỉ giao dịch nếu có hồi báo hoặc có giấy xác nhận đã chuyển xong bản fax hoặc telex;
- d) Tại thời điểm thư điện tử được gửi đi (nếu gửi bằng email);
- e) Tại thời điểm thông báo được cập nhật lên Website của Công ty chứng khoán (nếu thông báo qua Website).
- f) Tại thời điểm thông báo bằng điện thoại hoặc bằng tin nhắn SMS được thực hiện. Việc thông báo bằng điện thoại, tin nhắn SMS cũng được coi là hợp lệ nếu các bên có đầy đủ bằng chứng về việc ghi âm, lưu giữ các cuộc điện thoại và tin nhắn.

Trong mọi trường hợp, một trong các bên không chịu trách nhiệm nếu vi bất cứ lý do chủ quan hay khách quan nào mà bên kia không nhận được thông báo, với điều kiện chứng minh và lưu giữ được bằng chứng về việc đã thông báo như quy định trên đây. Các Bên có thể thay đổi địa chỉ cho mục đích của Điều này bằng các thông báo bằng văn bản cho Bên kia.

- 14.2. Trong quá trình thực hiện Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, nếu phát sinh bất kỳ khó khăn, trở ngại nào, Hai Bên thống nhất sẽ thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm biện pháp giải quyết khác phục. Trường hợp một trong hai bên có lỗi gây thiệt hại cho Bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Mọi tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này sẽ được giải quyết trên cơ sở hòa giải. Trong trường hợp không giải quyết được bằng con đường thương lượng, hòa giải, một trong Hai Bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 14.3. Nếu bất kỳ điều, khoản quy mô nào của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này bị mất hiệu lực, không hợp lệ hoặc không thể thực thi theo bất kỳ quy định nào của pháp luật, hay quyết định, bản án có hiệu lực của tòa án có thẩm quyền hay cơ quan có thẩm quyền khác, thì tất cả các điều khoản khác của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này vẫn giữ nguyên hiệu lực. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xác định rằng bất kỳ điều, khoản hay mục nào bị mất hiệu lực, không hợp lệ hoặc không thể thực thi, Các Bên sẽ thỏa thuận để thay thế điều khoản mất hiệu lực, không hợp lệ hoặc không thể thực thi đó bằng một điều khoản có hiệu lực, hợp lệ và có thể thực thi để thực hiện càng gần mục tiêu ban đầu của Các Bên càng tốt và để các giao dịch quy định trong Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này được hoàn thành gắn với mục tiêu xác định ở phạm vi cao nhất có thể. Các bên tại đây cũng đồng ý rằng, việc Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này hoặc bất kỳ điều, khoản hay mục nào của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này bị vô hiệu không được coi là lý do để miễn trừ nghĩa vụ của một bên với bên kia. Các bên tự chịu trách nhiệm về các bất lợi và thiệt hại phát sinh nếu Hợp đồng bị vô hiệu theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

Điều 1. Cam kết của Nhà đầu tư

- 1.1. Bằng việc ký vào Hợp đồng mở tài khoản (kiểm Phiếu đăng ký giao dịch chứng chỉ Quỹ mở) này, Khách hàng đồng ý việc đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ để thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ mở do Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ Thương (TCC) quản lý. Khách hàng hiểu rằng việc đăng ký mở tài khoản của Khách hàng phụ thuộc vào việc xem xét và sự chấp thuận của Đại Lý Chuyển Nợ.
- 1.2. Khách hàng đăng ký mua Đơn Vị Quỹ của (các) Quỹ và xác nhận rằng đã nhận, đọc và hiểu (các) tài liệu liên quan cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ, và chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong Bản Cáo Bạch, Điều Lệ Quỹ và Phiếu đăng ký giao dịch chứng chỉ Quỹ mở này.
- 1.3. Khách hàng ở đây xác nhận rằng Khách hàng nhận thức được rằng giá trị của Đơn Vị Quỹ có thể tăng hoặc giảm.
- 1.4. Khách hàng tuyên bố rằng Khách hàng trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực để tham gia vào giao dịch mua, nắm giữ và/hoặc liên quan đến Đơn Vị Quỹ.
- 1.5. Khách hàng tuyên bố và đồng ý rằng các lệnh liên quan đến Đơn Vị Quỹ của Khách hàng sau này sẽ được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ Thương (TCC) áp dụng cho các quỹ mở.
- 1.6. Khách hàng đồng ý rằng việc chấp nhận và xử lý đơn đăng ký (từ đơn đăng ký ban đầu), bán, và chuyển đổi nếu thực hiện theo chỉ định giao dịch bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ; Khách hàng đồng ý rằng TCC sẽ không phải chịu trách nhiệm cho việc thực hiện theo chỉ dẫn bằng fax hoặc hình thức điện tử khác và các tổn thất phát sinh.
- 1.7. Khách hàng đồng ý rằng dữ liệu của Khách hàng có thể được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền nếu luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu. Dữ liệu đó có thể được sử dụng cho mục đích quản trị tài khoản, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, xác minh về thuế khi cần thiết, cũng như để phát triển hoạt động bán hàng và tiếp thị cho các sản phẩm của TCC. Khách hàng đồng ý rằng dữ liệu có thể được chuyển cho các công ty do TCC chỉ định và/hoặc Đại Lý Chuyển Nợ để hỗ trợ các hoạt động có liên quan đến khâu đầu tư vào Đơn Vị Quỹ của Khách hàng.
- 1.8. Khách hàng ở đây ủy quyền cho Đại Lý Chuyển Nợ của quỹ mở của TCC tiết lộ các thông tin về tài khoản của Khách hàng (bao gồm cả sao kê tài khoản) cho Đại Lý Phân Phối của Khách hàng theo tên và địa chỉ được ghi trong đơn đăng ký của Khách hàng và không quy trách nhiệm cho TCC và Đại Lý Chuyển Nợ liên quan đến việc tiết lộ thông tin này.
- 1.9. Khách hàng đồng ý rằng TCC, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác có liên quan có quyền sử dụng, lưu giữ, tiết lộ, chuyển, soạn, kết hợp, lấy và trao đổi (bất kể trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam), các thông tin liên quan đến Khách hàng hoặc do Khách hàng cung cấp trực tiếp hay gián tiếp, với, từ hoặc kết hợp với bất kỳ bên

thứ ba nào mà TCC, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác xét thấy là cần thiết. Khách hàng cũng hiểu và đồng ý rằng bên thứ ba nhận thông tin đó có thể phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu luật áp dụng. Tất cả các thông tin sẽ được nỗ lực bảo vệ ở mức độ hợp lý tránh việc bị xâm nhập hoặc tiết lộ trái phép.

- 1.10. Khi thực đặt lệnh mua bán chứng chỉ quỹ trực tuyến, Khách hàng được hiểu là đã chấp thuận các điều khoản và điều kiện giao dịch đối với giao dịch trực tuyến như áp dụng đối với tài khoản giao dịch chứng khoán do Công ty chứng khoán (đồng thời giữ vai trò Đại Lý Phân Phối) công bố trong Điều khoản và điều kiện giao dịch chứng khoán.

Điều 2. Cam kết của Công ty THNN Quản lý Quỹ Kỹ Thuật

- 2.1. TCC cam kết tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
- 2.2. TCC cam kết thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quý ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư
- 2.3. TCC cam kết cung cấp miễn phí hoặc thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
- 2.4. TCC cam kết không đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
- 2.5. TCC cam kết không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
- 2.6. TCC cam kết thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quý một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
- 2.7. TCC cam kết cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quý cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
- 2.8. TCC đảm bảo mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.
- 2.9. TCC đồng ý tuân thủ các cam kết khác theo quy định của Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Giấy phép kinh doanh số: 40/UBCK-GP cấp ngày 21/10/2008

Tài khoản giao dịch quỹ mở số:

1 0 5 C

THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

Tên nhà đầu tư/ Tổ chức:
 Ngày sinh: Nơi sinh: Giới tính:
 Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:
 Nghề nghiệp: Chức vụ:
 Nơi công tác:
 Địa chỉ thường trú/Trụ sở:
 Địa chỉ liên hệ:
 Điện thoại/Di động: Email:

Số Tài khoản dùng để nhà đầu tư nhận tiền bán chứng chỉ quỹ và các khoản lợi nhuận, cổ tức (nếu có) là tài khoản đã đăng ký kèm theo tài khoản Phiếu đăng ký giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mở của khách hàng.

Hình thức đầu tư:

Thời gian thanh toán: Thời hạn đầu tư:

Bằng việc lựa chọn hình thức đầu tư Định kỳ, khách hàng đồng ý cho phép Đại lý phân phối tự động định kỳ đặt lệnh mua cùng loại chứng chỉ quỹ với số tiền mỗi lệnh mua bằng với số tiền đặt mua tại Phiếu đề nghị giao dịch chứng chỉ quỹ mở này.

- Ngày giao dịch sẽ là ngày giao dịch của chứng chỉ quỹ gần nhất sau ngày 15 hàng tháng (đối với hình thức thanh toán hàng tháng) hoặc sau ngày 15 của tháng đầu tiên trong kỳ (đối với hình thức thanh toán khác).

- Trong trường hợp đến ngày giao dịch của một kỳ nhưng trên tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của khách hàng không có đủ tiền, lệnh mua của kỳ đó sẽ được tự động hủy bỏ.

<input type="checkbox"/> LỆNH MUA		Ngày giao dịch:.....		
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

<input type="checkbox"/> LỆNH BÁN		Ngày giao dịch:.....		
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

<input type="checkbox"/> HỦY LỆNH MUA		<input type="checkbox"/> HỦY LỆNH BÁN		
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

<input type="checkbox"/> CHUYÊN ĐỔI QUỸ		Ngày giao dịch:.....		
---	--	----------------------	--	--

Từ quỹ: sang quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Giấy phép kinh doanh số: 40/UBCK-GP cấp ngày 21/10/2008

Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ

Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

Phương thức thanh toán Đầu tư định kỳ: Chỉ định Ngân hàng thanh toán tự động Khác:

THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Tên đại lý: Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)
Giấy phép kinh doanh số: 98/UBCK-GP cấp ngày 18/9/2008
Địa chỉ: Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 222 01039 Fax: (84-4) 222 01032
Website: www.tcbs.com.vn Email: cskh@tcbs.com.vn
Nhân viên phân phối:
Chứng chỉ hành nghề số:
Ngày cấp:
Điện thoại:
Email:

HƯỚNG DẪN CHUYÊN TIỀN

- Tên TK: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom**
Số TK: 90218569504 - Tên viết tắt: TCBF
- Tên TK: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom**
Số TK: 90218568704 - Tên viết tắt: TCEF
Mở tại: NH Standard Chartered Việt Nam -Hội sở chính
- Nội dung:**
Tên nhà đầu tư - Số TKGD CCQM - Tên viết tắt của Quỹ - Đại lý phân phối
Ví dụ: Nguyễn Văn An – 105C12345678 - TCBF - TCBS

DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Thời gian nhận lệnh	Kiểm soát viên

Nhà đầu tư
(ký, ghi rõ họ tên)

Nhân viên nhận lệnh
(ký, ghi rõ họ tên)

Nhân viên Đại lý Phân phối
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

LƯU Ý:

I. Trong trường hợp Nhà đầu tư bán lại chứng chỉ quỹ, thuế và phí sẽ được trừ vào số tiền thanh toán cho Nhà đầu tư như sau:

- Phí:
 - Phí mua lại: Theo biểu phí được thông báo theo từng thời kỳ. Biểu phí hiện tại như sau:

Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ	Phí mua lại (% giá trị lệnh bán)
Từ 0 đến dưới 12 tháng	1.0%
Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	0.5%
Từ 24 tháng trở lên	0%

- Phí chuyển tiền: Theo biểu phí của NH Standard Chartered Việt Nam.
- Thuế: Nhà đầu tư có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế có liên quan.
- II. Công ty Quản lý Quỹ có thể thực hiện một phần lệnh bán của nhà đầu tư khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
- Tổng giá trị của các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị của tất cả các lệnh mua (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ;

TECHCOM CAPITAL



PHIẾU ĐỀ NGHỊ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ
(Dành cho nhà đầu tư cá nhân trong nước)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương

Giấy phép kinh doanh số: 40/UBCK-GP cấp ngày 21/10/2008

2. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư tại một ngày giao dịch dẫn đến giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).
- III. Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ TCBF được công bố tại www.tcbs.com.vn/tcbf hoặc Quỹ TCEF được công bố tại www.tcbs.com.vn/tcef

Số:...../TĐTT /TCBS-TCC

PHIẾU YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN

Dành cho giao dịch chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở

Số tài khoản giao dịch:

1	0	5	C						
---	---	---	---	--	--	--	--	--	--

THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

Tên cá nhân/Tổ chức:..... Giới tính:.....
 Ngày sinh:.....
 Số CMND/Thẻ CCCD/ Mã số doanh nghiệp /Giấy CNĐKKD: Ngày cấp..... Nơi cấp:.....
 Email:..... Di động:.....
 Địa chỉ liên hệ:

ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI THÔNG TIN

Nội dung thay đổi		Trước khi thay đổi		Sau khi thay đổi	
Giao dịch không mang tính thương mại (dành cho Chứng chỉ Quỹ mở)		Chủ sở hữu trước đây/ Số tài khoản/ Tiểu tài khoản (tài khoản ký danh)	Số lượng	Chủ sở hữu mới/ Số tài khoản/ Tiểu khoản (*)	Số lượng
1	Cho, tặng, thừa kế				
2	Khác				

(*) Là người sở hữu Đơn vị Quỹ TCEF/TCBF Có Không

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin mới
<input type="checkbox"/> Tên cá nhân/Tổ chức (chữ in hoa)		
<input type="checkbox"/> Ngày sinh		
<input type="checkbox"/> CMND/Thẻ CCCD/ Mã số doanh nghiệp /Giấy CNĐKKD		
Số CMND/CCCD/Mã số doanh nghiệp/ĐKKD		
Ngày cấp		
Nơi cấp		
<input type="checkbox"/> Số điện thoại		
<input type="checkbox"/> Email		
<input type="checkbox"/> Địa chỉ thường trú		
<input type="checkbox"/> Địa chỉ liên hệ		
<input type="checkbox"/> Tài khoản ngân hàng thụ hưởng		
Tên chủ tài khoản		
Số tài khoản		
Tại ngân hàng		
Chi nhánh – Tỉnh/TP		
<input type="checkbox"/> Tài khoản thụ hưởng Chứng chỉ Quỹ mở		
Tên chủ tài khoản		
Số tài khoản		
<input type="checkbox"/> Chính sách cổ tức (Chứng chỉ Quỹ mở)		
<input type="checkbox"/> Chữ ký		

<input type="checkbox"/> Mẫu dấu		
<input type="checkbox"/> Khác		

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ và chính xác của nội dung Giấy thông báo này và tài liệu kèm theo.

Thời gian nhận yêu cầu

KHÁCH HÀNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

NHÂN VIÊN XÁC THỰC
(Ký và ghi rõ họ tên)

NHÂN VIÊN NHẬN LỆNH
(Ký và ghi rõ họ tên)

CTY TNHH CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CTY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH

(áp dụng cho cá nhân)

Securities Trading Code Application Form for Foreign Individual Investors to Invest in Vietnam's Securities Markets

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

To: VietNam Securities Depository

1. Họ và Tên: Name:		Giới tính: Sex:	
2. Ngày sinh: Date of birth:		Nơi sinh: Place of birth:	
3. Quốc tịch: Nationality:			
4. Địa chỉ thường trú: Permanent address:			
5. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài: Oversea's residential address:			
6. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có): Residential address in Vietnam (if any):		Tel/Fax: Tel/Fax:	
7. Số an sinh xã hội: ID card/ or Social security Number (If any)			
Nơi cấp: Place of issue		Ngày cấp: Date of issue:	
8. Số Hộ chiếu: Passport number:		Ngày cấp: Date of issues:	
Nơi cấp: Place of issue:		Thời hạn: Expiry date:	
9. Công ty chứng khoán tại Việt Nam, Đại diện của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có) Broker firms in Vietnam/ Trade Representative/ Agent (if any):			
Tên Name		Số Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Số Giấy phép thành lập và hoạt động/ Number of Certificate For Business Registration	
		Địa chỉ liên lạc Address	
		Tel/fax/Email	
		Đại diện giao dịch (nếu có) Trade Representative/Agent (if any)	
		Tel/fax/Email	
10. Các thông tin khác Other Information		Tên & Địa chỉ liên lạc Name & Address/Website/Email/Tel/Fax	
Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Fund Management Company (if any)			

Ngân hàng lưu ký (nếu có) Global Custodian (if any)	
Thành viên lưu ký tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Custodian (if any)	
Công ty Chứng khoán tại Việt Nam Broker firms in Vietnam	
Đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có) Trade Representative/ Agent in Vietnam (if any)	
Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin/ Information Disclosure Agent	
<p>11. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký) Declaration: (effective from the date this registration from is signed)</p> <p>11.1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực. I hereby certify that all the information given above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.</p> <p>2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam. I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam's financial and securities market.</p> <p>3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và hiện nay chưa bị xử phạt về các hành vi lừa đảo, thao túng, giao dịch nội bộ ở nước sở tại cũng như ở nước ngoài. I hereby certify that I am not and have not been convicted of any fraud, manipulation, or insider trading offences either inside the country of birth, of permanent residence or of any other country (applicable to individual investor).</p> <p style="text-align: right;">Ngày...tháng...năm Date...month...year... Chữ ký của nhà đầu tư (Investor's signature)</p> <p>Hồ sơ kèm theo Attachments</p>	

GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH

(áp dụng cho tổ chức)

Securities Trading Code Application Form for Foreign Institutional Investors to Invest in Vietnam's Securities Market

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

To: VietNam Securities Depository

1. Tên/ Applicant (Applicant's name shall be same as indicated on supporting identification documents)	
2. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Certificate for Business Registration:	
3. Ngày thành lập/ Establishment Date:	
4. Quốc gia nơi thành lập/ Country of domicile	
5. Địa chỉ/ Address	
6. Loại hình tổ chức/ Type of Applicant	
7. Please check applicable box and fill in relevant information, as appropriate	
<input type="checkbox"/> Quỹ đầu tư / If Applicant is a fund.	<input type="checkbox"/> Không phải là quỹ đầu tư/ If Applicant is not a fund.
Loại hình/Type: <input type="checkbox"/> Quỹ dạng pháp nhân/ a fund established as a corporation. <input type="checkbox"/> Quỹ tín thác, dạng hợp đồng/ a trust fund, a contractual fund <input type="checkbox"/> Quỹ thành viên/ a fund established as a partnership <input type="checkbox"/> Quỹ hưu trí/ a pension fund <input type="checkbox"/> Quỹ mở (quỹ tương hỗ)/ a mutual fund/ open-ended fund <input type="checkbox"/> Quỹ đóng/ a closed-ended fund <input type="checkbox"/> Quỹ ETF, Quỹ chỉ số/ETF fund, Index Funds <input type="checkbox"/> Hợp đồng ủy thác/ discretionary account <input type="checkbox"/> Loại hình khác/ Others _____	Loại hình/Type: <input type="checkbox"/> Ngân hàng thương mại/ a commercial/merchant bank <input type="checkbox"/> Ngân hàng đầu tư / Investment bank <input type="checkbox"/> Công ty bảo hiểm/ an insurance company <input type="checkbox"/> Công ty chứng khoán/ a broker firm or a futures commission merchant <input type="checkbox"/> Công ty quản lý quỹ/ a fund (asset) management company <input type="checkbox"/> Chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài/ Branch of a foreign fund (asset) management company in Vietnam <input type="checkbox"/> Loại hình khác/ Others _____ ¹
Trường hợp là quỹ con, quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ, tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau/ If Applicant is a sub-fund or fund of a feeder fund/ master fund or Multiple Investment Managers fund being a foreign governmental/ inter-governmental organization, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate. Mã số giao dịch chứng khoán của tổ chức liên quan theo quy định tại khoản	Trường hợp là công ty chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau /If Applicant is a broker firm, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate: <input type="checkbox"/> Mã số cho tài khoản môi giới/Trading code for broker (customers) account <input type="checkbox"/> Mã số cho tài khoản tự doanh/Trading code for own account Trường hợp công ty chứng khoán/ công ty mẹ/ bộ phận kinh doanh độc lập của một tổ chức đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán, đề nghị cung cấp thông tin về mã số đã được cấp, ngày cấp/ If the Applicant is a broker/ subsidiary of institution which has been granted with a trading code, please provide below details: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code

¹ Ghi rõ (Specify)

<p>7 Điều 2/ Trading Code of Foreign Related Parties according to Art 2.7.</p> <p>Ngày cấp/Date of issue</p> <p>Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán/ The relationship between the Applicant and the above STC holder:</p> <p><input type="checkbox"/> Quỹ con/Sub-Fund to Fund</p> <p><input type="checkbox"/> Quỹ được tài trợ từ một quỹ/Fund to Master/Feeder Fund</p> <p><input type="checkbox"/> Quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ/MIM Fund</p> <p><input type="checkbox"/> Quỹ quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ/ Managed, advised by the same Fund manager</p> <p><input type="checkbox"/> Quỹ có cùng một đại diện giao dịch/ Traded by the same Agent</p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức nước ngoài thuộc chính phủ, liên chính phủ/ Foreign governmental/ inter-governmental organization</p> <p><input type="checkbox"/> Loại hình quan hệ khác/ Other</p>	<p>Ngày cấp/Date of issue</p> <p>Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán/ The relationship between the Applicant and the affiliated institution:</p> <p><input type="checkbox"/> Là công ty con/ Subsidiary of a parent company</p> <p><input type="checkbox"/> Là công ty trong cùng tập đoàn/ Company in the same group</p> <p><input type="checkbox"/> Loại hình quan hệ khác/ Other</p>
<p>7. Thông tin về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan (nếu có)/ Foreign Related person in Vietnam (if any):</p> <p>a. Người có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.a)</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>b. Người có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.b)</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>c. Người có liên quan theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.c)</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>d. Người có liên quan theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.d)</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>đ. Người có liên quan theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.đ)</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p> <p>- Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code</p>	
<p>8. Phương án kinh doanh tại Việt Nam/Investment Objective in Vietnam:</p> <p><input type="checkbox"/> Dài hạn/Long-term</p> <p><input type="checkbox"/> Ngắn hạn/Short-term</p> <p>Quy mô vốn tối đa dự kiến đầu tư/ Maximium Portfolio Value (in USD):</p> <p>Thời hạn dự kiến đầu tư/ Investment horizon (in years)</p>	

Cơ cấu tài sản dự kiến/ Asset Allocation

Asset/ Công cụ	Fixed-Income/Trái phiếu			Equity/Cổ phiếu		Real Estate/ Bất động sản	Others/ Các công cụ khác
	Ngắn hạn/ Short-term (<1 year)	Trung hạn/ Mid-Term (1-2 year)	Dài hạn/ Long-Term (>2 years)	Listed/ Niêm yết	Unlisted/ Chưa niêm yết		
Asset Allocation (%)							

9. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)

Declaration: (effective from the date this registration form is signed)

9.1. Trên cơ sở các quy định tại Điều lệ Công ty/ Giấy phép thành lập hoặc các tài liệu tương đương, chiến lược đầu tư và giao dịch của chúng tôi nhằm mục đích sau:

Pursuant to the Articles on Memorandum of Incorporation or other corporate documents or agreements of the establishment of the applicant, the nature of applicant's overall investment or trading strategy is for the following purposes (please check the appropriate box):

Investment/đầu tư

Hedging/đầu cơ

9.2. Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin nêu trên cùng nội dung toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.

We hereby certify that all the information given above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.

9.3. Chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Việt Nam, chúng tôi sẽ không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.

We hereby undertake to comply to all laws and regulations on securities trading of Vietnam and do not take any action to threatening to the stability or order of the Vietnam's financial and securities market.

10. Thông tin cơ bản về tổ chức đầu tư (trường hợp tổ chức đầu tư không phải là quỹ đầu tư).

Background Information on Applicant (if the applicant is not a fund).

Tên các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên phần vốn góp, vốn điều lệ của tổ chức đầu tư Names of the Shareholders who own 5% or more of Applicant's share capital.	Quốc tịch/ Quốc gia nơi thành lập Nationality/ County of domicile	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ CMTND/ Hộ chiếu Certificate For Business Registration/ ID card/ Passport
--	--	---

11. Các thông tin khác / Other Information (Please mark N/A, if such item is not applicable)

	Tên & Địa chỉ liên lạc Name & Address/Website/Email/Tel/Fax
Công ty Quản lý quỹ nước ngoài (nếu có) Foreign Asset Management Company (if any)	
Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Fund Management Company (if any)	
Tổ chức nhận ủy thác/ Ngân hàng Giám sát (nếu có) Trustee (if any)	

Ngân hàng lưu ký (nếu có) Global Custodian (if any)	
Thành viên lưu ký tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Custodian (if any)	
Công ty chứng khoán tại Việt Nam (nếu có, liệt kê tất cả) Vietnamese Broker Firms	
Văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) Representative Office in Vietnam (if any)	
Đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có)/Traded Representative in Vietnam (if any)	
Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin (nếu có)/Information Disclosure Agent (if any)	
Người liên lạc (nếu có)/Contact person (if any)	
Hồ sơ kèm theo Attachments	

Tổ chức đăng ký

Applicant: _____

Đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài ký tên, đóng dấu (nếu có)

Name, Signature and Seal (if any)

of Authorized Signatory: _____

Chức danh

Title: _____

Ngày thực hiện

Execution Date: _____

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm 2015

**GIẤY ỦY QUYỀN
POWER OF ATTORNEY**

I. Bên Ủy quyền/ Authoriser:

- Họ và tên (Name):
- Quốc tịch (Nationality):
- Số hộ chiếu (Passport Number):
- Địa chỉ liên lạc (Current Address):
- Điện thoại/ Fax (Telephone/Fax):
- Email:

II. Bên nhận uỷ quyền/ Delegate: Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương,

- Địa chỉ công ty / Current Address: Tầng 4 và 5, số 9 Tô Hiến Thành, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại/Fax/ Telephone/fax: +84-4-22201039/ Fax: +84-4-22201032
- Người đại diện trước pháp luật/ Legal representative: Ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương.

III. Nội dung Ủy quyền/ Content:

1. Là đại diện duy nhất đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. / *To be the only representative to apply for trading code for the investor at VSD.*
2. Là đại diện thực hiện đăng ký, lưu ký và thanh toán bù trừ chứng khoán cho nhà đầu tư qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam./ *To be the representative to register, custody and settle securities for the investor at VSD.*

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ và chính xác của nội dung Giấy uỷ quyền này. Giấy uỷ quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản thay thế./ *We hereby guarantee and take to the full responsibility of the sufficiency and accuracy of this Power of Attorney. This Power of Attorney is valid since it is signed until it is replaced.*

Bên nhận uỷ quyền

CT TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
(ký và đóng dấu)

Họ tên và chữ ký người uỷ quyền

(Name and signature of the authoriser)

THÔNG TIN VÀ YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG**Thông tin Người yêu cầu:**

Tên cá nhân/tổ chức:.....

Họ tên Chủ tài khoản:

Số CMND:.....ngày cấp:.....nơi cấp:.....

Số tài khoản:..... Số điện thoại :..... Số Fax:.....

Nội dung yêu cầu:

Tên Nhà cung ứng: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

Số tài khoản Nhà cung ứng: 90218569504

Tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam Tỉnh/TP: Hà Nội

Loại/mã/số hóa đơn/hợp đồng yêu cầu thanh toán tự động:

Nội dung chuyển tiền:Số tiền thanh toán (*): trên Bảng kê thanh toán tự động của Nhà cung ứngNgày thanh toán (*): trên Bảng kê thanh toán tự động của Nhà cung ứng(*): *Khách hàng chọn một trong hai ô tích và gạch chéo phần không chọn*

Hạn mức thanh toán (nếu có):

Hiệu lực thanh toán kể từ ngày/...../..... đến một trong các thời điểm sau (tùy theo thời điểm nào đến trước):

(i) đến hết ngày/...../.....; (ii) xảy ra sự kiện nêu tại Điểm 4 Mục Xác nhận của Người yêu cầu; và (iii) xảy

ra một trong các sự kiện nêu tại Điều 5 hoặc Điều 8 tại Mục Các điều khoản sử dụng dịch vụ thanh toán tự động của Yêu cầu này.

Xác nhận của Người yêu cầu:

1. Tôi/Chúng tôi, bằng yêu cầu này, xác nhận cho phép Techcombank tự động trích tiền từ tài khoản của Tôi/Chúng tôi để thanh toán hóa đơn/hợp đồng dịch vụ trên đây.
2. Tôi/Chúng tôi đồng ý ủy quyền cho Nhà cung ứng thay mặt tôi nộp yêu cầu này cho Techcombank và sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên yêu cầu này.
3. Tôi/Chúng tôi đồng ý cho phép Techcombank thực hiện kiểm tra số dư trên tài khoản trên của Tôi/Chúng tôi và thực hiện trích nợ tự động tại ngày yêu cầu thanh toán với số tiền thanh toán xác định theo yêu cầu này và theo phương thức được nêu tại Hợp đồng liên kết giữa Techcombank và Nhà cung ứng.
Nếu ngày thanh toán của một tháng cụ thể trùng vào ngày thứ bảy, chủ nhật, nghỉ lễ, nghỉ Tết và ngày nghỉ theo quy định của Techcombank, thì ngày thanh toán sẽ được tự động chuyển thành ngày làm việc liền trước đó.
Trong trường hợp vào ngày thanh toán của một tháng cụ thể, tài khoản của Tôi/Chúng tôi không có đủ số dư cần thiết để chuyển cho Nhà cung ứng và chi trả các khoản phí (nếu có), Tôi/Chúng tôi đồng ý cho phép Techcombank thực hiện kiểm tra số dư trên tài khoản trên của Tôi/Chúng tôi và thực hiện trích nợ tự động tại ngày kế tiếp của ngày thanh toán.
4. Tôi/Chúng tôi xác nhận đồng ý việc tự động chấm dứt hiệu lực của yêu cầu này trong trường hợp Hợp đồng liên kết giữa Nhà cung ứng và Techcombank hết hiệu lực.
5. Tôi/Chúng tôi cam đoan những thông tin cung cấp ở yêu cầu này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp.
6. Tôi/Chúng tôi đồng ý trả phí dịch vụ theo quy định hiện hành của Techcombank theo từng thời kỳ và theo thỏa thuận giữa Techcombank và Nhà cung ứng tại Hợp đồng liên kết.
7. Tôi/Chúng tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với Các điều khoản sử dụng dịch vụ thanh toán tự động đính kèm yêu cầu này.

CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG DỊCH VỤ THANH TOÁN TỰ ĐỘNG

1. Giải thích thuật ngữ

- 1.1. Dịch vụ thanh toán tự động (Dịch vụ TTTĐ): là việc ngân hàng tự động trích một khoản tiền nhất định từ tài khoản của khách hàng để thanh toán hóa đơn/hợp đồng sử dụng dịch vụ cho Nhà cung ứng theo ủy quyền của khách hàng tại Yêu cầu TTTĐ.
- 1.2. Ngân hàng: là Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank).
- 1.3. Khách hàng: là cá nhân/tổ chức đăng ký sử dụng dịch vụ TTTĐ tại Ngân hàng thông qua việc xác lập và ký Yêu cầu TTTĐ này.
- 1.4. Nhà cung ứng: là tổ chức ký hợp đồng liên kết với Techcombank và là Nhà cung ứng hàng hóa/dịch vụ cho Khách hàng.

2. Quy định chung

- 2.1. Khi đăng ký dịch vụ này, Khách hàng không thanh toán cho Nhà cung ứng bằng các bất kỳ hình thức thanh toán nào khác.
- 2.2. Trong trường hợp Khách hàng thanh toán trùng/thừa tiền cho cùng một hóa đơn, Khách hàng có trách nhiệm liên hệ Nhà cung ứng để nhận lại khoản tiền thanh toán chênh lệch.
- 2.3. Khách hàng sẽ nhận hóa đơn/phiếu thu dịch vụ từ Nhà cung ứng.
3. Việc TTTĐ được áp dụng kể từ sau thời điểm đăng ký dịch vụ TTTĐ và được Ngân hàng và Nhà cung ứng chấp nhận.
4. Khách hàng cam kết duy trì số dư tài khoản đủ để thực hiện thanh toán các khoản thanh toán và chi trả các khoản phí (nếu có) theo dịch vụ TTTĐ đã được chấp nhận bởi Ngân hàng và Nhà cung ứng.
5. Trong trường hợp vào ngày TTTĐ và ngày kế tiếp của ngày TTTĐ, tài khoản của Khách hàng không có đủ số dư cần thiết để chuyển cho Nhà cung ứng và chi trả các khoản phí (nếu có), Ngân hàng sẽ không thực hiện dịch vụ TTTĐ trong ngày đó và không cần thông báo với Khách hàng, đồng thời Khách hàng đồng ý miễn trách cho Ngân hàng đối với các tổn thất xảy ra cho Khách hàng phát sinh từ việc không thực hiện thanh toán đúng hạn với Nhà cung ứng. Trong trường hợp này, Ngân hàng sẽ chấm dứt việc thực hiện dịch vụ TTTĐ theo Yêu cầu này.
6. Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm hay chi trả cho Khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn trong bất cứ mất mát, thiệt hại cũng như các chi phí có liên quan, trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi Khách hàng hay Nhà cung ứng hoặc gây ra bởi các giao dịch TTTĐ thành công hay không thành công theo yêu cầu của Nhà cung ứng hoặc gây ra bởi việc ghi nợ nhầm trên tài khoản của Khách hàng do việc Ngân hàng nhận thông tin sai lệch, không chính xác từ Nhà cung ứng.
7. Nhằm mục đích thực hiện dịch vụ TTTĐ, Khách hàng đồng ý ủy quyền cho Ngân hàng được thông báo thông tin số tài khoản của mình cho Nhà cung ứng và miễn truy cứu trách nhiệm của Ngân hàng về việc thông báo này.
8. Việc chấm dứt sử dụng dịch vụ TTTĐ sẽ có hiệu lực ngay khi Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản của Khách hàng hoặc của Nhà cung ứng hoặc các bên có liên quan đến Khách hàng (là cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoặc thừa hưởng quyền và nghĩa vụ của Khách hàng trong trường hợp Khách hàng tử vong, bị tuyên bố mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị tuyên bố mất tích hoặc chết, giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán).
9. Khách hàng đồng ý và miễn trách cho Ngân hàng mọi trách nhiệm liên quan đến việc thanh toán dịch vụ, nhầm lẫn, sai sót trong thanh toán dịch vụ với Nhà cung ứng phát sinh không do lỗi của Ngân hàng.
10. Ngân hàng chỉ thực hiện giao dịch đối với văn bản, tài liệu và các loại giao dịch phù hợp với các nội dung của Yêu cầu này. Trường hợp các văn bản, tài liệu mà Ngân hàng nhận được từ Nhà cung ứng và/hoặc Khách hàng không toàn vẹn hoặc không đầy đủ nội dung hoặc không phù hợp hoặc có dấu hiệu nghi ngờ, Ngân hàng có quyền từ chối thực hiện dịch vụ.

11. Khi nhận được Yêu cầu TTTĐ của Bên thanh toán, Ngân hàng chỉ kiểm tra sự phù hợp trên bề mặt của tài liệu này mà không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chân thực, giả mạo hay hiệu lực pháp lý của các tài liệu đó. Các bên đồng ý rằng Ngân hàng có thể thực hiện cung cấp dịch vụ theo các tài liệu nêu trên mà không cần yêu cầu hoặc đòi bằng chứng hay chứng minh nào về tính xác thực của các tài liệu đó.
12. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại và/hoặc tranh chấp (kể cả thiệt hại và/hoặc tranh chấp xảy ra với Bên thứ ba (nếu có) liên quan đến việc Ngân hàng thực hiện giao dịch theo nội dung các chứng từ, tài liệu, văn bản hợp lệ được gửi từ nguồn thông tin đã đăng ký. Nhà cung ứng và/hoặc Bên thanh toán phải chịu trách nhiệm đối với các tranh chấp, khiếu nại phát sinh.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI YÊU CẦU (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam –
CN/PGD:
Đồng ý cung cấp dịch vụ theo yêu cầu trên
kể từ ngày

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT VIÊN**

THÔNG TIN VÀ YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG**Thông tin Người yêu cầu:**

Tên cá nhân/tổ chức:

Họ tên Chủ tài khoản:

Số CMND:.....ngày cấp:.....nơi cấp:.....

Số tài khoản:..... Số điện thoại :..... Số Fax:.....

Nội dung yêu cầu:

Tên Nhà cung ứng: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

Số tài khoản Nhà cung ứng: 90218568704

Tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam Tỉnh/TP: Hà Nội

Loại/mã/số hóa đơn/hợp đồng yêu cầu thanh toán tự động:

Nội dung chuyển tiền:Số tiền thanh toán (*): trên Bảng kê thanh toán tự động của Nhà cung ứngNgày thanh toán (*): trên Bảng kê thanh toán tự động của Nhà cung ứng

(*): Khách hàng chọn một trong hai ô tích và gạch chéo phần không chọn

Hạn mức thanh toán (nếu có):

Hiệu lực thanh toán kể từ ngày/...../..... đến một trong các thời điểm sau (tùy theo thời điểm nào đến trước):

(i) đến hết ngày/...../.....; (ii) xảy ra sự kiện nêu tại Điểm 4 Mục Xác nhận của Người yêu cầu; và (iii) xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Điều 5 hoặc Điều 8 tại Mục Các điều khoản sử dụng dịch vụ thanh toán tự động của Yêu cầu này.

Xác nhận của Người yêu cầu:

1. Tôi/Chúng tôi, bằng yêu cầu này, xác nhận cho phép Techcombank tự động trích tiền từ tài khoản của Tôi/Chúng tôi để thanh toán hóa đơn/hợp đồng dịch vụ trên đây.
2. Tôi/Chúng tôi đồng ý ủy quyền cho Nhà cung ứng thay mặt tôi nộp yêu cầu này cho Techcombank và sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên yêu cầu này.
3. Tôi/Chúng tôi đồng ý cho phép Techcombank thực hiện kiểm tra số dư trên tài khoản trên của Tôi/Chúng tôi và thực hiện trích nợ tự động tại ngày yêu cầu thanh toán với số tiền thanh toán xác định theo yêu cầu này và theo phương thức được nêu tại Hợp đồng liên kết giữa Techcombank và Nhà cung ứng.
Nếu ngày thanh toán của một tháng cụ thể trùng vào ngày thứ bảy, chủ nhật, nghỉ lễ, nghỉ Tết và ngày nghỉ theo quy định của Techcombank, thì ngày thanh toán sẽ được tự động chuyển thành ngày làm việc liền trước đó.
Trong trường hợp vào ngày thanh toán của một tháng cụ thể, tài khoản của Tôi/Chúng tôi không có đủ số dư cần thiết để chuyển cho Nhà cung ứng và chi trả các khoản phí (nếu có), Tôi/Chúng tôi đồng ý cho phép Techcombank thực hiện kiểm tra số dư trên tài khoản trên của Tôi/Chúng tôi và thực hiện trích nợ tự động tại ngày kế tiếp của ngày thanh toán.
4. Tôi/Chúng tôi xác nhận đồng ý việc tự động chấm dứt hiệu lực của yêu cầu này trong trường hợp Hợp đồng liên kết giữa Nhà cung ứng và Techcombank hết hiệu lực.
5. Tôi/Chúng tôi cam đoan những thông tin cung cấp ở yêu cầu này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp.
6. Tôi/Chúng tôi đồng ý trả phí dịch vụ theo quy định hiện hành của Techcombank theo từng thời kỳ và theo thỏa thuận giữa Techcombank và Nhà cung ứng tại Hợp đồng liên kết.
7. Tôi/Chúng tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với Các điều khoản sử dụng dịch vụ thanh toán tự động đính kèm yêu cầu này.

CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG DỊCH VỤ THANH TOÁN TỰ ĐỘNG

1. Giải thích thuật ngữ

- 1.1. Dịch vụ thanh toán tự động (Dịch vụ TTTĐ): là việc ngân hàng tự động trích một khoản tiền nhất định từ tài khoản của khách hàng để thanh toán hóa đơn/hợp đồng sử dụng dịch vụ cho Nhà cung ứng theo ủy quyền của khách hàng tại Yêu cầu TTTĐ.
- 1.2. Ngân hàng: là Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank).
- 1.3. Khách hàng: là cá nhân/tổ chức đăng ký sử dụng dịch vụ TTTĐ tại Ngân hàng thông qua việc xác lập và ký Yêu cầu TTTĐ này.
- 1.4. Nhà cung ứng: là tổ chức ký hợp đồng liên kết với Techcombank và là Nhà cung ứng hàng hóa/dịch vụ cho Khách hàng.

2. Quy định chung

- 2.1. Khi đăng ký dịch vụ này, Khách hàng không thanh toán cho Nhà cung ứng bằng các bất kỳ hình thức thanh toán nào khác.
- 2.2. Trong trường hợp Khách hàng thanh toán trùng/thừa tiền cho cùng một hóa đơn, Khách hàng có trách nhiệm liên hệ Nhà cung ứng để nhận lại khoản tiền thanh toán chênh lệch.
- 2.3. Khách hàng sẽ nhận hóa đơn/phiếu thu dịch vụ từ Nhà cung ứng.
3. Việc TTTĐ được áp dụng kể từ sau thời điểm đăng ký dịch vụ TTTĐ và được Ngân hàng và Nhà cung ứng chấp nhận.
4. Khách hàng cam kết duy trì số dư tài khoản đủ để thực hiện thanh toán các khoản thanh toán và chi trả các khoản phí (nếu có) theo dịch vụ TTTĐ đã được chấp nhận bởi Ngân hàng và Nhà cung ứng.
5. Trong trường hợp vào ngày TTTĐ và ngày kế tiếp của ngày TTTĐ, tài khoản của Khách hàng không có đủ số dư cần thiết để chuyển cho Nhà cung ứng và chi trả các khoản phí (nếu có), Ngân hàng sẽ không thực hiện dịch vụ TTTĐ trong ngày đó và không cần thông báo với Khách hàng, đồng thời Khách hàng đồng ý miễn trách cho Ngân hàng đối với các tổn thất xảy ra cho Khách hàng phát sinh từ việc không thực hiện thanh toán đúng hạn với Nhà cung ứng. Trong trường hợp này, Ngân hàng sẽ chấm dứt việc thực hiện dịch vụ TTTĐ theo Yêu cầu này.
6. Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm hay chi trả cho Khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn trong bất cứ mất mát, thiệt hại cũng như các chi phí có liên quan, trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi Khách hàng hay Nhà cung ứng hoặc gây ra bởi các giao dịch TTTĐ thành công hay không thành công theo yêu cầu của Nhà cung ứng hoặc gây ra bởi việc ghi nợ nhầm trên tài khoản của Khách hàng do việc Ngân hàng nhận thông tin sai lệch, không chính xác từ Nhà cung ứng.
7. Nhằm mục đích thực hiện dịch vụ TTTĐ, Khách hàng đồng ý ủy quyền cho Ngân hàng được thông báo thông tin số tài khoản của mình cho Nhà cung ứng và miễn truy cứu trách nhiệm của Ngân hàng về việc thông báo này.
8. Việc chấm dứt sử dụng dịch vụ TTTĐ sẽ có hiệu lực ngay khi Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản của Khách hàng hoặc của Nhà cung ứng hoặc các bên có liên quan đến Khách hàng (là cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoặc thừa hưởng quyền và nghĩa vụ của Khách hàng trong trường hợp Khách hàng tử vong, bị tuyên bố mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị tuyên bố mất tích hoặc chết, giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán).
9. Khách hàng đồng ý và miễn trách cho Ngân hàng mọi trách nhiệm liên quan đến việc thanh toán dịch vụ, nhầm lẫn, sai sót trong thanh toán dịch vụ với Nhà cung ứng phát sinh không do lỗi của Ngân hàng.
10. Ngân hàng chỉ thực hiện giao dịch đối với văn bản, tài liệu và các loại giao dịch phù hợp với các nội dung của Yêu cầu này. Trường hợp các văn bản, tài liệu mà Ngân hàng nhận được từ Nhà cung ứng và/hoặc Khách hàng không toàn vẹn hoặc không đầy đủ nội dung hoặc không phù hợp hoặc có dấu hiệu nghi ngờ, Ngân hàng có quyền từ chối thực hiện dịch vụ.

11. Khi nhận được Yêu cầu TTTĐ của Bên thanh toán, Ngân hàng chỉ kiểm tra sự phù hợp trên bề mặt của tài liệu này mà không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chân thực, giả mạo hay hiệu lực pháp lý của các tài liệu đó. Các bên đồng ý rằng Ngân hàng có thể thực hiện cung cấp dịch vụ theo các tài liệu nêu trên mà không cần yêu cầu hoặc đòi bằng chứng hay chứng minh nào về tính xác thực của các tài liệu đó.
12. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại và/hoặc tranh chấp (kể cả thiệt hại và/hoặc tranh chấp xảy ra với Bên thứ ba nếu có) liên quan đến việc Ngân hàng thực hiện giao dịch theo nội dung các chứng từ, tài liệu, văn bản hợp lệ được gửi từ nguồn thông tin đã đăng ký. Nhà cung ứng và/hoặc Bên thanh toán phải chịu trách nhiệm đối với các tranh chấp, khiếu nại phát sinh.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI YÊU CẦU (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam –
CN/PGD:
Đồng ý cung cấp dịch vụ theo yêu cầu trên
kể từ ngày

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT VIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHONG TỎA CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ TỰ NGUYỆN

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

- Tôi/Chúng tôi là:

**Đối với cá nhân*

Số CMND (NĐT trong nước)

Ngày cấp:

Nơi cấp:

/Mã số giao dịch chứng khoán (NĐT nước ngoài):

Địa chỉ:

Quốc tịch:

**Đối với tổ chức*

Số ĐKSH (NĐT trong nước)

Ngày cấp:

Nơi cấp:

/Mã số giao dịch chứng khoán (NĐT nước ngoài):

Địa chỉ:

Người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền:

Chức vụ:

- Số tài khoản giao dịch CCQ mở :

- ĐLPP nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản:

Đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thực hiện phong tỏa số lượng chứng chỉ quỹ mở hiện Tôi/Chúng tôi đang sở hữu như sau:

Stt	Mã chứng chỉ quỹ	Loại chứng chỉ quỹ	Số lượng	Ghi chú

Tôi/Chúng tôi cam kết :

- Số chứng chỉ quỹ đề nghị phong tỏa hoàn toàn thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của Tôi/Chúng tôi và đang ở trạng thái được tự do chuyển nhượng

- Không thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ trên trong thời gian làm hồ sơ đề nghị phong tỏa tự nguyện với VSD và trong suốt quá trình thực hiện phong tỏa.

- Việc đề nghị phong tỏa số chứng chỉ quỹ trên của Tôi/Chúng tôi được thực hiện trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và Tôi/Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về đề nghị này và tự giải quyết nếu có phát sinh tranh chấp.

- Việc đề nghị giải tỏa số chứng chỉ quỹ trên chỉ được thực hiện khi có văn bản yêu cầu có chữ ký của chính Tôi/Chúng tôi và Bên liên quan (nếu có) dưới đây:

Tên cá nhân/tổ chức:.....

Số CMND/ĐKKD:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú/trụ sở chính:

Người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền:.....

Chức vụ:.....

Kính đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xem xét, xử lý.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Bên liên quan (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)

Người đề nghị phong tỏa

(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)

Xác nhận của ĐLPP bên đề nghị phong tỏa mở tài khoản

(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỎA THUẬN
VỀ VIỆC PHONG TỎA CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ TỰ NGUYỆN
Số: /TTPT-VSD

- Căn cứ Luật Chứng khoán của nước CHXHVN Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán năm 2010;
 - Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam năm 2005;
 - Căn cứ Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
 - Căn cứ Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
 - Căn cứ Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
 - Căn cứ hợp đồng Đại lý chuyển nhượng giữa Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Công ty cổ phần Quản lý Quỹ
 - Theo yêu cầu của nhà đầu tư thông qua Đại lý phân phối và khả năng cung cấp dịch vụ của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Chúng tôi gồm:

I. Bên cung cấp dịch vụ (Bên A): Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Địa chỉ : 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Người đại diện :

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

II. Bên sử dụng dịch vụ (Bên B):

Địa chỉ

Số CMND/ĐKKD: _____ Ngày cấp _____ Nơi cấp _____

Người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền:

Chức vụ:

III. ĐLPP nơi Bên sử dụng dịch vụ đăng ký mở tài khoản (Bên C):

Địa chỉ:

Số ĐKKD:

Người đại diện:

Chức vụ:

Sau khi thỏa thuận, Ba bên cùng thống nhất ký kết Thỏa thuận về việc phong tỏa chứng khoán tự nguyện như sau:

1. Bên A sẽ cung cấp dịch vụ phong tỏa/giải tỏa chứng chỉ quỹ tự nguyện theo đề nghị bằng văn bản của Bên B đối với số lượng chứng chỉ quỹ mở thuộc sở hữu của Bên B như sau:

STT	Mã chứng chỉ quỹ	Loại chứng chỉ quỹ	Số lượng	Ghi chú

2. Bên B sẽ trả cho Bên A một khoản tiền dịch vụ phong tỏa tự nguyện là VNĐ (Bằng chữ:.....)

(Số tiền này chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng)

3. Bên C sẽ thực hiện các công việc sau:

- Hướng dẫn Bên B lập hồ sơ phong tỏa/giải tỏa chứng chỉ quỹ theo mẫu của Bên A và hoàn tất hồ sơ gửi lên Bên A

- Thay mặt Bên B nộp tiền dịch vụ cho Bên A

4. Ba bên cam kết thực hiện đúng các quy định trong Thỏa thuận này và các quy định pháp luật có liên quan;

5. Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày Bên A có văn bản xác nhận phong tỏa chứng chỉ quỹ của Bên B và tự động hết hiệu lực khi Bên A giải tỏa toàn bộ chứng chỉ quỹ đã phong tỏa theo đề nghị của Bên B.

6. Thỏa thuận này gồm 02 (hai) trang được lập làm 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

....., ngày ... tháng ... năm 201....

ĐẠI DIỆN BÊN A
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN C
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI TỎA CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

- Tôi/Chúng tôi là:

**Đối với cá nhân*

Số CMND (NĐT trong nước)/Mã số giao dịch chứng khoán (NĐT nước ngoài):

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Quốc tịch:

**Đối với tổ chức*

Số ĐKSH (NĐT trong nước)

Ngày cấp:

Nơi cấp:

/Mã số giao dịch chứng khoán (NĐT nước ngoài):

Địa chỉ:

Người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền:

Chức vụ:

- Số tài khoản giao dịch CCQ mở:

- ĐLPP nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản:

Ngày.... Tôi/Chúng tôi đã gửi Giấy đề nghị phong tỏa chứng chỉ quỹ mở tự nguyện lên VSD, nay Tôi/Chúng tôi gửi văn bản này đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thực hiện giải tỏa số lượng chứng chỉ quỹ mở đã đề nghị phong tỏa tại Giấy đề nghị nêu trên, cụ thể như sau:

STT	Mã chứng chỉ quỹ	Loại chứng chỉ quỹ	Số lượng	Ghi chú

Kính đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xem xét, xử lý.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị giải tỏa

(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)

**Xác nhận đồng ý của
Bên liên quan (nếu có)**

(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)

Xác nhận của ĐLPP bên đề nghị giải tỏa mở tài khoản

(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Kính gửi: - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Tên Đại lý phân phối

Căn cứ vào

Bên chuyển quyền sở hữu:

- Họ và tên:.....
- Số ĐKSH:.....do.....cấp ngày.....
- Địa chỉ:.....
- Quốc tịch:.....
- Số tài khoản giao dịch:.....
- Nơi mở tài khoản:.....

Đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán của tôi/ công ty cho ông/bà/công ty theo các nội dung sau:

Bên nhận chuyển quyền sở hữu:

- Họ và tên:.....
- Số ĐKSH:.....do.....cấp ngày.....
- Địa chỉ:.....
- Quốc tịch:.....
- Số tài khoản giao dịch:.....
- Nơi mở tài khoản:

Số lượng chứng khoán chuyển quyền sở hữu:

STT	Mã chứng chỉ quỹ	Mệnh giá	Loại chứng chỉ quỹ ¹	Số lượng	Ghi chú

Lý do đề nghị chuyển quyền sở hữu:

Chúng tôi cam kết thông tin trên đây là trung thực, chính xác và việc chuyển quyền sở hữu này được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đề nghị chuyển quyền này.

....., ngày tháng năm....

Bên nhận chuyển quyền sở hữu
(Chữ ký, họ tên, con dấu)

Bên chuyển quyền sở hữu
(Chữ ký, họ tên, con dấu)

¹ Loại chứng chỉ quỹ: (1) Tự do chuyển nhượng
(2) Chuyển nhượng có điều kiện (hạn chế chuyển nhượng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ vào Di chúc/ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản.....

Bên nhận thừa kế:

- Họ và tên:.....
- Số ĐKSH:.....
- Địa chỉ:.....
- Quốc tịch:.....
- Số tài khoản giao dịch:.....
- Nơi mở tài khoản:.....

Đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán thuộc sở hữu của Ông/Bà sau đây sang sở hữu của tôi/chúng tôi như sau:

Bên để lại thừa kế:

- Họ và tên:.....
- Số ĐKSH:.....
- Địa chỉ:.....
- Quốc tịch:.....
- Số tài khoản giao dịch:.....
- Nơi mở tài khoản:.....
- Số lượng chứng chỉ quỹ để lại thừa kế:



STT	Mã chứng chỉ quỹ	Mệnh giá	Loại Chứng chỉ quỹ	Số lượng	Ghi chú

Tôi/Chúng tôi cam kết việc đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán do thừa kế nêu trên là trung thực, chính xác, hợp pháp và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có phát sinh tranh chấp.

....., ngày tháng năm....

Bên nhận thừa kế
(Chữ ký, họ tên, con dấu)